



PVOIL
Đường xa thêm gần

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2020

TỔNG CÔNG TY DẦU VIỆT NAM – CTCP

Tp. HCM, tháng 04 năm 2021

MỤC LỤC

PHẦN I - THÔNG TIN CHUNG VỀ PVOIL	4
1. Thông tin tổng quát.....	4
2. Quá trình hình thành và phát triển	4
3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh	5
4. Mô hình quản trị công ty	7
5. Các công ty con, công ty liên doanh, liên kết.....	7
6. Ban lãnh đạo Tổng công ty.....	8
7. Định hướng phát triển	12
7.1. Hoạt động sản xuất kinh doanh	13
7.2. Tái cấu trúc, đổi mới doanh nghiệp	13
7.3. Nâng cao năng lực quản trị và phát triển nguồn nhân lực	13
8. Các rủi ro.....	14
PHẦN II - QUẢN TRỊ CÔNG TY	15
1. Hội đồng quản trị	15
2. Ban Kiểm soát	16
3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát	18
3.1. Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích của HĐQT, Ban điều hành và BKS	18
3.2. Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ: không có.....	19
3.3. Hợp đồng hoặc giao dịch với người nội bộ: không có	19
3.4. Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị công ty	19
PHẦN III - TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG NĂM 2020.....	20
1. Bối cảnh chung.....	20
2. Kết quả sản xuất kinh doanh	21
2.1. Các chỉ tiêu sản lượng.....	21
2.2. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu tài chính chủ yếu.....	22
3. Tổ chức và nhân sự	22
3.1. Ban điều hành Tổng công ty.....	22
3.2. Những thay đổi trong Ban điều hành	23
3.3. Báo cáo về lao động và chính sách đối với người lao động	23
4. Tình hình đầu tư và thực hiện dự án	24
5. Công tác tái cấu trúc và đổi mới doanh nghiệp.....	25
6. Tình hình tài chính.....	25
7. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu.....	26
PHẦN IV - BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ CỦA BAN ĐIỀU HÀNH	28
1. Đánh giá kết quả hoạt động SKXD của Tổng công ty.....	28
2. Những tiến bộ đạt được trong năm	28

2.1. Công tác ứng dụng công nghệ 4.0 và nghiên cứu phát triển	28
2.2. Nâng tầm thương hiệu PVOIL	29
3. Tình hình tài chính.....	29
3.1. Tình hình tài sản và nguồn vốn.....	29
3.2. Tình hình Nợ phải trả.....	30
4. Kế hoạch SXKD năm 2021	31
4.1. Dự báo tình hình.....	31
4.2. Nhiệm vụ trọng tâm	32
4.3. Các chỉ tiêu kế hoạch chủ yếu	32
5. Giải trình của Ban giám đốc đối với ý kiến kiểm toán	33
PHẦN V - ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA TỔNG CÔNG TY	36
1. Đánh giá chung về các mặt hoạt động của Tổng công ty	36
2. Đánh giá về hoạt động của Ban Tổng giám đốc.....	36
3. Các kế hoạch và định hướng hoạt động năm 2021	37
PHẦN VI - BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG.....	39
1. Thông điệp phát triển bền vững.....	39
2. Nguyên tắc hoạt động của PVOIL đối với các bên liên quan.....	40
3. Báo cáo về công tác an toàn, sức khỏe và bảo vệ môi trường (ATSKMT)	40
3.1. Duy trì hiệu quả Hệ thống ATSKMT	40
3.2. Công tác An toàn - An ninh, PCCC, ứng cứu tình huống khẩn cấp	41
3.3. Chăm sóc sức khỏe người lao động.....	42
3.4. Công tác bảo vệ môi trường và kiểm soát chất thải.....	42
3.5. Xây dựng văn hóa an toàn sức khỏe, môi trường	42
3.6. Các chỉ số an toàn sức khỏe và nghề nghiệp	42
3.7. Nhiệm vụ chính công tác ATSKMT 2020	43
4. Báo cáo tình hình sử dụng năng lượng và nước.....	44
5. Tuân thủ về môi trường.....	44
6. Báo cáo các vấn đề về xã hội.....	44
6.1. Việc làm.....	44
6.2. Trách nhiệm sản phẩm, dịch vụ.....	45
6.3. Trách nhiệm đối với cộng đồng	47
PHẦN VII - BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT NĂM 2020	48
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	49
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP.....	51
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	54
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	58
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	59
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	61

PHẦN I

THÔNG TIN CHUNG VỀ PVOIL

1. Thông tin tổng quát

- 🔥 Tên giao dịch: TỔNG CÔNG TY DẦU VIỆT NAM - CTCP
- 🔥 Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0305795054
- 🔥 Vốn điều lệ: 10.342.295.000.000 đồng
- 🔥 Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 10.342.295.000.000 đồng
- 🔥 Địa chỉ: Tầng 14-18, Tòa nhà PetroVietnam, số 1-5 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
- 🔥 Số điện thoại: (84-28)3910 6990
- 🔥 Số fax: (84-28) 3910 6980
- 🔥 Website: www.pvoil.com.vn
- 🔥 Mã cổ phiếu: OIL, giao dịch trên Upcom từ ngày 07/3/2018

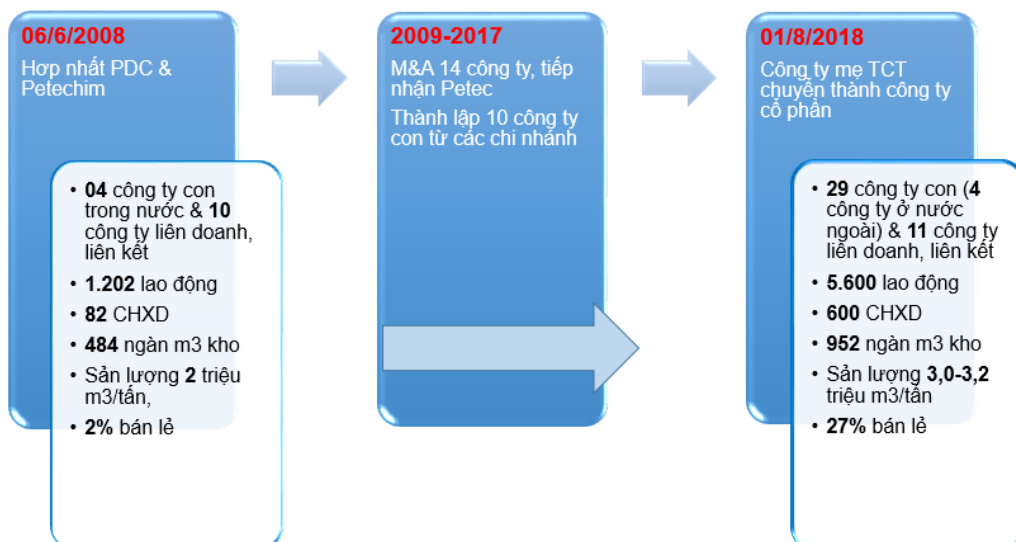
2. Quá trình hình thành và phát triển

Tổng Công ty Dầu Việt Nam (PVOIL) là đơn vị thành viên trực thuộc Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam, được thành lập theo Quyết định số 1250/QĐ-DKVN ngày 06/06/2008 của Tập đoàn trên cơ sở hợp nhất Tổng Công ty Thương mại Dầu khí (Petechem - thành lập tháng 04/1994) và Công ty Chế biến và Kinh doanh Sản phẩm dầu (PDC - thành lập tháng 04/1996).

PVOIL là đơn vị duy nhất của Tập đoàn tham gia phát triển hoàn chỉnh khâu hạ nguồn của ngành Dầu khí trong các lĩnh vực xuất nhập khẩu, kinh doanh dầu thô và chế biến, tồn trữ, phân phối các sản phẩm dầu.

Trong gần 12 năm hoạt động dưới thương hiệu PVOIL, Tổng Công ty đã liên tục phát triển mở rộng hệ thống mạng lưới kinh doanh xăng dầu (KDXD) trong và ngoài nước thông qua mua bán sáp nhập doanh nghiệp. PVOIL cũng đã không ngừng tái cấu trúc, sắp xếp, đổi mới doanh nghiệp theo định hướng tối ưu bộ máy, tập trung vào các hoạt động cốt lõi nhằm gia tăng hiệu quả hoạt động.

Những dấu mốc lịch sử trong quá trình hình thành và phát triển PVOIL như sau:



3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

1.1. Lĩnh vực kinh doanh chính



Lĩnh vực ủy thác xuất/ bán dầu thô và kinh doanh dầu quốc tế

PVOIL là doanh nghiệp duy nhất tại Việt Nam tổ chức tiếp thị và thực hiện dịch vụ ủy thác xuất/ bán dầu thô Việt Nam và dầu thô của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam khai thác tại các mỏ nước ngoài. Với bề dày hơn 36 năm kinh nghiệm thực hiện dịch vụ, PVOIL đã trực tiếp xuất bán an toàn và hiệu quả gần 370 triệu tấn dầu thô các loại khai thác từ 16 mỏ dầu trong và ngoài nước.

PVOIL cũng đảm nhiệm việc cung cấp dầu thô nguyên liệu cho Công ty Lọc hóa dầu Bình Sơn (Nhà máy lọc dầu Dung Quất) với sản lượng bình quân 7 triệu tấn/năm từ nguồn trong nước và/ hoặc nhập khẩu (khi Nhà máy có nhu cầu).

Lĩnh vực sản xuất xăng dầu, dầu mỡ nhờn, nhiên liệu sinh học

Sản xuất xăng dầu: PVOIL thực hiện sản xuất, pha chế xăng dầu sản lượng 600.000 m³ từ nguồn condensate khai thác trong nước của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam. Toàn bộ lượng xăng sản xuất tiếp tục được đưa vào pha chế xăng sinh học E5 RON 92.

Sản xuất Nhiên liệu sinh học (NLSH): Thực hiện chủ trương của Chính phủ về việc phát triển nguồn NLSH, PVOIL đã góp vốn đầu tư xây dựng 3 nhà máy sản xuất NLSH (ethanol – E100) tại Bình Phước, Quảng Ngãi và Phú Thọ, với công suất mỗi nhà máy 100.000 m³ E100/năm. Hai nhà máy NLSH Bình Phước và NLSH Quảng Ngãi hiện đã hoàn tất đã sẵn sàng sản xuất khi thị trường thuận lợi theo chỉ đạo của cấp thẩm quyền. Riêng nhà máy NLSH Phú Thọ chưa hoàn tất xây dựng và đã tạm dừng do gặp khó khăn trong huy động vốn. PVOIL hiện đang thực hiện tái cấu trúc các nhà máy theo Đề án 1468/QĐ-TTg ngày 29/9/2017 và Kế hoạch hành động số 4269/QĐ-BCĐDADNCT ngày 14/11/2017 của Chính phủ.

PVOIL có hệ thống pha chế xăng E5 trên cả nước với tổng công suất đạt trên 1,5 triệu m³ E5/năm. PVOIL hiện cung ứng ra thị trường gần 600.000 m³ xăng E5 thương phẩm/năm.

Sản xuất dầu mỡ nhờn: PVOIL LUBE, công ty con của PVOIL, với giá trị thương hiệu kế thừa từ VIDAMO - một trong những doanh nghiệp đầu tiên ở Việt Nam sản xuất và kinh doanh dầu mỡ nhờn. Sản phẩm của PVOIL LUBE với hơn 140 loại dầu mỡ bôi trơn được sản xuất từ nguồn nguyên liệu chất lượng cao, chủ yếu cung cấp cho các khách hàng công nghiệp và các nhà thầu dầu khí và đang dần mở rộng đến đối tượng khách hàng lẻ thông qua mạng lưới phân phối xăng dầu của PVOIL. Sản phẩm dầu mỡ nhờn của PVOIL được sản xuất tại nhà máy Bình Chiểu (Tp. Hồ Chí Minh) với công suất 20.000 tấn/năm.

Kinh doanh sản phẩm dầu

Trong lĩnh vực kinh doanh phân phối xăng dầu tại thị trường nội địa, PVOIL xếp vị trí thứ 2 về sản lượng tiêu thụ, chiếm khoảng 17% thị phần. Tại Lào, PVOIL đứng đầu về sản lượng nhập khẩu, chiếm 20,5% thị phần và trong top 3 doanh nghiệp kinh doanh phân phối xăng dầu lớn nhất.

Trong suốt gần 13 năm hoạt động, thông qua hoạt động mua bán sáp nhập doanh nghiệp (M&A), PVOIL đã phát triển mạnh mẽ hệ thống phân phối KDXD rộng khắp cả nước và tại nước bạn Lào.

3.2 Địa bàn kinh doanh và hệ thống phân phối

Trong nước:

PVOIL có hệ thống phân phối xăng dầu tại 64/64 tỉnh thành trên cả nước với 1.800 cửa hàng xăng dầu (CHXD), trong đó có 600 CHXD trực thuộc và 1.200 CHXD đại lý/nhượng quyền thương mại.

Nước ngoài:

- **Tại Lào**, PVOIL có 02 công ty con là PVOIL Laos kinh doanh xuất nhập khẩu xăng dầu và PVOIL Laos Trading kinh doanh phân phối xăng dầu tại 16/18 tỉnh/thành của Lào với hệ thống phân phối 125 CHXD.
- **Tại Singapore**, PVOIL có công ty con là PVOIL Singapore chuyên kinh doanh dầu thô và sản phẩm dầu trên thị trường quốc tế.
- **Tại Campuchia**, PVOIL thành lập công ty con là PVOIL Campuchia để nghiên cứu đầu tư xây dựng nhà máy chế biến condensate tại đây.

3.3 Hệ thống cơ sở vật chất phục vụ kinh doanh



- 600 cửa hàng xăng dầu tại 56 tỉnh/thành trên cả nước.
- 125 cửa hàng xăng dầu tại Lào



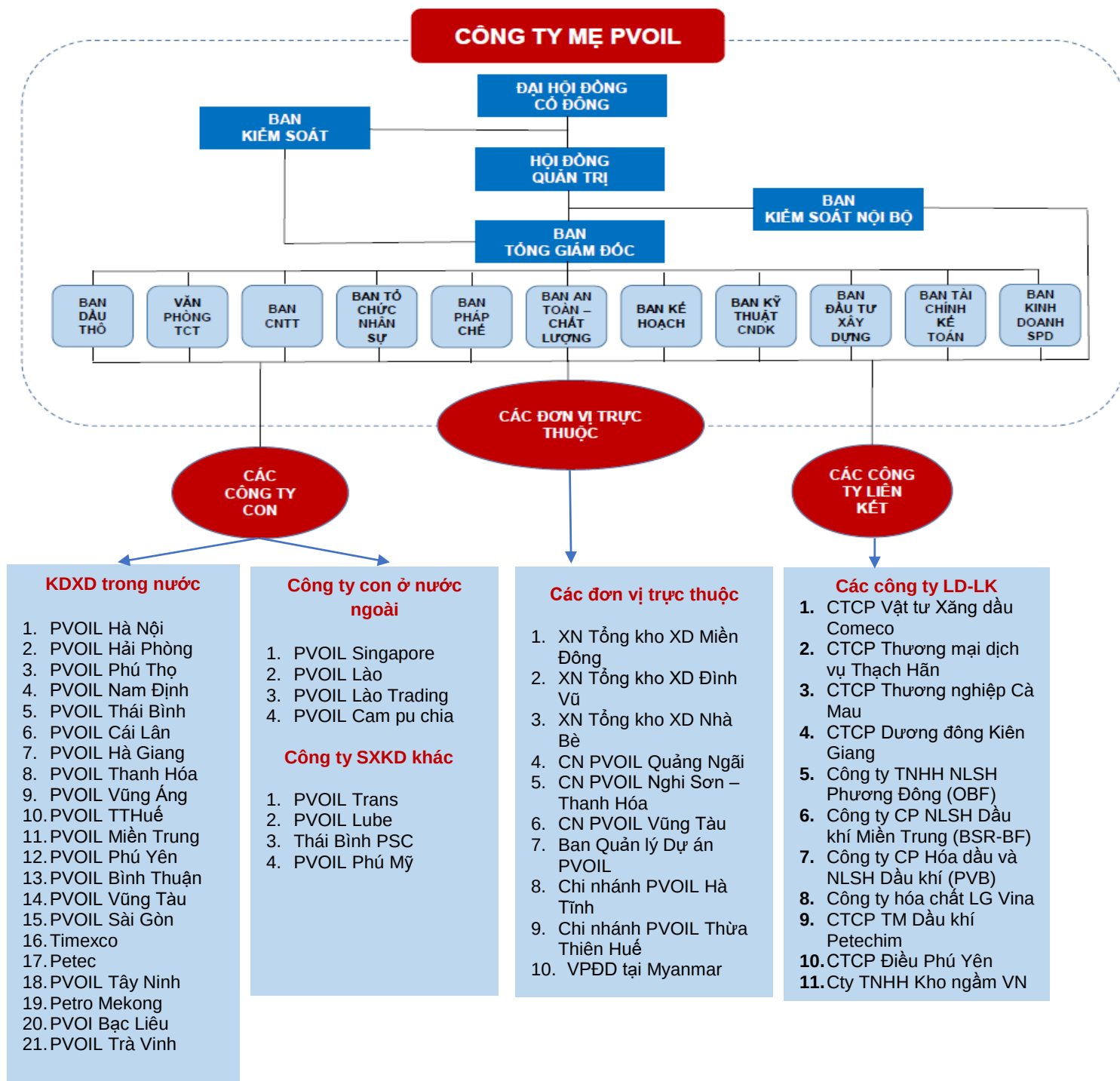
- 30 kho xăng dầu trên cả nước, tổng sức chứa 952 ngàn m3, đáp ứng nhu cầu kinh doanh trong 5-7 năm tới.
- 07 kho xăng dầu tại Lào với tổng sức chứa 6.800 m3



- 125 xe bồn tổng dung tích trên 2.000 m3
- 7 xà lan tổng dung tích 4.000 m3
- Đáp ứng khoảng 50% nhu cầu vận chuyển của PVOIL và đại lý

4. Mô hình quản trị công ty

Kể từ ngày 01/8/2018, Công ty mẹ Tổng Công ty Dầu Việt Nam chính thức chuyển đổi thành công ty cổ phần với mô hình tổ chức bộ máy như sơ đồ sau:



5. Các công ty con, công ty liên doanh, liên kết

- Các công ty con: Chi tiết xin xem tại thuyết minh BCTC kiểm toán (trang 62 báo cáo này)
- Các công ty liên doanh, liên kết: Chi tiết xin xem tại thuyết minh BCTC kiểm toán (trang 63 báo cáo này)

6. Ban lãnh đạo Tổng công ty

6.1. Hội đồng quản trị

Cơ cấu Hội đồng quản trị PVOIL được ĐHCĐ lần đầu (ngày 30/7/2018) thông qua gồm 7 thành viên, trong đó có 02 thành viên độc lập.

Ông Cao Hoài Dương, Chủ tịch HĐQT

Ngày sinh: 30/01/1972

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Hóa Công nghệ

Kinh nghiệm nghề nghiệp

Ông có gần 28 năm đóng góp cho ngành dầu khí sau khi tốt nghiệp thạc sĩ tại Úc. Trải qua các vị trí từ chuyên viên, lãnh đạo cấp trung đến tham gia quản lý điều hành của ngành Dầu khí như: Phó Tổng giám đốc Liên doanh Lọc hóa dầu Nghi Sơn, Tổng giám đốc Tổng công ty Đạm và Hóa chất Dầu khí (Đạm Phú Mỹ). Với tư duy chiến lược sắc bén và kiến thức sâu rộng trong nhiều lĩnh vực, ông khẳng định uy tín, vai trò qua từng vị trí công tác với nhiều đóng góp quan trọng. Tháng 01/2016, ông được Tập đoàn Dầu khí Việt nam điều động về Tổng công ty Dầu Việt Nam - Công ty TNHH MTV giữ cương vị Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Tổng công ty. Ông tiếp tục đảm nhận vị trí Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Tổng công ty Dầu Việt Nam - CTCP từ ngày 01/8/2018 đến 23/9/2020. Ông được HĐQT tín nhiệm bầu giữ chức chủ tịch HĐQT PVOIL từ 23/9/2020 đến nay.

Ông Cao Hoài Dương đang nắm giữ 284.667.029 cổ phần (tương đương 27,52% vốn điều lệ) tại PVOIL. Trong đó, 284.661.929 cổ phần là đại diện vốn Tập đoàn Dầu khí Việt Nam và 5.100 cổ phần là sở hữu của cá nhân.

Ông Đoàn Văn Nhuộm, Thành viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc

Ngày sinh: 07-11-1963

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Trắc địa công trình

Kinh nghiệm nghề nghiệp: Ông có hơn 34 năm đóng góp cho ngành Dầu khí, đã tham gia quản lý điều hành nhiều đơn vị lớn trong ngành như Giám đốc Công ty kinh doanh khí hóa lỏng miền Nam, Tổng giám đốc Tổng công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí (PVFCCo), Chủ tịch HĐQT Tổng công ty Vận tải dầu khí (PV Trans). Ông đã có nhiều năm gắn bó với PVOIL, nguyên là Phó Giám đốc Công ty Kinh doanh các sản phẩm dầu mỏ (PDC) – tiền thân của PVOIL và là Tổng giám đốc PVOIL từ tháng 10/2014-12/2015. Với kinh nghiệm lâu năm trong lĩnh vực kinh doanh xăng dầu, tháng 09/2020, ông được Tập đoàn Dầu khí Việt nam điều động về PVOIL giữ cương vị Tổng Giám đốc Tổng công ty. Tháng 01/2021, ông được ĐHCĐ bất thường năm 2021 của PVOIL bầu chọn làm thành viên HĐQT Tổng công ty.

Ông Đoàn Văn Nhuộm đang nắm giữ 237.872.785 cổ phần (tương đương 23% vốn điều lệ) đại diện vốn Tập đoàn Dầu khí Việt Nam tại PVOIL và không có cổ phần sở hữu cá nhân.

Ông Trần Hoài Nam, Thành viên HĐQT PVOIL

Phó Tổng giám đốc CTCP Hàng không Vietjet

Ngày sinh: 14/08/1965

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Quản lý công nghiệp

Kinh nghiệm nghề nghiệp

Với kinh nghiệm quản lý và điều hành tại các công ty quy mô lớn (như Viện Đo lường Việt Nam, Ngân hàng Citibank Việt Nam, Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam, Ngân hàng TMCP Phát triển TP.HCM, Công ty CP Thương mại Dầu khí - PETECHIM, Công ty Cổ phần Hàng không VietJet...), ông Nam được ĐHĐCĐ lần thứ nhất Tổng công ty Dầu Việt Nam – CTCP tin tưởng và bầu chọn làm thành viên HĐQT (không chuyên trách) từ ngày 01/08/2018 đến nay.

Ông Lê Văn Nghĩa, Thành viên HĐQT

Ngày sinh: 05/07/1966

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kế toán

Kinh nghiệm nghề nghiệp

Ông có nhiều năm kinh nghiệm quản lý và giám sát hoạt động tài chính doanh nghiệp, quản trị rủi ro trước khi về đầu quân cho Tập đoàn Dầu khí Việt Nam. Gia nhập Tổng công ty Dầu Việt Nam từ 02/2011, ông lần lượt nắm giữ các chức vụ như Phó, Trưởng ban Kiểm soát nội bộ, thành viên HĐQT Tổng công ty Dầu Việt Nam - Công ty TNHH MTV. Ông tiếp tục cương vị thành viên HĐQT PVOIL sau khi Tổng công ty chuyển sang hoạt động theo mô hình cổ phần từ ngày 01/08/2018 đến nay.

Ông Lê Văn Nghĩa đang nắm giữ 155.135.025 cổ phần tại PVOIL (tương đương 15% vốn điều lệ của PVOIL). Trong đó, 155.134.425 cổ phần là đại diện vốn Tập đoàn Dầu khí Việt Nam và 600 cổ phần là sở hữu của cá nhân ông.

Ông Nguyễn Mậu Dũng, Thành viên HĐQT

Ngày sinh: 02/01/1968

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ quản trị kinh doanh

Kinh nghiệm nghề nghiệp

Gia nhập ngành từ hơn 30 năm trước, ông Nguyễn Mậu Dũng đã nắm giữ nhiều vị trí quản lý quan trọng tại các đơn vị lớn và công ty mẹ Tập đoàn dầu khí Việt Nam như: Phó Tổng giám đốc Tổng công ty xây dựng Dầu Khí (PVC), Phó tổng giám đốc Tổng công ty Khí Việt Nam (PVGAS), Trưởng ban Thương mại thị trường Tập đoàn dầu khí Việt Nam (PVN). Ông Dũng được Tập đoàn Dầu khí Việt Nam giới thiệu và ĐHĐCĐ bất thường năm 2021 của PVOIL bầu làm thành viên HĐQT Tổng công ty Dầu Việt Nam - CTCP vào tháng 01/2021.

Ông là người đại diện vốn Tập đoàn Dầu khí Việt Nam tại PVOIL với 155.134.425 cổ phần (tương đương 15% vốn điều lệ của PVOIL) và hiện không sở hữu cổ phần tại PVOIL.

Ông Hạng Anh Minh, Thành viên độc lập HĐQT

Ngày sinh: 10/11/1975

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Quản lý dự án

Kinh nghiệm nghề nghiệp

Ông Minh đã có 24 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực dầu khí và từng nắm giữ các chức vụ quan trọng như Phó Ban Đầu tư tại Tập đoàn Dầu khí Việt Nam, Phó Tổng Giám đốc Tổng công ty Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư (PETEC). Từ ngày 01/08/2018 đến nay, ông được

ĐHĐCĐ tín nhiệm và bầu chọn làm thành viên độc lập HĐQT Tổng công ty Dầu Việt Nam – CTCP.

Hiện ông không có cổ phần sở hữu tại PVOIL.

Ông Lê Ngọc Quang, Thành viên độc lập HĐQT

Ngày sinh: 21/03/1966

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh

Kinh nghiệm nghề nghiệp

Ông có 29 gắn bó với ngành Dầu khí ở nhiều vị trí công tác khác nhau, với kiến thức và kinh nghiệm chuyên sâu trong các lĩnh vực thương mại, quản lý dự án Uy tín, kinh nghiệm và những đóng góp tích cực của ông trong ngành dầu khí là cơ sở để ĐHĐCĐ Tổng Công ty tin tưởng và bầu chọn ông giữ chức vụ thành viên độc lập HĐQT Tổng công ty Dầu Việt Nam – CTCP từ ngày 01/08/2018 đến nay.

Hiện ông không có cổ phần sở hữu tại PVOIL.

6.2. Ban điều hành

Tổng giám đốc Đoàn Văn Nhậm

Ngày sinh: 07-11-1963

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Trắc địa công trình

Kinh nghiệm nghề nghiệp: Ông có hơn 34 năm đóng góp cho ngành dầu khí, đã tham gia quản lý điều hành nhiều đơn vị lớn trong ngành Dầu khí như Giám đốc Công ty kinh doanh khí hóa lỏng miền Nam, Tổng giám đốc Tổng công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí (PVFCCo), Chủ tịch HĐQT Tổng công ty Vận tải dầu khí (PV Trans). Ông đã có nhiều năm gắn bó với PVOIL, nguyên là Phó Giám đốc Công ty Kinh doanh các sản phẩm dầu mỏ (PDC) – tiền thân của PVOIL và là Tổng giám đốc PVOIL từ tháng 10/2014-12/2015. Với kinh nghiệm lâu năm trong lĩnh vực kinh doanh xăng dầu, tháng 09/2020, ông được Tập đoàn Dầu khí Việt Nam điều động về PVOIL giữ cương vị Tổng Giám đốc Tổng công ty. Ông cũng được ĐHĐCĐ bất thường năm 2021 của PVOIL bầu chọn làm thành viên HĐQT của Tổng công ty từ tháng 01/2021 đến nay.

Ông Đoàn Văn Nhậm đang nắm giữ 237.872.785 cổ phần đại diện vốn Tập đoàn Dầu khí Việt Nam tại PVOIL và không có cổ phần sở hữu cá nhân.

Phó Tổng giám đốc Nguyễn Anh Toàn

Ngày sinh: 17/9/1962

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh

Kinh nghiệm nghề nghiệp: Gia nhập ngành dầu khí từ năm 1996, ông đã trải qua các vị trí phó/trưởng phòng Kinh doanh xăng dầu Công ty Petec, trưởng Ban Sản phẩm xăng dầu Tổng công ty trước khi được bổ nhiệm vào vị trí Phó Tổng Giám đốc Tổng công ty Dầu Việt Nam – Công ty TNHH MTV từ tháng 6/2011. Từ 01/08/2018 đến nay ông tiếp tục tham gia quản lý và điều hành Tổng công ty Dầu Việt Nam – CTCP ở cương vị Phó Tổng giám đốc.

Ông hiện đang sở hữu 1.700 cổ phần tại PVOIL.

Phó Tổng giám đốc Võ Khánh Hưng

Ngày sinh: 28/9/1965

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh

Kinh nghiệm nghề nghiệp: PTGD Võ Khánh Hưng gắn bó với Petechim – đơn vị tiền thân của Tổng công ty ngay từ những ngày đầu thành lập (08/1992), ông Hưng là một trong những gương mặt tiêu biểu về sự cống hiến trong từng bước tiến của Tổng công ty. Trong suốt gần 28 năm công tác, ông đã hoàn thành xuất sắc mọi nhiệm vụ được giao phó. Ông được bổ nhiệm chức vụ Phó Tổng Giám đốc Tổng công ty Dầu Việt Nam – Công ty TNHH MTV từ tháng 06/2008 và tiếp tục nắm giữ cương vị này sau khi Tổng công ty chuyển sang hoạt động dưới mô hình CTCP đến nay. Ông hiện đang sở hữu 2.200 cổ phần tại PVOIL.

Phó Tổng giám đốc Lê Xuân Trình

Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc

Ngày sinh: 16/01/1961

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh

Kinh nghiệm nghề nghiệp: Gắn bó với ngành dầu khí ngay từ những năm đầu của thập niên 90 ở các vị trí quản lý cấp cao, ông Lê Xuân Trình là một trong những người có đóng góp tích cực trong quá trình xây dựng và phát triển ngành Dầu khí Việt Nam. Ông từng nắm giữ các vị trí quan trọng tại các công ty dầu khí lớn ở Việt Nam PTSC, Idemitsu, PVTSC, PV Gas. Từ tháng 12/2006 - 06/2008 ông là thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc Công ty TNHH MTV Chế biến và Kinh doanh Sản phẩm Dầu mỏ (PDC) – đơn vị tiền thân của PVOIL. Từ tháng 07/2008 ông được PVOIL bổ nhiệm giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc Tổng công ty Dầu Việt Nam - Công ty TNHH MTV và tiếp tục nắm giữ cương vị này sau khi Tổng công ty chuyển sang hoạt động dưới mô hình CTCP đến nay. Ông Trình đã có quyết định nghỉ hưu từ ngày 01/5/2021. Hiện ông đang sở hữu 3.000 cổ phần tại PVOIL.

Phó Tổng giám đốc Nguyễn Tuấn Tú

Ngày sinh: 30/3/1972

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh

Kinh nghiệm nghề nghiệp: Ông Tú đã có gần 29 năm kinh nghiệm làm việc trong ngành Dầu khí, nắm giữ nhiều vị trí quản lý trong lĩnh vực tài chính kế toán. Gia nhập Tổng Công ty Thương mại Dầu khí (Petechim) - tiền thân của PVOIL từ tháng 05/2006 với cương vị Kế toán trưởng. Từ tháng 06/2011 ông được bổ nhiệm giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc Tổng công ty Dầu Việt Nam - Công ty TNHH MTV. Hiện ông đang tiếp tục phát huy vai trò, nhiệm vụ ở cương vị này khi Tổng công ty chuyển sang hoạt động theo mô hình cổ phần từ ngày 01/8/2018.

Ông hiện đang sở hữu 1.000 cổ phần tại PVOIL.

Phó Tổng giám đốc Nguyễn Đăng Trình

Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc

Ngày sinh: 20/7/1982

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Tài chính doanh nghiệp

Kinh nghiệm nghề nghiệp: Ông có gần 15 năm kinh nghiệm trong ngành Dầu khí, trong lĩnh vực tài chính kế toán. Ông được tin tưởng và bổ nhiệm chức vụ Kế toán trưởng Tổng công ty từ tháng 12/2014 và đã có nhiều đóng góp vào quá trình hoàn thiện công tác kế toán quản trị tại Tổng công ty. Từ ngày 01/08/2018 khi Tổng công ty chuyển sang hoạt động dưới mô hình

CTCP, ông tiếp tục giữ chức Kế toán trưởng và sau đó từ ngày 3/6/2019 đến nay được bổ nhiệm và giữ chức Phó Tổng Giám đốc Tổng công ty. Hiện ông không có cổ phần sở hữu tại PVOIL.

Phó Tổng giám đốc Vũ Hoài Lam

Ngày sinh: 22/4/1971

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Kinh tế Thương mại

Kinh nghiệm nghề nghiệp: Với nhiều năm kinh nghiệm làm việc tại các tổ chức quốc tế uy tín, tháng 05/2011 ông được Tập đoàn Dầu khí Việt Nam bổ nhiệm giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc Tổng công ty Dầu Việt Nam - Công ty TNHH MTV. Ông tiếp tục giữ cương vị này sau khi Tổng công ty chuyển sang hoạt động dưới mô hình CTCP - từ ngày 01/8/2018 đến nay.

Hiện ông không có cổ phần sở hữu tại PVOIL.

Kế toán trưởng: Ông Nguyễn Ngọc Ninh

Ngày sinh: 07/10/1975

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Đại học Tài chính Kế toán

Kinh nghiệm nghề nghiệp: Ông có 18 năm kinh nghiệm làm việc trong ngành Dầu khí ở lĩnh vực tài chính kế toán. Từng giữ các chức vụ Trưởng phòng Tài chính Kế toán, Trưởng phòng Đầu tư, Trưởng phòng Giao dịch Công ty cổ phần Tài chính Dầu khí. Tháng 11 năm 2011 ông về công tác tại Tổng công ty Dầu Việt Nam ở vị trí Phó ban TCKT và sau đó tháng 10/2017 được bổ nhiệm chức Trưởng ban Kiểm soát nội bộ Tổng công ty. Với năng lực và kinh nghiệm trong công tác quản lý tài chính, kế toán, kiểm toán và quản lý công nợ, từ ngày 9/9/2019 đến nay ông được bổ nhiệm và giữ chức Kế toán trưởng Tổng công ty. Hiện ông không có cổ phần sở hữu tại PVOIL.

7. Định hướng phát triển

PVOIL kiên định với định hướng phát triển Tổng công ty dựa trên các quan điểm sau:

-  Phù hợp với chiến lược phát triển của Công ty mẹ - Tập đoàn Dầu khí Việt Nam; Tập trung vào lĩnh vực hoạt động chính là XNK kinh doanh dầu thô và sản xuất, kinh doanh sản phẩm dầu.
-  Tiếp tục kiên định với định hướng phát triển hệ thống phân phối, đảm bảo tập trung nguồn lực, nâng cao hiệu quả sử dụng và phát huy tối đa cơ sở hạ tầng đã đầu tư.
-  Phát triển ổn định, bền vững, an toàn và hiệu quả; gắn hoạt động SXKD với bảo vệ môi trường và hướng tới lợi ích chung của toàn xã hội.
-  Không ngừng hoàn thiện mô hình tổ chức quản lý, ứng dụng CNTT, tự động hóa và mô hình quản trị tiên tiến nhằm đạt hiệu quả cao hơn.

Mục tiêu phát triển giai đoạn 2021-2025

❖ Mục tiêu tổng quát

-  PVOIL Là đơn vị duy nhất thực hiện nhiệm vụ xuất khẩu và kinh doanh dầu thô của Tập đoàn, cung cấp dầu thô từ nguồn nội địa cho NMLD Dung Quất
-  Tăng trưởng sản lượng KDXD BQ 6%/năm, giữ ổn định thị phần.
-  Tiếp tục hoàn thiện hệ thống phân phối theo hướng gia tăng bán hàng vào các kênh tiêu thụ trực tiếp, phấn đấu tỷ trọng bán lẻ và đại lý trực tiếp đạt tối thiểu 50% vào năm 2025

❖ Mục tiêu cụ thể

- ✓ Sản lượng KDXD đến 2025 đạt 3,8-4,0 triệu m³/tấn; bán lẻ đạt 1,2 triệu m³/tấn, tỷ trọng bán lẻ đạt 30-31%.
- ✓ Tỷ suất LNTT/Vốn điều lệ bình quân 6%

Kết thúc cổ phần hóa và chuyển sang hoạt động dưới mô hình công ty cổ phần từ đầu tháng 8/2018, PVOIL tiếp tục xúc tiến công tác thoái vốn Nhà nước xuống dưới chi phối theo chỉ đạo của Chính phủ với mục tiêu lựa chọn được cổ đông lớn đủ tầm vóc, năng lực và kinh nghiệm đồng hành cùng PVOIL phát triển đột phá. Trong giai đoạn chuyển tiếp (dự kiến kéo dài tới cuối năm 2023), khi Nhà nước chưa hoàn tất việc thoái vốn, PVOIL đặt mục tiêu phát triển ổn định, tập trung đổi mới về chất làm tiền đề cho các bước phát triển trong tương lai.

7.1. Hoạt động sản xuất kinh doanh



Lĩnh vực ủy thác dầu thô và kinh doanh dầu quốc tế: Xuất/bán an toàn và hiệu quả toàn bộ lượng dầu thô Việt Nam và dầu thô của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam khai thác ở nước ngoài; cung cấp đầy đủ dầu thô nguyên liệu cho NMLD Dung Quất theo yêu cầu. Đồng thời, đẩy mạnh hoạt động kinh doanh dầu quốc tế, khẳng định thương hiệu PVOIL trong lĩnh vực này.



Lĩnh vực sản xuất, pha chế: Triển khai sản xuất pha chế xăng sinh học đáp ứng nhu cầu thị trường và theo lộ trình của Chính phủ; đa dạng hóa và nâng cao chất lượng sản phẩm DMN thương hiệu PVOIL LUBE.



Lĩnh vực kinh doanh xăng dầu: Giữ ổn định thị phần và hệ thống phân phối; tập trung gia tăng tỷ trọng bán hàng vào các kênh tiêu thụ trực tiếp, bền vững (bán lẻ và bán khách hàng công nghiệp) và xúc tiến phát triển các dịch vụ phi xăng dầu tại CHXD.

7.2. Tái cấu trúc, đổi mới doanh nghiệp

Công tác tái cấu trúc đổi mới doanh nghiệp là nhiệm vụ trọng tâm của Tổng công ty trong giai đoạn này với việc tổ chức lại hệ thống công ty thành viên kinh doanh xăng dầu và thoái vốn nhà nước tại PVOIL xuống dưới chi phối theo đúng định hướng của Chính phủ khi cổ phần hóa. PVOIL kỳ vọng sẽ hoàn tất quyết toán cổ phần hóa và thoái vốn Nhà nước trước năm 2023.

7.3. Nâng cao năng lực quản trị và phát triển nguồn nhân lực

Công tác nâng cao năng lực quản trị và phát triển nguồn nhân lực được chú trọng, thông qua các giải pháp:

- ✓ Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ 4.0 trong quản trị điều hành hướng tới mô hình quản trị hiện đại, minh bạch, chuyên nghiệp theo các chuẩn mực quốc tế và áp dụng khoa học công nghệ, số hóa, tự động hóa trong hoạt động sản xuất kinh doanh và dịch vụ khách hàng
- ✓ Tăng cường đào tạo, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực.

8. Các rủi ro

Rủi ro lãi suất: Lãi suất là một chỉ số tài chính quan trọng ảnh hưởng không nhỏ đến hoạt động của PVOIL do một phần vốn lưu động và đầu tư là vốn vay. Trong năm 2020, lãi suất cho vay ngắn hạn trên thị trường phổ biến ở mức 6-9%. Tuy nhiên, nhờ có dòng tiền tốt và tín nhiệm cao với các ngân hàng nên PVOIL luôn thu xếp được các khoản vay với lãi suất ưu đãi, giúp giảm thiểu chi phí kinh doanh.

Rủi ro tỷ giá: Là doanh nghiệp nhập khẩu, kinh doanh xăng dầu nên PVOIL chịu ảnh hưởng về biến động tỷ giá. PVOIL đã áp dụng hình thức giao dịch kỳ hạn để hạn chế rủi ro. Tuy nhiên, từ cuối năm 2018, nguồn cung từ 2 NMLD trong nước đã đáp ứng khoảng 70-80% nhu cầu nội địa, lượng xăng dầu nhập khẩu giảm mạnh giúp doanh nghiệp ít chịu ảnh hưởng rủi ro về tỷ giá.

Rủi ro về giá dầu: Giá dầu thô và xăng dầu trên thế giới biến động liên tục, rất khó lường, phức tạp và phụ thuộc vào nhiều yếu tố như tình hình địa chính trị; tình hình kinh tế tại các nước như Mỹ, Trung Quốc, châu Âu; diễn biến nhu cầu và nguồn cung trên toàn thế giới cũng như các yếu tố tài chính, tâm lý thị trường. Để ứng phó, PVOIL đặc biệt chú trọng công tác phân tích, dự báo, theo dõi sát diễn biến thị trường và có chính sách điều hành linh hoạt.

Rủi ro về điều hành kinh doanh xăng dầu (KDXD) của Chính phủ: Hoạt động kinh doanh của Công ty có liên quan mật thiết với giá dầu thô và xăng dầu trên thị trường thế giới và điều hành giá của Chính phủ. Điều hành KDXD của Chính phủ trong những năm gần đây đã thể hiện sự minh bạch và tiếp cận thị trường, tuy nhiên vẫn còn những bất cập, tiềm ẩn rủi ro cho doanh nghiệp (biên độ điều chỉnh giá 15 ngày, sử dụng các công cụ điều tiết khác như quỹ bình ổn và thuế nhập khẩu; bắt buộc về tồn kho lưu thông 30 ngày; ấn định mức chi phí và lợi nhuận định mức trong KDXD).

Rủi ro cháy nổ, ô nhiễm môi trường: Kinh doanh xăng dầu là ngành nghề có rủi ro cao về cháy, nổ, hỏa hoạn, ô nhiễm môi trường... Khi có sự cố xảy ra sẽ để lại hệ lụy nặng nề đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Để hạn chế và kiểm soát rủi ro đặc thù này, PVOIL đã đầu tư, trang bị hệ thống phòng cháy chữa cháy theo đúng quy định, tổ chức lực lượng chữa cháy tại chỗ, thuê đơn vị chuyên ngành triển khai các giải pháp phòng, chống tràn dầu và mua đầy đủ các loại bảo hiểm rủi ro tài sản, bảo hiểm cháy nổ...

Rủi ro về pháp luật: Là một công ty cổ phần đại chúng, hoạt động kinh doanh của PVOIL bị chi phối bởi các văn bản pháp luật do Nhà nước quy định, trong đó trọng yếu là Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và các văn bản pháp luật khác liên quan đến các ngành nghề hoạt động của Tổng công ty. Để hạn chế tối đa những rủi ro phát sinh liên quan đến yếu tố pháp lý trong quá trình hoạt động, PVOIL luôn theo dõi và cập nhật các văn bản pháp luật có liên quan trong hệ thống, đồng thời tham khảo và thuê tư vấn đối với những vấn đề pháp lý nằm ngoài khả năng của Tổng công ty.

Rủi ro khác: Ngoài các rủi ro đã trình bày trên, hoạt động của PVOIL có thể chịu ảnh hưởng của thiên tai như động đất, dịch bệnh, lũ lụt... mà khi xảy ra có thể gây thiệt hại tài sản cũng như ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty. Tác động kép của đại dịch Covid-19 và suy giảm giá dầu làm nhu cầu tiêu thụ xăng dầu sụt giảm mạnh, giá dầu thô xăng dầu biến động bất thường, ảnh hưởng nghiêm trọng đến hoạt động SXKD của các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực xăng dầu, dầu khí trong đó có PVOIL.

PHẦN II

QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Hội đồng quản trị

1.1. Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:

Xin xem tại Mục 6.1 Phần I của báo cáo này

1.2. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

HĐQT không thành lập các tiểu ban trực thuộc

1.3. Hoạt động của HĐQT trong năm 2020

- ✓ HĐQT hoạt động theo đúng chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn được quy định tại Điều lệ Tổng công ty và Luật Doanh nghiệp, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và tình hình thực tế của Tổng công ty để lãnh đạo các mặt hoạt động của Tổng công ty.
- ✓ Năm 2020, Hội đồng quản trị đã triển khai thực hiện các nội dung được Đại hội đồng cổ đông thông qua, đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh tuân thủ đúng kế hoạch. Trong năm, Hội đồng quản trị đã tiến hành 12 cuộc họp, ban hành 101 nghị quyết để quản lý/chỉ đạo các hoạt động của Tổng công ty trên mọi lĩnh vực; theo dõi và giám sát tình hình thực hiện các nghị quyết/quyết định/biên bản của Đại hội đồng cổ đông.
- ✓ Hội đồng quản trị luôn làm việc với tinh thần trách nhiệm, luôn phản ứng nhanh và xem xét kịp thời các vấn đề hoặc đề xuất, kiến nghị của Ban Tổng Giám Đốc để đưa ra các nghị quyết, quyết định phù hợp thẩm quyền. Các nghị quyết, quyết định của HĐQT được ban hành căn cứ trên phiếu lấy ý kiến chấp thuận của đại đa số các thành viên, tuân thủ quy định của Điều lệ Tổng công ty và Luật Doanh nghiệp.
- ✓ Cuối năm 2020, Hội đồng quản trị đã nghiêm túc thực hiện kiểm điểm, đánh giá công tác lãnh đạo, chỉ đạo cũng như kết quả thực hiện chức năng, nhiệm vụ của Hội đồng quản trị; đánh giá về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh; kiểm điểm về việc khắc phục những hạn chế, khuyết điểm đã được cấp có thẩm quyền kết luận hoặc được chỉ ra ở các kỳ kiểm điểm trước.

Các cuộc họp HĐQT trong năm 2020:

TT	Thời gian	TV tham dự	Nội dung	Kết quả
1	05/06/2020	5/5	Rà soát công tác chuẩn bị ĐHĐCĐ thường niên năm 2020	5/5 TV thông qua
2	20/07/2020	4/5 dự họp 1 TV gửi phiếu BQ	Phân công thành viên phụ trách hoạt động của HĐQT	5/5 TV thông qua
3	05/08/2020	4/5 dự họp 1 TV gửi phiếu BQ	Công tác SXKD tại các Đơn vị PVOIL Nam Định và PVOIL Phú Thọ	5/5 TV thông qua
4	11/08/2020	5/5	1. Thỏa thuận hợp tác với Sovico 2. Giải quyết tranh chấp với Gunvor	Thảo luận
5	16/09/2020	5/5	Công tác nhân sự chủ chốt của PVOIL	5/5 TV thông qua
6	16/09/2020	5/5	Thanh lý lô đất Km4 của PVOIL Lào	Thảo luận
7	23/09/2020	5/5	Bổ nhiệm Tổng giám đốc PVOIL	5/5 TV thông qua

TT	Thời gian	TV tham dự	Nội dung	Kết quả
8	07/10/2020	5/5	1. Kế hoạch Tổ chức ĐHĐCĐ bất thường 2. Phân công nhiệm vụ trong HĐQT	5/5 TV thông qua
9	15/10/2020	5/5	1. Cập nhật kế hoạch 5 năm, chiến lược đến 2035 và tầm nhìn đến 2045 của PVOIL 2. Đãi ngộ và thu hút nhân tài của PVOIL	Thảo luận
10	28/10/2020	5/5	1. Rà soát quy trình, quy chế quản lý của Tổng công ty 2. Công tác kiểm toán nội bộ theo Nghị định 05/2019/NĐ-CP 3. Giải pháp giảm thiểu rủi ro liên quan đến kê khai và nộp các loại thuế/phí. 4. Tăng cường công tác kiểm soát tại các đơn vị giám sát tài chính đặc biệt	Thảo luận
11	02/11/2020	4/5	1. Lựa chọn đơn vị cung cấp dịch vụ vận tải. 2. Phê duyệt BCTC của PVOIL Lào Trading 3. Điều chỉnh bổ sung kế hoạch năm 2020 và 2021 4. Tái cấu trúc các đơn vị thành viên	○ Nội dung 1: 3/5 TV thông qua; ○ Nội dung 2: 5/5 TV thông qua; ○ Nội dung 3 và 4: thảo luận
12	20/11/2020	5/5	Thảo luận phương án khắc phục tình trạng giám sát tài chính đặc biệt đối với các đơn vị thành viên	Thảo luận

1.4. Hoạt động của thành viên HĐQT độc lập

Cơ cấu Hội đồng quản trị PVOIL được ĐHĐCĐ lần đầu (ngày 30/7/2018) thông qua gồm 7 thành viên, trong đó có 02 thành viên độc lập. Nhiệm vụ của các thành viên độc lập như sau:

- 🕒 Ông Hạng Anh Minh: Giám sát lĩnh vực kế hoạch, đầu tư trong toàn hệ thống và hoạt động của 9 công ty con của PVOIL.
- 🕒 Ông Lê Ngọc Quang: Giám sát lĩnh vực công nghệ, kỹ thuật, sản xuất và chế biến trong toàn hệ thống và hoạt động của 10 công ty con của PVOIL.

Trong năm 2020, các Thành viên độc lập Hội đồng quản trị đã thực hiện đúng chức trách, nhiệm vụ được Đại hội đồng cổ đông giao; tham gia đầy đủ các cuộc họp và tham gia ý kiến, biểu quyết độc lập về các vấn đề cần sự quyết định của Hội đồng quản trị; tham gia giám sát, chỉ đạo hoạt động của Ban điều hành theo phân công công việc của Hội đồng quản trị.

1.5. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty; Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình về quản trị công ty trong năm

Năm 2020 PVOIL không tổ chức đào tạo Quản trị công ty cho các thành viên HĐQT

2. Ban Kiểm soát

2.1. Thông tin về thành viên Ban Kiểm soát (BKS)

STT	Thành viên BKS	Chức vụ	Trình độ chuyên môn	Tỷ lệ sở hữu cổ phần (cp)
1	Nguyễn Đức Kện	Trưởng ban KS	Cử nhân tài chính – ngân hàng	0

STT	Thành viên BKS	Chức vụ	Trình độ chuyên môn	Tỷ lệ sở hữu cổ phần (cp)
2	Trần Thị Phượng	Kiểm soát viên	Thạc sĩ QTKD, CC Kế toán viên	9.000
3	Phạm Thanh Sơn	Kiểm soát viên	Thạc sĩ QTKD	0

2.2. Hoạt động của Ban Kiểm soát

Trong năm 2020, Ban Kiểm soát đã thực hiện đầy đủ và nghiêm túc các nội dung giám sát theo kế hoạch hoạt động được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 phê duyệt; tuân thủ các yêu cầu giám sát theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ Tổng công ty, đồng thời thực hiện giám sát định kỳ theo yêu cầu của cổ đông lớn là Tập đoàn Dầu khí Việt Nam.

Công tác giám sát được thực hiện thường xuyên, liên tục và có tính hệ thống, bằng hình thức trực tiếp và gián tiếp thông qua việc xem xét các văn bản hàng ngày, các báo cáo định kỳ, đột xuất của Tổng công ty và các đơn vị thành viên; các thông tin Ban điều hành cung cấp; kết quả kiểm tra, kiểm toán của các cơ quan quản lý nhà nước và của cấp trên; phối hợp trực tiếp kiểm tra tại một số đơn vị trực thuộc.

Trong năm, Ban Kiểm soát đã tham gia 9/12 cuộc họp của Hội đồng Quản trị và nhiều cuộc họp của Ban điều hành.

Với mức độ cẩn trọng cần thiết, sau khi trao đổi, Ban Kiểm soát đã có một số ý kiến tư vấn, cảnh báo và kiến nghị đối với một số tồn tại trong công tác quản lý và điều hành tại Tổng công ty.

Ban Kiểm soát đã tổ chức 03 cuộc họp trong năm 2020, đồng thời thường xuyên trao đổi nội bộ để thống nhất nội dung các báo cáo giám sát định kỳ/đột xuất. Các cuộc họp cụ thể như sau:

TT	Thời gian	TV tham dự	Nội dung	Kết quả
1	15/4/2020	3/3	Thông qua “Báo cáo thẩm định Báo cáo tài chính năm 2019 của PVOIL”	3/3 thành viên đồng ý
2	20/5/2020	3/3	Thông qua các tài liệu trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020	3/3 thành viên đồng ý
3	17/11/2020	3/3	Thông qua “Báo cáo thẩm định Báo cáo tài chính 9 tháng đầu năm 2020 của PVOIL”	3/3 thành viên đồng ý

❖ Tóm tắt kết quả giám sát trong năm 2020

Về hoạt động sản xuất kinh doanh: Trong năm, mặc dù chịu ảnh hưởng nặng nề của dịch Covid-19 và giá dầu thế giới giảm mạnh, nhưng Tổng công ty đã nỗ lực triển khai hoạt động sản xuất kinh doanh để có được kết quả như báo cáo của Ban điều hành tại phần III của báo cáo này.

Công tác tái cấu trúc và đổi mới doanh nghiệp: được đặc biệt chú trọng, đẩy mạnh phù hợp với định hướng được ĐHĐCĐ thường niên 2020 thông qua.

Công tác quản trị: Tổng công ty đã ban hành và cập nhật thường xuyên hệ thống quy chế, quy định phục vụ quản lý điều hành và phù hợp với quy định về quản trị công ty cổ phần đại chúng.

Công tác tài chính kế toán: Báo cáo tài chính phản ánh hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty. Tổng công ty lập và nộp báo cáo theo đúng quy định của Nhà nước; thực hiện báo cáo và công bố thông tin định kỳ cho Ủy ban kiểm tra chứng khoán Nhà nước và Sở giao dịch chứng khoán theo quy định.

Kết quả giám sát đối với HĐQT: HĐQT đã triển khai thực hiện đầy đủ các nội dung theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thông qua, thường xuyên theo dõi, chỉ đạo, giám sát tình hình thực hiện các nghị quyết/quyết định/chỉ thị và tình hình hoạt động của Tổng công ty, tích cực chỉ đạo, giám sát, hỗ trợ và tạo điều kiện thuận lợi để Ban điều hành thực hiện tốt nhiệm vụ điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh và cơ bản đã hoàn thành các chỉ tiêu do Đại hội đồng cổ đông giao. HĐQT làm việc với tinh thần trách nhiệm và minh bạch trong công tác quản trị, tổ chức đầy đủ các cuộc họp định kỳ và lấy ý kiến bằng văn bản để ra các quyết định.

Kết quả giám sát đối với Tổng giám đốc: Tổng Giám đốc đã chỉ đạo các Ban/đơn vị trực thuộc và công ty thành viên của PVOIL triển khai thực hiện nghiêm túc các Nghị quyết/Quyết định/Chỉ thị của HĐQT Tổng công ty đề ra; tổ chức quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh trong phạm vi được HĐQT phân cấp. Tổng Giám đốc đã nghiêm túc giải trình và khắc phục các kiến nghị của Kiểm toán nhà nước, Tổng cục thuế, Cơ quan Hải quan tại các Biên bản kiểm tra trong năm 2020.

Đánh giá sự phối hợp giữa Ban kiểm soát và HĐQT, Ban điều hành: Ban Kiểm soát đã phối hợp chặt chẽ với Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc trong việc thực hiện chức năng nhiệm vụ được giao. Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã tạo điều kiện thuận lợi, cung cấp các thông tin và tài liệu liên quan và cử nhân sự hỗ trợ Ban Kiểm soát thực hiện nhiệm vụ. Ban Kiểm soát được mời tham dự các cuộc họp quan trọng của HĐQT/ban điều hành, bên cạnh đó HĐQT/Ban điều hành cũng thường xuyên trao đổi với Ban kiểm soát để tìm giải pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong công tác điều hành.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát

3.1. Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích của HĐQT, Ban điều hành và BKS

TT	Chức danh	Số người BQ		KH năm 2020 (tr.đ)	TH năm 2020 (tr.đ)	% TH/KH	Ghi chú
		KH	TH				
I	HĐQT	07	06	5.926	4.469	78,5%	
1	Chủ tịch HĐQT	01	01	1.073	786	73,3%	Khuyết nhân sự từ 16/7-23/9/2020
2	Tổng Giám đốc kiêm TV HĐQT	01	01	1.073	967	90,1%	
3	Thành viên HĐQT chuyên trách	04	03	3.600	2.716	75,4%	01 TV từ nhiệm ngày 06/5/2020
4	Thành viên HĐQT không chuyên trách	01	01	180	180	100%	
II	Ban kiểm soát	3	3	2.423	2.185	90,2%	
1	Trưởng ban	1	1	900	812	90,2	
2	Thành viên BKS	2	2	1.523	1.373	90,2	

TT	Chức danh	Số người BQ		KH năm 2020 (tr.đ)	TH năm 2020 (tr.đ)	% TH/KH	Ghi chú
		KH	TH				
III	Ban điều hành		7		5.617		
1	Phó Tổng Giám đốc		6		4.869		
2	Kế toán trưởng		1		748		
IV	Tổng cộng		16		12.452		

3.2. Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ: không có

3.3. Hợp đồng hoặc giao dịch với người nội bộ: không có

3.4. Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị công ty

Tổng công ty tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật về quản trị công ty đại chúng, cụ thể:

- ✓ Tổ chức họp đại hội cổ đông theo đúng quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.
- ✓ Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát được đảm bảo về nhân sự, hoạt động đúng chức trách nhiệm vụ quy định.
- ✓ Thực hiện đầy đủ và đúng hạn tất cả các nghĩa vụ công bố thông tin định kỳ và bất thường đối với công ty đại chúng.
- ✓ HĐQT ban hành đầy đủ và cập nhật thường xuyên các quy chế, quy định phục vụ quản trị Tổng công ty.
- ✓ Thực hiện đầy đủ và đúng hạn Báo cáo thường niên và Báo cáo quản trị áp dụng đối với công ty đại chúng quy mô lớn.

PHẦN III

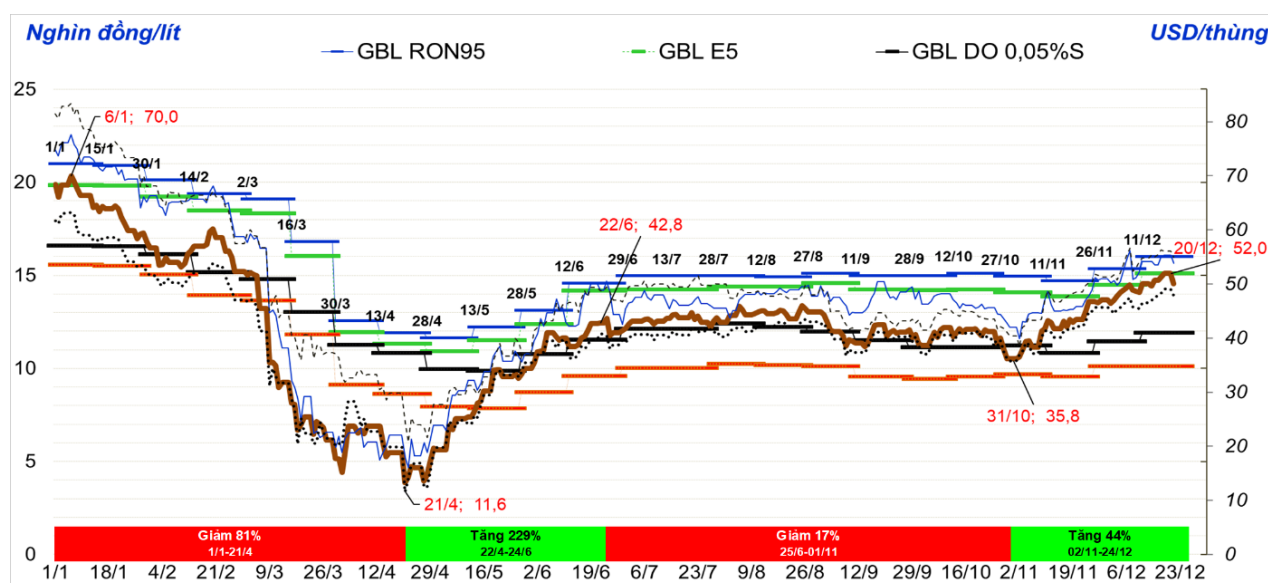
TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG NĂM 2020

1. Bối cảnh chung

Năm 2020, thế giới đã bị đảo lộn bởi đại dịch Covid-19 với mức độ lây lan mạnh, diễn biến phức tạp và ảnh hưởng tiêu cực đến mọi mặt đời sống kinh tế xã hội trên phạm vi toàn cầu. Sau nhiều năm liên tục tăng trưởng, GDP toàn cầu sụt giảm 3,7% so với năm trước.

Đại dịch Covid-19 đã làm nhu cầu tiêu thụ xăng dầu giảm mạnh, giá dầu thế giới diễn biến phức tạp, tăng giảm nhanh với biên độ lớn. Đặc biệt, lần đầu tiên trong lịch sử, vào ngày 20/4/2020 giá dầu WTI kỳ hạn đã sụp đổ xuống mức âm (-37,63 USD/thùng). Cùng thời điểm, giá dầu Dtd Brent cũng giảm còn 13,2 USD/thùng, mất 80% giá trị so với thời điểm đầu năm, thấp nhất trong vòng 18 năm qua.

Diễn biến giá dầu thế giới và điều hành giá bán lẻ của Nhà nước trong năm như sau:



Đối với lĩnh vực KDXD, Chính phủ tiếp tục điều hành thị trường theo Nghị định 83/2014/NĐ-CP: điều chỉnh giá theo biên độ 15 ngày/lần, duy trì hoạt động của quỹ bình ổn... Diễn biến giá bán lẻ xăng dầu trong nước tuy chậm hơn nhưng cũng biến động mạnh theo giá thế giới, giảm bình quân 23% so với năm trước. Nhu cầu tiêu thụ xăng dầu trong nước giảm khoảng 10% so với năm 2019 (theo Báo cáo tổng kết công tác năm 2020 của Hiệp hội xăng dầu Việt Nam).

Nguồn cung từ các NMLD Dung Quất và Nghi Sơn đáp ứng khoảng 70% nhu cầu tiêu thụ trong nước, tuy nhiên có một số thời điểm trong năm NMLD Nghi Sơn hoạt động không ổn định dẫn tới khan hiếm nguồn hàng. Tình trạng xăng dầu không đảm bảo chất lượng, hàng trôi nổi không rõ nguồn gốc vẫn diễn biến phức tạp.

Thị trường xăng dầu trong nước trải qua một năm đầy biến động và bất thường: nhu cầu tiêu thụ sụt giảm mạnh, giá bán lẻ giảm thấp nhất trong vòng 13 năm qua, chiết khấu thị trường diễn biến phức tạp có thời điểm xuống rất thấp nhưng cũng có thời điểm lại tăng cao kỷ lục...

Đứng trước ảnh hưởng kép chưa từng có tiền lệ của đại dịch Covid-19 và suy giảm giá dầu thế giới, PVOIL đã quyết liệt triển khai đồng bộ các giải pháp ứng phó nhằm giảm thiểu các tác động tiêu cực đến hoạt động SXKD của Tổng công ty, bao gồm 3 nhóm giải pháp chính:

- i) Nhóm giải pháp kinh doanh: Tập trung kiểm soát chặt chẽ hàng tồn kho; nỗ lực duy trì và chặn đà sụt giảm sản lượng; Tối ưu hiệu quả kinh doanh trong toàn bộ các khâu pha chế, vận chuyển, giao nhận, tồn chứa;
- ii) Nhóm giải pháp tiết giảm chi phí: Xây dựng và triển khai các kịch bản tiết giảm chi phí chi tiết với mức giảm 10-13-16% so với kế hoạch tương ứng với kịch bản sản lượng sụt giảm 10-20-30%; và
- iii) Nhóm giải pháp phòng chống dịch bệnh Covid-19.

2. Kết quả sản xuất kinh doanh

2.1. Các chỉ tiêu sản lượng

TT	Chỉ tiêu sản lượng (1000 m3/tấn)	TH 2019	2020		So với	
			KH	TH	Cùng kỳ	KH
1	Đại lý xuất khẩu dầu thô (bao gồm cung cấp cho NMLD Dung Quất)	11.052	8.890	9.380	85%	106%
2	Sản xuất xăng dầu, DMN	604	604	455	75%	75%
	<i>Trong đó: xăng E5</i>	<i>567</i>	<i>600</i>	<i>452</i>	<i>80%</i>	<i>75%</i>
4	Kinh doanh xăng dầu	3.200	3.250	2.938	92%	90%
	<i>Tỷ trọng bán lẻ</i>	<i>26,1%</i>	<i>27%</i>	<i>29,4%</i>		

Kết quả cụ thể từng lĩnh vực như sau:

2.1.1 Xuất nhập khẩu dầu thô

PVOIL đã xuất bán an toàn, hiệu quả toàn bộ lượng dầu thô của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam và các chủ mỏ khác với sản lượng đạt 106% kế hoạch và bằng 85% so với cùng kỳ. Đồng thời cung cấp đầy đủ và kịp thời 100% nguyên liệu cho NMLD Dung Quất từ nguồn dầu thô khai thác trong nước với sản lượng đạt 125,5% kế hoạch năm.

2.1.2 Sản xuất xăng dầu, dầu mỡ nhờn

Sản lượng sản xuất, pha chế trong năm đạt 75% kế hoạch và bằng 75% so với cùng kỳ, chủ yếu là xăng E5 RON92. Sản lượng kinh doanh xăng E5 RON92 sụt giảm 20% so với cùng kỳ là do ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19, tâm lý e ngại của người tiêu dùng đối với mặt hàng xăng E5 RON92 trong khi chênh lệch giá bán lẻ của mặt hàng này so với xăng RON95 lại thường xuyên ở mức dưới 1.000 đồng/lít trong năm 2020 nên không đủ sức hấp dẫn người tiêu dùng.

2.1.3 Kinh doanh xăng dầu

Trong bối cảnh khó khăn của năm 2020, nhờ nỗ lực áp dụng đồng bộ các giải pháp nhằm ngăn chặn đà sụt giảm sản lượng, đẩy mạnh triển khai ứng dụng công nghệ 4.0 và các phương thức thanh toán không dùng tiền mặt trên hệ thống PVOIL Easy, tổng sản lượng kinh doanh xăng dầu toàn hệ thống PVOIL đạt 2,94 triệu m3/tấn, chỉ sụt giảm 8% so với cùng kỳ hoàn thành 90% kế hoạch năm. Kênh bán lẻ qua hệ thống CHXD trực thuộc PVOIL tiếp tục tăng trưởng, tăng 0,7% về sản lượng so với cùng kỳ, chiếm tỷ trọng 29,4% tổng sản lượng tiêu thụ. Sản lượng bán qua kênh PVOIL Easy tăng 44% so với năm 2019.

2.2. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

TT	Chỉ tiêu tài chính (tỷ đồng)	2019	2020		So với	
			KH	TH	Cùng kỳ	KH
I	Các chỉ tiêu hợp nhất					
1	Tổng doanh thu (*)	80.302	52.200	50.541	63%	97%
2	Giá vốn (*)	77.088		48.071	62%	
3	LN gộp (*)	3.214		2.470	77%	
4	Chi phí (*)	2.803		2.573	92%	
5	Tổng LNTT (**)	396	470	(111)	LN âm	LN âm
6	Lợi nhuận sau thuế	325	376	(166)	LN âm	LN âm
7	Nộp NSNN (***)	9.780	8.260	8.340	85%	101%
II	Công ty mẹ					
1	Doanh thu	32.197	32.200	20.953	65%	65%
2	Lợi nhuận trước thuế	315	350	(152)	LN âm	LN âm
3	Lợi nhuận sau thuế	290	280	(149)	LN âm	LN âm

(*) Tổng hợp chỉ tiêu từ (i) hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ, (ii) hoạt động tài chính và (iii) hoạt động khác

(**) Gồm: Lợi nhuận từ bán hàng và cung cấp dịch vụ, lợi nhuận từ hoạt động tài chính, Lãi/lỗ từ công ty liên kết và lợi nhuận khác.

(***) Nộp NSNN đã loại trừ số liệu hợp nhất của PVOIL Lào và PVOIL Singapore

- ✓ Doanh thu hợp nhất cả năm đạt 50.541 tỷ đồng, hoàn thành 97% kế hoạch năm và bằng 63% so với cùng kỳ. Doanh thu của PVOIL đến từ hai lĩnh vực chính là KDXD (chiếm 60%) và kinh doanh dầu thô quốc tế (chiếm 40%) - đều sụt giảm mạnh so với cùng kỳ do ảnh hưởng giá dầu.
- ✓ Lãi gộp hợp nhất đạt 2.470 tỷ đồng, giảm 743 tỷ đồng (23%) so với cùng kỳ, chủ yếu do ảnh hưởng của hàng tồn kho khi giá dầu lao dốc giảm sâu.
- ✓ Chi phí hợp nhất giảm 230 tỷ đồng (8%) so với cùng kỳ (trong đó chi phí quản lý bán hàng giảm 171 tỷ đồng) chủ yếu do PVOIL đã triệt để thực hiện các giải pháp tiết giảm chi phí trong điều kiện kinh doanh khó khăn.
- ✓ Lợi nhuận trước thuế: Mặc dù đã triển khai nhiều giải pháp để ứng phó với tác động kép của cuộc khủng hoảng dịch bệnh Covid-19 và suy giảm giá dầu (ngăn chặn đà sụt giảm sản lượng chung và duy trì sản lượng bán lẻ; kiểm soát chặt chẽ hàng tồn kho để giảm thiểu lỗ do giá dầu giảm sâu; tiết giảm tối đa chi phí), tuy nhiên với những khó khăn chưa từng có tiền lệ, PVOIL vẫn bị lỗ hợp nhất 111 tỷ đồng và công ty mẹ lỗ 152 tỷ đồng (chủ yếu do trích lập dự phòng đầu tư tài chính vào các công ty con bị lỗ).
- ✓ Nộp NSNN hợp nhất cả năm đạt 8.340 tỷ đồng, hoàn thành 101% kế hoạch năm và bằng 85,4% so với cùng kỳ.

3. Tổ chức và nhân sự

3.1. Ban điều hành Tổng công ty

Xin xem mục 6.2 phần I của báo cáo này

3.2. Những thay đổi trong Ban điều hành

Trong năm 2020 PVOIL có thay đổi về nhân sự Ban điều hành như sau:

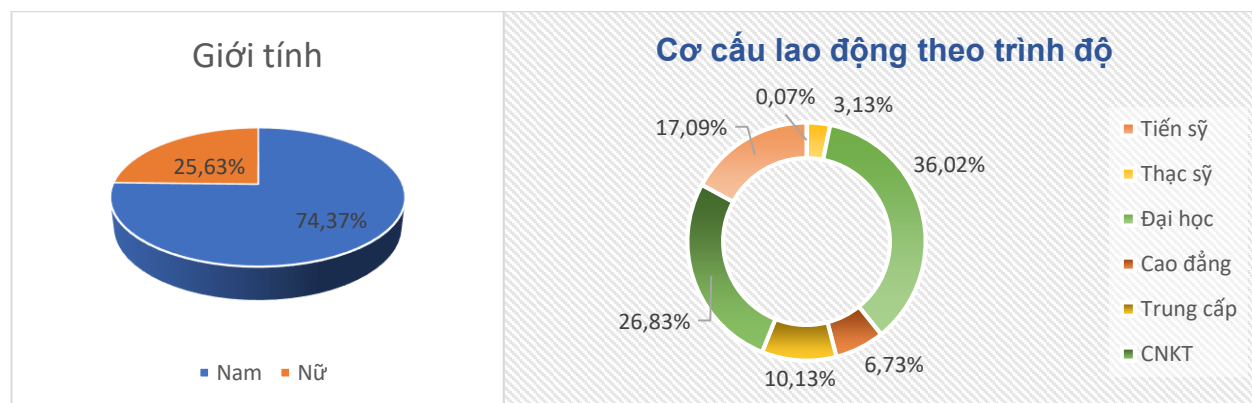
TT	Họ tên	Vị trí	Ngày bổ nhiệm, miễn nhiệm
1	Ông Cao Hoài Dương	Thôi làm Tổng Giám đốc để giữ chức Chủ tịch HĐQT	23/9/2020
2	Ông Đoàn Văn Nhuộm	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm từ 23/9/2020

3.3. Báo cáo về lao động và chính sách đối với người lao động

3.3.1. Lao động, tiền lương

Tổng số CBNV toàn Tổng công ty tính đến ngày 31/12/2020 là **5.599 người**, thu nhập bình quân của người lao động là **12,71 triệu đồng/người/tháng**.

Cơ cấu nguồn nhân lực của PVOIL như sau:



3.3.2. Chính sách đối với Người lao động

Chính sách lao động tiền lương

PVOIL đã xây dựng, ban hành các quy chế, quy định liên quan đến công tác lao động, tiền lương, đào tạo, thi đua khen thưởng... đảm bảo phù hợp các quy định của Nhà nước, Tập đoàn và đặc thù của PVOIL.

- ✓ Đảm bảo được việc làm cho Người lao động, bố trí công việc phù hợp với chuyên môn, khả năng của Người lao động; không có trường hợp nào phải ngừng việc hoặc mất việc làm;
- ✓ Về cơ bản chính sách tiền lương hiện tại Tổng công ty đảm bảo được trả theo chức danh công việc đảm nhiệm, năng lực của mỗi CBNV đảm bảo cạnh tranh và công bằng;
- ✓ Các loại phụ cấp được áp dụng phù hợp với điều kiện, môi trường làm việc và đặc thù công việc của từng vị trí;
- ✓ Hàng năm, Tổng công ty đã triển khai giao mục tiêu và đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ (KPIs) cho CBNV Công ty mẹ - Tổng công ty nhằm nâng cao ý thức, trách nhiệm và hiệu quả công việc của từng cá nhân/bộ phận từ đó đề ra kế hoạch đào tạo, phát triển đội ngũ CBNV cũng như tránh được việc cáo bằng trong trả lương, trả thưởng;

- ✓ Tổng công ty luôn nỗ lực triển khai các chính sách về nhân sự, tiền lương nhằm đảm bảo ổn định thu nhập, tạo động lực cho người lao động tiếp tục phấn đấu, cống hiến cho sự nghiệp xây dựng và phát triển PVOIL, gồm:
- ✓ Chính sách bảo hiểm, chăm sóc sức khỏe: thực hiện tốt chế độ BHXH, BHYT, BHTN theo quy định của Nhà nước; Bảo hiểm con người trách nhiệm cao - PVI Care/Bảo hiểm tai nạn, Bảo hiểm hưu trí tự nguyện...; Khám sức khỏe định kỳ cho toàn thể CBNV, lao động nữ... tại các trung tâm sức khỏe có chất lượng và uy tín.
- ✓ Tổ chức đối thoại định kỳ để lắng nghe, giải đáp ý kiến của Người lao động cũng như là một kênh để công khai, thông báo, phổ biến đến Người lao động về tình hình SXKD, các quy chế, quy định, nội quy của Tổng công ty, việc trích lập các quỹ.
- ✓ Chính sách phúc lợi khác:

Trợ cấp, chế độ khác


- ☐ - Ăn ca;
- Trang phục;
- Sinh nhật;
- Trợ cấp độc hại, ATVSV,...
- Bảo hiểm hưu trí TN
- Khác

Tham quan, nghỉ mát


- ☐ Tùy thuộc kết quả SXKD, hàng năm chính quyền và công đoàn phối hợp tổ chức cho Người lao động đi tham quan, nghỉ mát

Hoạt động phong trào


- ☐ Người lao động và con em được tham gia các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể thao nhân dịp Lễ, Tết,...


Chính sách đào tạo:

Mục tiêu chung của hoạt động đào tạo và phát triển nguồn nhân lực tại Tổng công ty Dầu Việt Nam – CTCP là nhằm sử dụng tối đa nguồn nhân lực hiện có và nâng cao tính hiệu quả của doanh nghiệp.

Trước tình hình chung do ảnh hưởng của dịch bệnh Covid, PVOIL đã chủ động chuyển đổi một số khóa đào tạo theo hình thức đào tạo E-learning để phù hợp xu hướng và tình hình thực tế đồng thời đẩy mạnh đào tạo nội bộ nhằm tạo điều kiện cho đội ngũ lao động trực tiếp được tham gia đào tạo để phát huy nội lực, phát huy khả năng làm việc sáng tạo cao nhất từ đó nâng cao hiệu quả kinh doanh của Công ty.

Kết quả đào tạo của năm 2020, PVOIL thực hiện đào tạo 13.049 lượt người, đạt 130% kế hoạch năm với chi phí là 8,53 tỷ đồng, đạt 57% kế hoạch năm.

4. Tình hình đầu tư và thực hiện dự án

Trong năm 2020, thực hiện đầu tư toàn hệ thống đạt 168 tỷ đồng. Các hạng mục đầu tư chủ yếu gồm:

- ✓ Phát triển hệ thống bán lẻ: trong năm PVOIL đã đầu tư phát triển mới 28 CHXD.
- ✓ Dự án mở rộng kho xăng dầu Nghi Sơn giai đoạn 1.

Chi tiết thực hiện đầu tư như sau:

TT	Hạng mục đầu tư	KH 2020	TH 2020	% TH/KH
1	Xây dựng mới và cải tạo kho, cảng	96	59	61%

TT	Hạng mục đầu tư	KH 2020	TH 2020	% TH/KH
2	Xây dựng mới và cải tạo CHXD	99	78	79%
3	Mua sắm khác	110	31	28%
	TỔNG CỘNG	305	168	55%
	<i>Trong đó: - Công ty mẹ</i>	<i>111</i>	<i>78,5</i>	<i>71%</i>
	<i>- Công ty con</i>	<i>194</i>	<i>89,5</i>	<i>46%</i>
	<i>Đầu tư từ nguồn vốn CSH</i>	<i>203</i>	<i>158</i>	<i>79%</i>

Việc đầu tư CHXD trong thời gian qua triển khai khá chậm do các thủ tục đầu tư theo quy định của Nhà nước còn phức tạp.

5. Công tác tái cấu trúc và đổi mới doanh nghiệp

Công tác tái cấu trúc, sắp xếp lại hệ thống các đơn vị thành viên KDXD nhằm tối ưu hoạt động và hiệu quả doanh nghiệp được PVOIL xác định là nhiệm vụ trọng tâm của năm kế hoạch 2020. Kết quả triển khai cụ thể như sau:

- ✓ Hoàn tất việc xây dựng và thông qua kế hoạch tái cấu trúc Tổng công ty giai đoạn 2020-2025;
- ✓ Triển khai sáp nhập 4 nhóm đơn vị thành viên KDXD với mục tiêu thu gọn đầu mối, tiết giảm chi phí, nâng cao năng lực cạnh tranh;
- ✓ Xúc tiến việc thoái vốn tại Petec và các công ty liên kết; hoàn thành thoái vốn tại Petroland;
- ✓ Tiếp tục hỗ trợ đảm bảo an toàn tài sản tại các nhà máy NLSH song song với việc triển khai các giải pháp tái cấu trúc theo chỉ đạo của Chính phủ và công ty mẹ - Tập đoàn dầu khí Việt Nam. Chi phí hỗ trợ để duy trì các hoạt động tối thiểu cho hai nhà máy NLSH Dung Quất (BSR-BF) và NLSH Phú Thọ (PVB) trong năm là 2,5 tỷ đồng.
- ✓ Công tác quyết toán cổ phần hóa Tổng công ty: Tiếp tục làm việc với các cơ quan quản lý Nhà nước để xử lý các vướng mắc liên quan đến (i) quyết toán cổ phần hóa PETEC và (ii) sắp xếp, xử lý đất đai theo Nghị định số 167/2017/NĐ-CP.

6. Tình hình tài chính

6.1. Tình hình tài chính (hợp nhất)

Chỉ tiêu tài chính	Năm 2019 (tỷ đồng)	Năm 2020 (tỷ đồng)	Tăng/giảm (%)
Tổng giá trị tài sản	26.481	22.075	-17%
Doanh thu thuần	79.862	50.028	-37%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	348,4	-137,4	LN âm
Lợi nhuận khác	47,7	26,5	-44%
Lợi nhuận trước thuế	396,1	-110,9	LN âm
Lợi nhuận sau thuế	325,2	-166,1	LN âm

6.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu (hợp nhất)

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2019	Năm 2020
1	Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
	Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	1,31	1,46
	Hệ số thanh toán nhanh	Lần	1,15	1,29

2	Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
	Hệ số nợ phải trả/Tổng tài sản	Lần	0,59	0,52
	Hệ số nợ phải trả/Vốn chủ sở hữu	Lần	1,44	1,09
3	Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
	Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	38,05	22,50
	Doanh thu thuần/Tổng tài sản	Lần	3,02	2,27
4	Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
	Hệ số LNST/Doanh thu thuần	%	0,4%	-0,3%
	Hệ số LNST/Vốn chủ sở hữu (ROE)	%	3,0%	-1,6%
	Hệ số LNST/Tổng tài sản bình quân (ROA)	%	1,3%	-0,7%
	Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	%	0,4%	-0,3%

7. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

Cổ phiếu PVOIL được đăng ký giao dịch tại Sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội từ ngày 08/3/2018 với thông tin chi tiết như sau:

- 🔥 Mã chứng khoán: OIL
- 🔥 Mệnh giá: 10.000 đồng (Mười nghìn đồng)
- 🔥 Loại chứng khoán: cổ phiếu phổ thông
- 🔥 Room tối đa cho khối ngoại: 6,621%
- 🔥 Số lượng cổ phiếu đang lưu hành: 1.034.229.500 cổ phiếu
- 🔥 Số lượng cổ phiếu chuyển nhượng tự do: 201.425.936 cổ phiếu

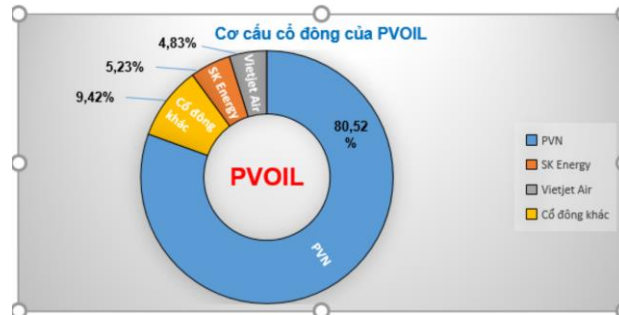
7.1. Cơ cấu cổ đông của Tổng công ty

STT	Cổ đông	Số lượng	Số CP sở hữu	Giá trị (theo mệnh giá) (đồng)	Tỷ lệ %/VDL
I	Cổ đông trong nước				
	Tổ chức	13	884.769.820	8.847.698.200.000	85,55%
	Cá nhân	4.858	85.583.923	855.839.230.000	8,27%
II	Cổ đông nước ngoài				
	Tổ chức	11	59.040.607	590.406.070.000	5,70%
	Cá nhân	57	4.835.150	48.351.500.000	0,48%
III	Cổ phiếu quỹ	0	0	0	0%
	Tổng cộng		1.034.229.500	10.342.295.000.000	100%

Nguồn: Danh sách cổ đông chốt tại ngày 31/12/2020

Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% vốn cổ phần của Tổng công ty đến 31/12/2020:

STT	Cổ đông	Số lượng	Số CP sở hữu	Giá trị (theo mệnh giá) (đồng)	Tỷ lệ %/VĐL
1	Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	01	832.803.564	8.328.035.640.000	80,52%
2	SK Energy Co.Ltd.	01	54.121.507	541.215.070.000	5,23%



7.2. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: không có

7.3. Giao dịch cổ phiếu quỹ: không có

7.4. Các chứng khoán khác: không có

PHẦN IV

BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

1. Đánh giá kết quả hoạt động SXKD của Tổng công ty

Tác động kép của dịch bệnh Covid-19 và suy giảm giá dầu đã ảnh hưởng nghiêm trọng đến hoạt động SXKD của PVOIL trong năm 2020. Đây có thể nói là giai đoạn khó khăn nhất mà Tổng công ty đã trải qua trong suốt quá trình hình thành và phát triển. Với nỗ lực và quyết tâm thực hiện tốt nhất các chỉ tiêu kế hoạch được ĐHĐCĐ giao, Tổng công ty đã hạn chế tối đa các ảnh hưởng tiêu cực của thị trường và đạt được một số kết quả sau đây:

- ✓ **Ứng phó kịp thời và hiệu quả** với tác động kép của dịch bệnh COVID-19 và giá dầu sụt giảm; Thực hiện triệt để việc kiểm soát hàng tồn kho, tiết giảm chi phí góp phần quan trọng làm giảm bớt thua lỗ từ SXKD.
- ✓ **Ủy thác XNK dầu thô:** Xuất bán an toàn và hiệu quả toàn bộ lượng dầu thô Việt Nam; cung cấp đầy đủ, kịp thời dầu thô cho vận hành NMLD Dung Quất.
- ✓ **Sản xuất pha chế xăng dầu:** đảm bảo tuyệt đối nguồn cung xăng E5 Ron 92 đáp ứng nhu cầu thị trường với chất lượng ổn định.
- ✓ **Kinh doanh phân phối xăng dầu:** Giữ ổn định hệ thống phân phối; sản lượng bán hàng qua các kênh tiêu thụ trực tiếp (CHXD/PVOIL Easy và khách hàng công nghiệp) có tăng trưởng trong bối cảnh nhu cầu tiêu thụ sụt giảm mạnh;
- ✓ **Công tác nâng cao chất lượng dịch vụ, năng lực quản trị, quảng bá thương hiệu** tiếp tục được trú trọng và đạt hiệu quả, giúp nâng cao vị thế và giá trị thương hiệu PVOIL, tạo nền tảng vững chắc cho các mục tiêu phát triển dài hạn.
- ✓ **Công tác tái cấu trúc, đổi mới doanh nghiệp** được đẩy mạnh

2. Những tiến bộ đạt được trong năm

Để tồn tại và vươn lên phát triển bền vững trong một thị trường cạnh tranh khốc liệt và đầy bất ổn, nội tại doanh nghiệp còn nhiều khó khăn đòi hỏi Ban lãnh đạo PVOIL phải thực sự linh hoạt trong quản lý điều hành để có các đối sách phù hợp, đồng thời phải không ngừng tìm tòi đổi mới sáng tạo để tìm kiếm cơ hội phát triển, khẳng định vị thế. Dấu ấn của PVOIL trong những năm qua tiếp tục được phát huy hiệu quả trong năm 2020 là thành tựu trong việc đa dạng hóa, hiện đại hóa trong hoạt động kinh doanh và liên tục cải thiện vị thế, uy tín thương hiệu trên thị trường.

2.1. Công tác ứng dụng công nghệ 4.0 và nghiên cứu phát triển

PVOIL là doanh nghiệp đi đầu trên thị trường xăng dầu trong việc sáng tạo các hình thức kinh doanh mới, ứng dụng công nghệ 4.0 trong hoạt động kinh doanh.

Chương trình PVOIL Easy

Giải pháp quản lý và thanh toán hiện đại - không dùng tiền mặt và thẻ tín dụng thông qua phần mềm quản lý của chương trình PVOIL Easy trong những năm qua đã thu hút được nhiều khách hàng là các doanh nghiệp kinh doanh vận tải.

Trong năm 2020, PVOIL tiếp tục đẩy mạnh tích hợp PVOIL Easy với các phương tiện thanh toán không dùng tiền mặt, liên kết với các đối tác như GotIt, ViettelPay, MoMo, VCB, HDBank, hướng tới đối tượng khách hàng cá nhân. Sản lượng giao dịch qua PVOIL Easy không ngừng gia tăng, năm 2020 tăng gấp rưỡi so với năm trước, trung bình gần 5.500 m³/tháng, tương đương sản lượng bán bình quân của 50 CHXD trực thuộc PVOIL,

góp phần duy trì sản lượng kênh bán lẻ trong bối cảnh nhu cầu tiêu thụ sụt giảm mạnh.

Chương trình PVOIL Easy hiện được ứng dụng trong toàn bộ hệ thống gần 600 CHXD của PVOIL và 36 CHXD của Công ty COMECO tại TP.HCM.

Nghiên cứu xu hướng chuyển đổi năng lượng và các giải pháp ứng phó

Xu thế chuyển đổi năng lượng đang diễn ra mạnh mẽ trên toàn cầu trong những năm gần đây. Nhiều nước phát triển đã có lộ trình và chính sách hỗ trợ cụ thể cho sản xuất xe điện (EV) với mục tiêu sẽ thay thế xe hạng nhẹ chạy xăng trong tương lai không xa để bảo vệ môi trường. Một số nước đã bước đầu thành công trong việc ứng dụng pin nhiên liệu hiệu suất cao sử dụng cho xe điện, đặc biệt là xe có tải trọng lớn.

Trong nước, VinFast - nhà sản xuất ô tô lớn của Việt Nam đã lên kế hoạch đầy tham vọng để cho ra đời những mẫu xe điện của riêng mình nhằm chiếm lĩnh thị trường trong nước, gần nhất là dự án xe bus chạy điện công nghệ cao đã được triển khai tại một số thành phố lớn (Hà Nội, Tp.HCM, Phú Quốc).

Từ nhiều năm qua PVOIL đã chú trọng việc theo dõi, phân tích đánh giá sự phát triển của xe điện và triển khai nghiên cứu giải pháp để ứng phó. PVOIL đã hợp tác với Vingroup và Tập đoàn điện lực Việt Nam EVN triển khai lắp đặt và đưa vào vận hành thử nghiệm hệ thống năng lượng mặt trời và trạm sạc ô tô điện tại hai cửa hàng xăng dầu trên địa bàn thành phố Đà Nẵng từ đầu tháng 7/2020.

Bên cạnh đó, PVOIL đã chủ trì, phối hợp với Tổng công ty Điện lực Dầu khí (PVPower) và Viện Dầu khí triển khai đề tài nghiên cứu về chuyên đề dịch chuyển năng lượng và đưa ra các giải pháp nhằm ứng phó.

2.2. Nâng tầm thương hiệu PVOIL

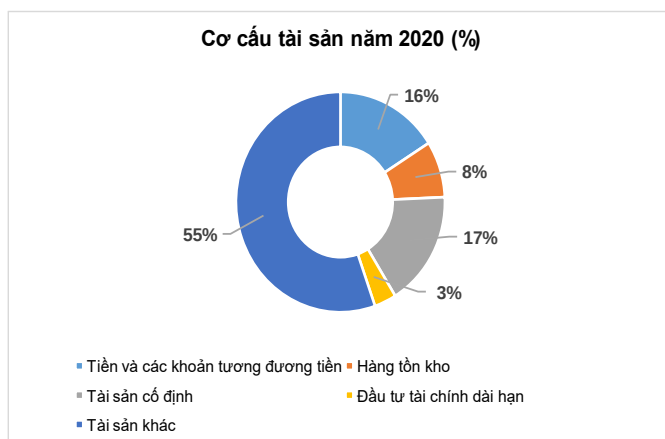
Với hàng loạt hoạt động quảng bá dưới nhiều hình thức kết hợp với việc liên tục cải thiện chất lượng dịch vụ khách hàng, hình ảnh thương hiệu PVOIL đã trở nên quen thuộc với người tiêu dùng cả nước, ngày càng khẳng định uy tín trên thị trường về sản phẩm và chất lượng dịch vụ. Năm 2020, năm thứ 2 liên tiếp PVOIL lọt vào top **“50 thương hiệu dẫn đầu”** tại Việt Nam – là một trong 3 doanh nghiệp bán lẻ được bình chọn của tạp chí Forbes Việt Nam.

3. Tình hình tài chính

3.1. Tình hình tài sản và nguồn vốn

Tình hình tài sản

Cơ cấu tài sản	2019		2020	
	Giá trị (đồng)	Tỷ trọng	Giá trị (đồng)	Tỷ trọng
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.966.080.861.563	11%	3.533.617.033.987	16%
Hàng tồn kho	2.445.158.339.762	9%	1.827.498.080.478	8%
Tài sản cố định	4.158.796.472.530	16%	3.737.198.323.785	17%
Đầu tư tài chính dài hạn	786.208.112.186	3%	753.953.944.811	3%
Tài sản khác	16.124.774.843.099	61%	12.222.696.223.590	55%
Cộng tài sản	26.481.018.629.140	100%	22.074.963.606.651	100%



Tổng tài sản hợp nhất của PVOIL tại thời điểm 31/12/2020 là 22.075 tỷ đồng, giảm 4.406 tỷ đồng (17%) so với đầu năm 2020, bao gồm: tài sản ngắn hạn 16.345 tỷ đồng (74%), tài sản dài hạn 5.730 tỷ đồng (26%). Trong đó:

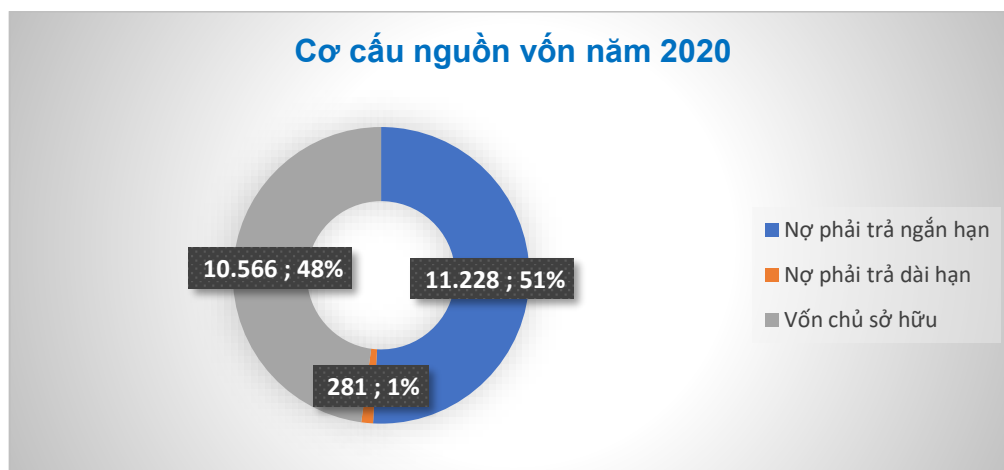
Tài sản ngắn hạn giảm 3.761 tỷ đồng, tập trung chủ yếu tại chỉ tiêu các khoản phải thu ngắn hạn và hàng tồn kho.

Tài sản dài hạn giảm 645 tỷ đồng, tập trung ở chỉ tiêu tài sản cố định chủ yếu do trích khấu hao trong kỳ.

Nguồn vốn

Cơ cấu nguồn vốn	2019		2020	
	Giá trị (đồng)	Tỷ trọng	Giá trị (đồng)	Tỷ trọng
Nợ phải trả ngắn hạn	15.302.858.793.483	58%	11.228.091.311.624	51%
Nợ phải trả dài hạn	332.934.293.825	1%	281.017.260.111	1%
Vốn chủ sở hữu	10.845.225.541.832	41%	10.565.855.034.916	48%
Cộng nguồn vốn	26.481.018.629.140	100%	22.074.963.606.651	100%

Vốn chủ sở hữu tại thời điểm 31/12/2020 là 10.566 tỷ đồng, vốn chủ không bao gồm lợi ích cổ đông không kiểm soát là 9.488 tỷ giảm 139 tỷ đồng so với thời điểm 01/01/2020 chủ yếu do PVOIL bị lỗ trong năm 2020 vì ảnh hưởng kép của đại dịch Covid-19 và suy giảm giá dầu.



3.2. Tình hình Nợ phải trả

Tổng nợ phải trả hợp nhất thời điểm 31/12/2020 là 11.509 tỷ đồng, giảm 4.127 tỷ đồng (26%) so với thời điểm đầu năm, tập trung chủ yếu ở chỉ tiêu nợ ngắn hạn. Cụ thể:

- ✓ Phải trả người bán ngắn hạn 2.396 tỷ đồng, trong đó: Công ty TNHH MTV Lọc hóa dầu Bình Sơn 944 tỷ đồng, Chi nhánh Phân phối Sản phẩm Lọc dầu Nghi Sơn – Tập đoàn DKVN 786 tỷ đồng, Tổng Công ty Thăm dò Khai thác Dầu khí (PVEP) 154 tỷ đồng, các đối tượng khác 512 tỷ đồng.
- ✓ Phải trả ngắn hạn khác 3.316 tỷ đồng chủ yếu là các khoản thu hộ, trả hộ tiền dầu thô xuất nhập khẩu ủy thác, tiền thu từ Cổ phần hóa phải chuyển trả về Tập đoàn và Quỹ hỗ trợ sắp xếp Doanh nghiệp...

- ✓ Vay và nợ ngắn hạn 4.001 tỷ đồng; Quỹ Bình ổn giá xăng dầu 439 tỷ đồng được trích lập, sử dụng theo quy định của Bộ Tài chính tại các thời điểm khác nhau, cụ thể: Thông tư liên tịch số 39/2014/TTLT-BCT-BTC ngày 29/10/2014 và số 90/2016/TTLT-BCT-BTC ngày 24/06/2016 do liên Bộ Công thương – Tài chính ban hành.
- ✓ Các khoản phải trả khác bao gồm tiền thuế, lương và các khoản phải trả khác chưa đến hạn... tổng số 1.796 tỷ đồng.

4. Kế hoạch SXKD năm 2021

4.1. Dự báo tình hình

Đại dịch COVID-19 đã tác động mạnh mẽ và chưa từng có đến nền kinh tế toàn cầu cũng như làm sai lệch những nguyên tắc cơ bản của thị trường dầu mỏ trong năm vừa qua và dự kiến sẽ tiếp tục còn diễn biến phức tạp năm 2021 cho đến khi Vaccine được đưa vào tiêm chủng ở mức phổ biến và rộng rãi trên thế giới nói chung và trong nước nói riêng.

PVOIL xây dựng kế hoạch 2021 trên cơ sở các dự báo sau đây:

- ✓ Năm 2021 kinh tế Việt Nam sẽ tăng trưởng từ 6,17 - 6,72%. Với kịch bản cơ sở - trong bối cảnh tăng trưởng kinh tế thế giới phục hồi, đại dịch COVID-19 dần được khống chế - tốc độ tăng GDP của VN trong năm nay đạt 6,17%/năm, CPI trung bình tăng 3,8%. Với kịch bản khả quan – kinh tế thế giới phục hồi nhanh, tăng trưởng kinh tế VN trong năm 2021 có thể đạt 6,72%/năm, CPI tăng khoảng 4,2%.
- ✓ Dự báo giá dầu thô giao động ở mức 45 USD/thùng.
- ✓ Nhà nước sửa đổi Nghị định 83/2014/NĐ-CP về KDXD trong năm 2021 với dự kiến sẽ thay đổi một số qui định như: (i) Giảm mức yêu cầu dự trữ lưu thông; (ii) Rút ngắn chu kỳ điều hành giá bán lẻ; (iii) Điều chỉnh công thức tính giá cơ sở... theo hướng tiệm cận hơn với thị trường.
- ✓ Nguồn cung xăng nhập khẩu ngày càng dồi dào khi có thêm nguồn xăng từ các nước ASEAN với mức thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt theo hiệp định AKFTA. Nguồn cung từ các NMLD trong nước đáp ứng khoảng 70% nhu cầu nội địa.

Thuận lợi:

- ★ PVOIL sở hữu hệ thống phân phối tương đối ổn định với gần 600 CHXD trực thuộc và gần 1.200 Tổng đại lý/Đại lý/Thương nhân nhượng quyền trên cả nước.
- ★ Hệ thống kho chứa rộng khắp cả nước trong đó có 2 kho được đầu nối đường ống trực tiếp với 2 NMLD Dung Quất và Nghi Sơn.
- ★ Nguồn cung từ các MNLD trong nước dự kiến chiếm khoảng 90% tổng sản lượng phân phối của PVOIL sẽ giúp Tổng công ty chủ động trong việc điều phối nguồn hàng.

Khó khăn, thách thức:

- ⚠ Đại dịch Covid-19 vẫn diễn biến phức tạp trên toàn cầu, tiềm ẩn nhiều rủi ro cho hoạt động của nền kinh tế nói chung và hoạt động kinh doanh của PVOIL nói riêng. Nhu cầu tiêu thụ xăng dầu trên thế giới và trong nước phục hồi chậm; giá dầu thô tiếp tục diễn biến phức tạp, khó lường, tiềm ẩn nhiều rủi ro trong năm 2021.
- ⚠ Thị trường xăng dầu trong nước chịu sự cạnh tranh gay gắt do số lượng doanh nghiệp đầu mối/thương nhân phân phối liên tục gia tăng và tình trạng xăng dầu không đảm bảo chất lượng, hàng trôi nổi không rõ nguồn gốc vẫn diễn biến phức tạp.

4.2. Nhiệm vụ trọng tâm

-  **Lĩnh vực Dầu thô:** đảm bảo xuất khẩu/bán toàn bộ khối lượng dầu thô/condensate khai thác được trong và ngoài nước an toàn, hiệu quả; cung cấp đầy đủ dầu thô từ nguồn trong nước cho NMLD Dung Quất.
-  **Sản xuất xăng dầu:** Sản xuất E5 RON 92, dầu mỡ nhờn thương hiệu PVOIL với mục tiêu gia tăng sản lượng đi đôi với chất lượng và hiệu quả pha chế, đảm bảo đáp ứng nhu cầu tiêu thụ của hệ thống và cung ứng cho các doanh nghiệp đầu mối khác.
-  **Kinh doanh xăng dầu:** Giữ ổn định thị phần, hệ thống phân phối, đẩy mạnh hoạt động kinh doanh xăng dầu, đảm bảo an toàn và hiệu quả; Tập trung gia tăng tỷ trọng bán vào các kênh tiêu thụ trực tiếp, đẩy mạnh phát triển các hình thức thanh toán điện tử.
-  **Công tác tái cấu trúc, đổi mới doanh nghiệp:** Đẩy mạnh tái cấu trúc, sắp xếp lại hệ thống các đơn vị thành viên KDXD nhằm tối ưu hoạt động và hiệu quả doanh nghiệp; Tiếp tục hỗ trợ đảm bảo an toàn tài sản tại các nhà máy NLSH song song với việc triển khai các giải pháp tái cấu trúc; Hoàn tất quyết toán cổ phần hóa PVOIL và xúc tiến thoái vốn nhà nước ngay sau đó.
-  **Công tác đầu tư phát triển hệ thống:** Tiếp tục đẩy mạnh đầu tư phát triển CHXD dưới nhiều hình thức. Xúc tiến triển khai các dịch vụ phi xăng dầu tại CHXD, hợp tác phát triển hệ thống năng lượng mặt trời, trạm sạc xe điện tại CHXD.
-  **Công tác quản trị hệ thống:** Tăng cường hiệu quả công tác quản lý dòng tiền và công nợ, tiết giảm chi phí; tiếp tục nâng cao chất lượng phục vụ khách hàng tại các CHXD và tổng kho xăng dầu; đẩy mạnh nghiên cứu khoa học và ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý điều hành.

4.3. Các chỉ tiêu kế hoạch chủ yếu

Các chỉ tiêu sản lượng và tài chính

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	KH 2021	So với TH 2020
I	Các chỉ tiêu sản lượng			
1	Sản lượng xuất khẩu/bán dầu thô (bao gồm cung cấp cho NMLD Dung Quất)	1000 tấn	8.586	92%
2	SX xăng dầu, dầu mỡ nhờn	1000 m3/tấn	484	106%
3	Sản lượng kinh doanh xăng dầu	1000 m3/tấn	3.150	107%
	Tỷ trọng bán lẻ	%	28,6%	
II	Các chỉ tiêu tài chính			
II.1	Hợp nhất			
1	Doanh thu	Tỷ đồng	55.750	110%
2	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	400	
3	Lợi nhuận sau thuế		320	
4	Nộp NSNN	Tỷ đồng	8.480	102%
II.2	Công ty mẹ			
1	Doanh thu	Tỷ đồng	27.000	129%
2	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	300	

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	KH 2021	So với TH 2020
3	Lợi nhuận sau thuế		240	

Kế hoạch đầu tư XDCB

PVOIL tiếp tục tập trung đầu tư phát triển hệ thống CHXD bán lẻ dưới nhiều hình thức và nâng cấp, cải tạo cơ sở vật chất phục vụ kinh doanh xăng dầu trong năm 2021 với các chỉ tiêu cụ thể như sau:

TT	Hạng mục đầu tư	Số lượng	Giá trị (tỷ đồng)	So với TH 2020
1	Xây dựng mới và cải tạo kho, cảng		98	166%
2	Xây dựng mới và cải tạo CHXD (*)	37 CHXD	418	536%
3	Đầu tư, mua sắm khác		97	313%
	TỔNG CỘNG		613	365%
	Trong đó: - Công ty mẹ		428	544%
	- Công ty con		186	207%
	Đầu tư từ nguồn vốn CSH		521	330%

(*) CHXD được phát triển mới theo các hình thức: xây mới, nhận chuyển nhượng, thuê dài hạn, hợp tác kinh doanh. Giá trị đầu tư kế hoạch được ghi nhận đối với các cửa hàng đầu tư theo hình thức xây mới và nhận chuyển nhượng, đối với CHXD thuê dài hạn, hợp tác kinh doanh chi phí liên quan được tính vào chi phí SXKD.

5. Giải trình của Ban giám đốc đối với ý kiến kiểm toán

Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2020 của PVOIL do công ty TNHH Deloitte Việt Nam thực hiện kiểm toán. Theo đó, báo cáo có 03 điểm loại trừ của đơn vị kiểm toán và ý kiến giải trình của Ban Tổng giám đốc như sau:

Ý kiến của kiểm toán: “Như trình bày tại Thuyết minh số 08 phần Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, Tổng Công ty đang ghi nhận phải thu khác từ Tập đoàn Dầu khí Việt Nam liên quan đến khoản lỗ lũy kế đến ngày 18 tháng 5 năm 2011 - là thời điểm Tổng Công ty Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư (“PETEC” - Công ty con của Tổng Công ty) chính thức chuyển sang loại hình công ty cổ phần với số tiền là 169.785.513.359 đồng. Khoản phải thu này phát sinh từ việc xác định phần vốn Nhà nước tại PETEC tại ngày 18 tháng 5 năm 2011 nhưng chưa được Tập đoàn Dầu khí Việt Nam và các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền phê duyệt quyết toán. Chúng tôi không thể thu thập đầy đủ thông tin về giá trị quyết toán và khoản chênh lệch (nếu có) so với giá trị ghi nhận trên khoản mục phải thu khác này tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, dẫn đến việc chúng tôi đã đưa ý kiến kiểm toán ngoại trừ về báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày. Chúng tôi cũng không thể thu thập đầy đủ các thông tin này tại ngày 31 tháng 12 năm 2020. Do đó, chúng tôi không thể xác định được liệu có cần thiết phải điều chỉnh số liệu này trên báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty hay không”.

Giải trình của PVOIL: Đây là khoản lỗ trong giai đoạn xác định giá trị doanh nghiệp (ngày 30/6/2010) đến thời điểm chính thức chuyển sang công ty cổ phần (ngày 18/05/2011) tại Tổng công ty Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư (PETEC), đang chờ Tập đoàn Dầu khí Việt Nam phê duyệt giá trị phần vốn nhà nước tại thời điểm chính thức chuyển thành Công ty cổ phần của Tổng công ty PETEC.

Ý kiến của kiểm toán: “Nhu trình bày tại Thuyết minh số 15 phần Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, nguyên giá tài sản cố định vô hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 và ngày 31 tháng 12 năm 2019 bao gồm giá trị của các lô đất của Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Sài Gòn (PVOIL Sài Gòn - Công ty con của Tổng Công ty) chưa được cấp hoặc sang tên và chưa gia hạn chứng nhận quyền sử dụng đất cho PVOIL Sài Gòn với tổng số tiền là 29.702.935.030 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2019: 32.415.453.930 đồng). Chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp về quyền sử dụng và thời gian sử dụng các lô đất này tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, dẫn đến việc chúng tôi đã đưa ý kiến kiểm toán ngoại trừ về báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày. Chúng tôi cũng không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp về quyền sử dụng và thời gian sử dụng các lô đất này tại ngày 31 tháng 12 năm 2020. Do đó, chúng tôi không thể xác định được liệu có cần thiết phải điều chỉnh số liệu này trên báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty hay không”.

Giải trình của PVOIL: PVOIL Sài Gòn đã khắc phục tình hình hoàn thiện các thủ tục đất đai, giá trị các lô đất theo ý kiến ngoại trừ của kiểm toán từ 32.415.453.930 đồng (năm 2019) giảm còn 29.702.935.030 đồng (năm 2020).

Đây là giá trị các lô đất do PVOIL Sài Gòn mua để đầu tư, xây dựng cửa hàng bán lẻ xăng dầu nhưng chưa hoàn thành các thủ tục chuyển nhượng sang tên PVOIL Sài Gòn hoặc chưa gia hạn thời gian thuê do các nguyên nhân sau: i) Còn mang tên Xí nghiệp XDDK Sài Gòn (là đơn vị tiền thân của PVOIL Sài Gòn) chưa hoàn thành thủ tục chuyển đổi tên; ii) Chưa hoàn thành thủ tục để chuyển đổi mục đích sử dụng đất từ đất nông nghiệp sang đất SXKD nên chưa chuyển quyền sử dụng đất sang PVOIL Sài Gòn; iii) Đã hết thời hạn thuê nhưng PVOIL Sài Gòn chưa làm xong thủ tục với địa phương để ký hợp đồng thuê đất mới.

Ý kiến của kiểm toán: Như trình bày tại Thuyết minh số 18 phần Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, giá trị khoản đầu tư của Tổng Công ty vào Công ty Cổ phần Hóa dầu và Nhiên liệu Sinh học Dầu khí (công ty liên kết của Tổng Công ty) được phản ánh theo phương pháp vốn chủ sở hữu trên báo cáo tài chính hợp nhất với giá trị là 273.373.642.647 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2019: 279.094.330.000 đồng). Chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán về những thay đổi trong phần vốn góp của Tổng Công ty vào tài sản thuần của Công ty Cổ phần Hóa dầu và Nhiên liệu Sinh học Dầu khí sau ngày mua khoản đầu tư đến ngày 31 tháng 12 năm 2019, dẫn đến việc chúng tôi đã đưa ra ý kiến kiểm toán ngoại trừ về báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày. Chúng tôi cũng không thể thu thập đầy đủ các thông tin về những thay đổi trong phần vốn góp của Tổng Công ty vào tài sản thuần của Công ty Cổ phần Hóa dầu và Nhiên liệu Sinh học Dầu khí sau ngày mua khoản đầu tư đến ngày 31 tháng 12 năm 2020. Do đó, chúng tôi không thể xác định được liệu có cần thiết phải điều chỉnh số liệu này trên báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty hay không.

Giải trình của PVOIL: Khoản đầu tư tại Công ty Cổ phần Hóa dầu và Nhiên liệu Sinh học Dầu khí tại Phú Thọ (PVB) đã phát sinh từ trước khi cổ phần hóa PVOIL. Theo Thông báo số 385/TB-VPCP ngày 02 tháng 10 năm 2018 của Văn phòng Chính phủ, dự án Nhà máy nhiên liệu sinh học Phú Thọ được đề nghị xem xét phương án giải thể, phá sản theo quy định pháp luật.

PVOIL đã có văn bản trình Tập đoàn Dầu khí Việt Nam về việc triển khai phương án phá sản Công ty Cổ phần Hóa dầu và Nhiên liệu Sinh học Dầu khí; văn bản đề xuất được xác định lại khoản đầu tư này về mức 0 đồng khi thực hiện quyết toán cổ phần hóa (được hiểu là loại khoản đầu tư này ra khỏi công ty cổ phần). Trong quá trình thực hiện thủ tục phá sản dự án, nếu có phát sinh thu hồi từ thanh lý tài sản tại Nhà máy nhiên liệu sinh học Phú Thọ, PVOIL sẽ nộp toàn bộ về Quỹ Hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp. Vấn đề này đã được Tập đoàn Dầu khí Việt Nam xin ý kiến xử lý của Ủy Ban Quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp

trong công văn số 3540/DKVN-HĐTV ngày 01 tháng 7 năm 2019 về sắp xếp lại, xử lý nhà đất và khó khăn vướng mắc trong quyết toán cổ phần hóa PVOIL.

Chính phủ đã đồng ý việc đưa dự án NLSH Phú Thọ ra khỏi danh sách 12 dự án chậm tiến độ, kém hiệu quả thuộc ngành Công Thương và chấp thuận phương án phá sản Công ty PVB để PVOIL thông qua/thực hiện các thủ tục phá sản Công ty PVB theo quy định của pháp luật.

Tại ngày phát hành báo cáo tài chính này, PVOIL vẫn chưa nhận được phản hồi từ Tập đoàn Dầu khí Việt Nam, Ủy Ban Quản lý vốn Nhà nước tại doanh nghiệp và các cơ quan có thẩm quyền về việc triển khai phương án phá sản Công ty Cổ phần Hóa dầu và Nhiên liệu Sinh học Dầu khí.

PHẦN V

ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA TỔNG CÔNG TY

1. Đánh giá chung về các mặt hoạt động của Tổng công ty

Năm 2020 là năm đặc biệt khó khăn mà Tổng công ty đã từng trải qua trong suốt quá trình hình thành và phát triển từ trước đến nay bởi tác động kép của dịch bệnh Covid-19: (i) Giá dầu thế giới liên tục giảm sâu trong thời gian ngắn và (ii) Nhu cầu xăng dầu trong nước sụt giảm do các biện pháp giãn cách xã hội để phòng, chống dịch bệnh. Tuy nhiên, với những cố gắng và nỗ lực của toàn hệ thống, năm 2020, Tổng công ty đã bám sát các nhiệm vụ trọng tâm để thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh như:

- ✓ Xây dựng, triển khai tổng thể các giải pháp ứng phó với dịch bệnh Covid-19, đảm bảo ổn định mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty.
- ✓ Xuất khẩu/bán an toàn, hiệu quả toàn bộ khối lượng dầu thô/condensate khai thác được trong và ngoài nước; cung cấp đầy đủ dầu thô cho Nhà máy lọc dầu Dung Quất;
- ✓ Điều hành tồn kho xăng dầu hợp lý trước diễn biến bất lợi của giá dầu thế giới; cân đối mục tiêu sản lượng tiêu thụ và lợi nhuận trong từng giai đoạn ngắn hạn hướng đến giữ ổn định thị phần, hệ thống phân phối và kiểm soát kết quả kinh doanh; Đẩy mạnh hoạt động sản xuất chế biến xăng dầu; Tập trung kinh doanh xăng dầu theo phương thức gia tăng tỷ trọng bán vào các kênh tiêu thụ trực tiếp;
- ✓ Tiếp tục triển khai nhiệm vụ tái cơ cấu Tổng công ty Dầu Việt Nam giai đoạn 2016-2020; Triển khai nhiệm vụ sắp xếp, tái cấu trúc hệ thống Tổng công ty Dầu Việt Nam giai đoạn 2020-2025 nhằm tinh gọn hệ thống, nâng cao khả năng cạnh tranh;
- ✓ Tiếp tục công tác đầu tư phát triển cửa hàng xăng dầu phù hợp với chiến lược sản xuất kinh doanh của Tổng công ty Dầu Việt Nam;
- ✓ Xây dựng kế hoạch và giải pháp để tái cơ cấu và nâng cao hiệu quả hoạt động toàn bộ hệ thống cửa hàng xăng dầu;
- ✓ Tăng cường công tác quản lý chi phí, hạ giá thành sản phẩm; Tăng cường công tác quản trị doanh nghiệp, phát triển thương hiệu Tổng công ty Dầu Việt Nam;

Để thực hiện được những nhiệm vụ trọng tâm nêu trên, Tổng công ty đã xây dựng nhiều nhóm giải pháp gồm *nhóm giải pháp kinh doanh, nhóm giải pháp tiết giảm chi phí và nhóm giải pháp phòng chống dịch bệnh Covid-19*, triển khai đồng bộ các nhóm giải pháp này nhằm ứng phó với những tình huống khó khăn, hạn chế tối đa các ảnh hưởng tiêu cực của thị trường và hoàn thành các chỉ tiêu hoạt động sản xuất kinh doanh cơ bản được ĐHĐCĐ giao phó.

Về kết quả sản xuất kinh doanh chung, mặc dù tập thể Ban Lãnh đạo và người lao động trong toàn hệ thống của Tổng công ty đã đoàn kết, nỗ lực và triển khai nhiều nhóm giải pháp nhằm hạn chế tác động xấu của dịch bệnh Covid-19 đến hoạt động SXKD nhưng kết quả kinh doanh chung năm 2020 vẫn lỗ.

2. Đánh giá về hoạt động của Ban Tổng giám đốc

Ban Tổng giám đốc đã hoàn thành tốt vai trò điều hành hoạt động kinh doanh của Tổng công ty theo đúng các mục tiêu, định hướng của ĐHĐCĐ và HĐQT năm 2020 trong bối cảnh có nhiều biến động bất lợi. Kết quả năm 2020 đạt được như sau:

- ✓ Thực hiện tốt công tác phòng chống Covid-19 an toàn trên toàn hệ thống Tổng công ty, đảm bảo việc thực hiện SXKD được diễn ra liên tục trên mọi lĩnh vực.

- ✓ ĐHĐCĐ năm 2020 của Tổng công ty đã diễn ra theo đúng kế hoạch và thành công; Báo cáo thường niên năm 2019 và công tác công bố thông tin thực hiện đầy đủ, minh bạch, đúng thời gian theo đúng quy định.
- ✓ Trong năm 2020, Ban Tổng giám đốc đã hoàn thành nhiều nhiệm vụ khác do Hội đồng quản trị giao. Cụ thể như: liên tục cập nhật, rà soát, điều chỉnh và bổ sung các chính sách, quy định liên quan đến kinh doanh xăng dầu phù hợp với tình hình thực tế; giám sát chặt chẽ tình hình quản lý vốn, quản lý công nợ trên toàn hệ thống PVOIL; thực hiện xây dựng phương án tổ chức lại, quản lý, vận hành, khai thác các kho đầu mối trong toàn hệ thống; chú trọng công tác đầu tư phát triển hệ thống cửa hàng xăng dầu; xây dựng và thực hiện phương án tái cấu trúc các đơn vị thành viên trong hệ thống Tổng công ty theo chỉ đạo của HĐQT Tổng công ty; thực hiện công tác rà soát, chỉnh sửa, bổ sung các quy định nội bộ liên quan đến kinh doanh, quản lý, việc phân cấp, phân quyền,... để linh hoạt trong điều hành, tăng cường sự phối hợp giữa các bộ phận, đề cao hiệu quả sản xuất kinh doanh; tiếp tục đào tạo nguồn nhân lực và củng cố các nguồn lực khác nhằm xây dựng nền tảng phát triển bền vững theo định hướng chiến lược phát triển của Tổng công ty.
- ✓ Về kết quả SXKD chung năm 2020, mặc dù Ban Tổng Giám Đốc đã rất trách nhiệm, nỗ lực và có nhiều giải pháp điều hành hiệu quả trong một năm có nhiều biến động bất lợi do dịch bệnh Covid-19, kết quả sản xuất kinh doanh chung toàn Tổng công ty vẫn ổn.
- ✓ Đánh giá chung: Trong quá trình điều hành hoạt động SXKD năm 2020 của Tổng công ty, Tổng giám đốc và Ban Điều hành đã tuân thủ theo đúng quy định của pháp luật; đúng phân cấp quản lý tại Điều lệ, các quy chế quản trị nội bộ của Tổng công ty; nghị quyết của ĐHĐCĐ và HĐQT; đã có nhiều giải pháp điều hành linh hoạt, kịp thời, phù hợp với chủ trương, định hướng của HĐQT và nhiệm vụ được ĐHĐCĐ Tổng công ty giao phó. Tổ chức thực hiện nghiêm túc các quy định về công bố thông tin đối với công ty đại chúng.

3. Các kế hoạch và định hướng hoạt động năm 2021

Năm 2021, kế hoạch hoạt động của HĐQT sẽ tập trung vào các vấn đề sau:

- ✓ Nhiệm vụ chính - sản xuất kinh doanh: Chỉ đạo triển khai thực hiện thành công các chỉ tiêu SXKD theo nghị quyết của ĐHĐCĐ thường niên năm 2021; Chủ động phối hợp với các đơn vị trong ngành, nghiên cứu và xây dựng chuỗi liên kết sản xuất, chế biến, vận chuyển và phân phối sản phẩm xăng dầu, tối ưu hóa hiệu quả quản trị SXKD của Tổng công ty; Triển khai các giải pháp mang tính sáng tạo/khả thi nhằm giữ ổn định thị phần, hệ thống phân phối, đẩy mạnh hoạt động sản xuất, kinh doanh xăng dầu, đảm bảo tính hiệu quả và an toàn tuyệt đối trong hoạt động của toàn hệ thống.
- ✓ Phát triển hệ thống: Chỉ đạo tiếp tục tập trung đẩy mạnh công tác đầu tư phát triển hệ thống bán lẻ tại các cửa hàng xăng dầu; nâng cao năng lực bán lẻ, cải thiện hiệu quả kinh doanh chung trên toàn hệ thống hướng đến mục tiêu phát triển bền vững.
- ✓ Công tác đầu tư: Tập trung chỉ đạo đẩy nhanh việc triển khai các dự án chuyển tiếp từ năm 2020, đảm bảo tiến độ và hiệu quả; Chỉ đạo công tác đầu tư phát triển CHXD trong toàn hệ thống phù hợp với chiến lược SXKD của Tổng công ty; Chỉ đạo việc nghiên cứu, xây dựng đề án phát triển kinh doanh nhiên liệu bay Jet A1.
- ✓ Công tác tái cấu trúc: Tiếp tục chỉ đạo công tác tái cấu trúc, thực hiện quyết liệt và có hiệu quả “Kế hoạch sắp xếp, tái cơ cấu Tổng công ty Dầu Việt Nam – CTCP giai đoạn 2020 – 2025”.

- ✓ Các vấn đề về nhà máy nhiên liệu sinh học: Tại công văn số 3554/VPCP-KTTH ngày 24/12/2020, Văn phòng Chính phủ đã đồng ý việc đưa dự án Nhà máy NLSH Phú Thọ và Bình Phước ra khỏi danh sách theo dõi, xử lý của Ban chỉ đạo theo Quyết định 1468. Trong thời gian tới, HĐQT sẽ chỉ đạo để Tổng công ty phối hợp với các cổ đông, chủ động thực hiện các phương án xử lý đối với 2 Dự án này đúng qui định pháp luật. Đối với Nhà máy NLSH Miền Trung, PVOIL sẽ phối hợp với các cổ đông thực hiện phương án thuê cơ sở vật chất của Nhà máy nhằm hỗ trợ công ty có nguồn thu để trang trải chi phí, duy trì các hoạt động tối thiểu, đồng thời xử lý những tồn tại liên quan đến công tác quyết toán dự án và phương án vận hành nhà máy khi điều kiện thuận lợi.
- ✓ Quyết toán cổ phần hóa: Chỉ đạo công tác quyết toán cổ phần hóa tại: i) Tổng công ty Dầu Việt Nam sẽ tiếp tục tập trung, bám sát các cơ quan chức năng để giải trình/báo cáo bổ sung các nội dung (nếu có yêu cầu) để sớm được Tập đoàn Dầu Khí Việt Nam và các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt quyết toán cổ phần hóa; ii) Tại Tổng công ty Thương mại kỹ thuật và Đầu tư (Petec): tiếp tục làm việc với Tập đoàn Dầu khí Việt Nam nhằm đẩy nhanh việc phê duyệt quyết toán cổ phần hóa Petec làm cơ sở cho Tổng công ty triển khai thoái vốn tại Petec;
- ✓ Quản lý chi phí: Tiếp tục chỉ đạo tăng cường công tác quản lý chi phí, hạ giá thành/giá vốn hàng hóa để nâng cao năng lực cạnh tranh, gia tăng hiệu quả hoạt động từ Tổng công ty đến các đơn vị thành viên.
- ✓ Quản trị tài chính và rủi ro: Tiếp tục chỉ đạo sâu sát công tác quản lý tài chính, quản trị rủi ro trong toàn hệ thống, nhằm tăng cường hiệu quả công tác cân đối vốn, dòng tiền và quản lý công nợ. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá hiệu quả hoạt động của các đơn vị thành viên để đảm bảo việc quản lý, huy động và sử dụng vốn đúng mục đích, chặt chẽ, an toàn và hiệu quả.
- ✓ Ứng dụng khoa học công nghệ: Chỉ đạo tiếp tục thực hiện các giải pháp nâng cao năng lực quản trị trong toàn hệ thống; Triển khai ứng dụng mạnh mẽ công nghệ 4.0 để đa dạng hóa phương thức kinh doanh, tạo khả năng cạnh tranh cao; đẩy mạnh triển khai các đề tài nghiên cứu khoa học và ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, điều hành và kiểm soát hệ thống nhằm nâng cao tính minh bạch, công khai và hiệu quả trong công tác quản trị doanh nghiệp.
- ✓ Tiếp tục bám sát định hướng phát triển ngành xăng dầu và bối cảnh tình hình thực tế để xây dựng; sửa đổi, bổ sung kịp thời chiến lược, kế hoạch sản xuất kinh doanh của Tổng công ty cho phù hợp.

PHẦN VI

BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

1. Thông điệp phát triển bền vững

Trong hai thập kỷ qua, trên bình diện quốc tế, vấn đề phát triển bền vững ngày càng được đặc biệt quan tâm và trở thành yêu cầu phát triển của toàn cầu. Phát triển bền vững là xu thế chung mà toàn nhân loại đang nỗ lực hướng tới. Điều này càng được chú trọng hơn đối với một doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh xăng dầu – một sản phẩm thiết yếu nhưng lại tiềm ẩn nhiều rủi ro ô nhiễm.

Ngay từ những ngày đầu thành lập PVOIL đã kiên định mục tiêu phát triển Tổng công ty một cách bền vững, phát triển kinh doanh đi cùng với bảo vệ môi trường và làm tròn trách nhiệm với xã hội, cộng đồng. Thể hiện cụ thể qua chiến lược phát triển đối với sản phẩm, con người và thực thi trách nhiệm với cộng đồng của Tổng công ty.



Về sản phẩm, ý thức sâu sắc trách nhiệm trong việc gìn giữ bảo vệ môi trường sống, PVOIL là đơn vị tiên phong cả nước giúp Chính phủ từng bước triển khai lộ trình đưa xăng sinh học E5 ra thị trường để thay thế xăng truyền thống. Xăng sinh học E5 đã được PVOIL đưa vào kinh doanh từ 01/8/2010 và từng bước mở rộng tiêu thụ trong hệ thống phân phối của mình. Sau nhiều năm kiên trì đeo đuổi, nỗ lực tuyên truyền lợi ích của việc sử dụng loại sản phẩm “xanh” và thuyết phục người tiêu dùng bằng chính sản phẩm chất lượng của mình, xăng sinh học E5 đã được Chính phủ quyết định đưa vào kinh doanh thay thế hoàn toàn A92 kể từ ngày 01/01/2018 và được người tiêu dùng đón nhận.

Với yếu tố con người,

PVOIL xác định đây vừa là mục tiêu, vừa là nguồn lực để phát triển. Vì vậy, Tổng công ty có chiến lược chăm lo, đào tạo và phát triển nguồn nhân lực bền vững, bao gồm kiến tạo nên môi trường văn hóa doanh nghiệp vừa có nền tảng vững chắc vừa có bản sắc riêng. Đó là môi trường rèn luyện, tôn trọng sự khác biệt để phát huy sáng tạo và luôn luôn đổi mới tư duy để nâng cao trình độ chuyên môn và kỹ năng.



Đối với cộng đồng, PVOIL xác định sự công nhận của cộng đồng chính là thước đo chuẩn xác cho sự phát triển bền vững của Tổng công ty. Vì vậy, PVOIL luôn đảm bảo hài hòa lợi ích giữa các bên liên quan, đồng thời thực thi trách nhiệm với xã hội, cộng đồng thông qua nhiều hoạt động thiết thực bằng cả tấm lòng.

2. Nguyên tắc hoạt động của PVOIL đối với các bên liên quan

	Đối với nhân viên Xây dựng môi trường làm việc chuyên nghiệp, an toàn và thân thiện cùng với chính sách đãi ngộ tương xứng với đóng góp của người lao động. PVOIL đang nỗ lực từng bước nâng cao chất lượng nguồn nhân lực và tính chuyên nghiệp của đội ngũ lao động thông qua đào tạo, giao và đánh giá công việc bằng KPI
	Đối với khách hàng PVOIL đảm bảo cung cấp sản phẩm chất lượng và dịch vụ tốt nhất cho khách hàng. PVOIL là đơn vị tiên phong trong lĩnh vực phát triển kinh doanh xăng sinh học E5 thay thế nhiên liệu hóa thạch, góp phần giảm phát thải, bảo vệ môi trường. Sản phẩm xăng dầu, dầu mỡ nhờn và nhiên liệu sinh học mà PVOIL cung ứng ra thị trường luôn đảm bảo tuyệt đối về chất lượng và đầy đủ về số lượng. Bên cạnh đó, Tổng công ty đã và sẽ tiếp tục duy trì trong toàn hệ thống các chương trình hành động thiết thực như 1114 và 808 nhằm nâng cao chất lượng phục vụ khách hàng tại các kho xăng dầu và cửa hàng xăng dầu
	Đối với cổ đông và nhà đầu tư PVOIL luôn hướng tới mục tiêu tối đa hóa giá trị doanh nghiệp với các nỗ lực hoàn thành và hoàn thành vượt mức kế hoạch đề ra. Đồng thời, cung cấp đầy đủ, kịp thời, công khai minh bạch thông tin về tình hình hoạt động của Tổng công ty thông qua các buổi hội thảo, các kênh truyền thông, website và các phương tiện công bố thông tin theo quy định.
	Đối với đối tác kinh doanh Tổng công ty giữ nguyên tắc cạnh tranh lành mạnh, hợp tác cùng có lợi và đảm bảo hài hòa lợi ích cho khách hàng
	Đối với cộng đồng và xã hội Tổng công ty luôn cam kết thực hiện trách nhiệm với cộng đồng và xã hội bên cạnh việc quan tâm và đảm bảo trách nhiệm với người lao động. PVOIL đã tạo lập quỹ “PVOIL chung một tấm lòng” và duy trì hoạt động của Quỹ trong nhiều năm qua với các hoạt động thiết thực hướng về cộng đồng.

3. Báo cáo về công tác an toàn, sức khỏe và bảo vệ môi trường (ATSKMT)

3.1. Duy trì hiệu quả Hệ thống ATSKMT



Bộ máy quản lý công tác ATSKMT

- ✓ Bộ máy quản lý công tác ATSKMT tại PVOIL đã được thiết lập, thường xuyên kiện toàn và tổ chức hoạt động đồng bộ, nhịp nhàng, chặt chẽ từ Tổng công ty đến các Đơn vị trực thuộc và các Đơn vị thành viên trong toàn hệ thống, từ các cấp lãnh đạo cao nhất đến chuyên viên chuyên trách/bán chuyên trách.
- ✓ Xây dựng đội ngũ An toàn vệ sinh viên trong toàn Tổng công ty nhằm hỗ trợ trong công tác đảm bảo ATSKMT trong các hoạt động SXKD.



Duy trì, cải tiến hệ thống quản lý ATSKMT

- ✓ Hệ thống quản lý chất lượng tích hợp (HTQLTH) của PVOIL đã triển khai xây dựng, duy trì và tuân thủ từ năm 2012 trong toàn hệ thống và đã được Viện tiêu chuẩn Anh BSI đánh giá và cấp chứng Hệ thống quản lý An toàn - Môi trường - Chất lượng theo yêu cầu của Tiêu chuẩn quốc tế về Hệ thống quản lý an toàn sức khỏe nghề nghiệp OHSAS 18001:2007/ISO 45001:2018, Hệ thống quản lý môi trường ISO 14001:2015 và Hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2015. Hệ thống đã được cập nhật, sửa đổi và ban hành mới sau khi PVOIL chính thức chuyển sang hoạt động dưới mô hình công ty cổ phần phù hợp với yêu cầu của tiêu chuẩn ISO phiên bản mới
- ✓ Việc triển khai các đề án 1114 “Nâng cao chất lượng phục vụ khách hàng tại CHXD” và đề án 808 “Nâng cao chất lượng dịch vụ khách hàng tại Kho xăng dầu” đã đóng góp tích cực trong việc đảm bảo tuân thủ quy trình nghiệp vụ, thành thạo các quy tắc về an toàn PCCC, an toàn vận hành, sử dụng thành thạo trang thiết bị PCCC và xử lý sự cố tại CHXD và các kho trong toàn hệ thống.
- ✓ Việc duy trì tuân thủ và cải tiến HTQLTH được PVOIL thực hiện nghiêm túc, thông qua:
 - ✓ Công tác kiểm tra, đánh giá nội bộ của Tổng công ty về ATSKMT được duy trì thực hiện hàng năm.
 - ✓ Công tác kiểm tra, đánh giá định kỳ hàng tháng đối với Đề án 1114 “Nâng cao chất lượng phục vụ khách hàng tại CHXD” và Đề án 808 “Nâng cao chất lượng dịch vụ khách hàng tại Kho xăng dầu” với 04 lượt cho tất cả các kho và CHXD trong hệ thống;
 - ✓ Hoạt động đánh giá giám sát định kỳ HTQLTH của Viện Tiêu chuẩn Anh (BSI): Các phát hiện sự không phù hợp và khuyến nghị cải tiến của BSI đều được theo dõi, lập kế hoạch và triển khai khắc phục, phòng ngừa, cải tiến theo Quy trình khắc phục sự không phù hợp.
 - ✓ Đào tạo cho CBCNV về các nội dung liên quan. Trong năm 2020, PVOIL đã đào tạo cho các CBNV làm việc trực tiếp tại khối kho xăng dầu chuyên đề “Nhận diện mối nguy và đánh giá rủi ro”.

3.2. Công tác An toàn - An ninh, PCCC, ứng cứu tình huống khẩn cấp

Trong năm 2020, PVOIL đã triển khai đồng bộ các biện pháp từ phòng ngừa đến sẵn sàng ứng cứu sự cố để đảm bảo an toàn, PCCN trong toàn hệ thống với các hoạt động tiêu biểu sau:

Tất cả các kho, CHXD trong hệ thống PVOIL định kỳ tổ chức diễn tập phương án PCCC, ứng phó sự cố môi trường và cứu nạn thoát hiểm với sự tham gia của lực lượng chức năng địa phương nhằm nâng cao tính sẵn sàng ứng cứu của lực lượng ứng cứu tại chỗ và ý thức an toàn của CBCNV;

Tổng công ty định kỳ tổ chức các khóa đào tạo và diễn tập ứng cứu sự cố tràn dầu, đào tạo và triển khai “Đánh giá an toàn kho cảng” theo thông lệ quốc tế, đào tạo “phối hợp chữa cháy giữa tàu và bờ”, an toàn vệ sinh lao động, diễn tập, thực tập PCCC định kỳ; Bên cạnh các khóa đào tạo về ATSKMT theo quy định pháp luật, PVOIL đã tổ chức khóa đào tạo “Tổ chức chỉ huy chữa cháy và cứu nạn cứu hộ tổng hợp ban đêm” cho tất cả 250 học viên tại các Kho xăng dầu và tổ chức khóa đào tạo E-learning về An ninh an toàn tại CHXD cho tất cả CHXD trong toàn hệ thống PVOIL.

Đối với công tác Phòng chống lụt bão, thiên tai, PVOIL thường xuyên theo dõi và cảnh báo kịp thời về các tình huống thiên tai, bão lụt nhằm đảm bảo an toàn cho người lao động làm việc tại các Kho/cảng và giảm thiệt hại về tài sản; Ban chỉ đạo Văn phòng tình huống khẩn cấp thực hiện trực điện thoại 24/24 trong các dịp Lễ, Tết hoặc các thời điểm có bão, lũ... nhằm

kip thời chỉ đạo, xử lý các tình huống khẩn cấp; Tổ chức lực lượng trực ứng cứu tràn dầu trong quá trình xuất nhập hàng hóa tại tất cả các kho trong hệ thống.

Bên cạnh đó, PVOIL duy trì kiểm tra định kỳ và đột xuất công tác An toàn PCCC tại các kho, CHXD, đảm bảo công tác PCCC được thực hiện nghiêm túc, các trang thiết bị PCCC luôn trong tình trạng sẵn sàng.

3.3. Chăm sóc sức khỏe người lao động

- ✓ Thực hiện đo kiểm tra môi trường lao động định kỳ và công tác bảo hộ lao động hiệu quả, nhằm đảm bảo sức khỏe cho người lao động và ngăn ngừa bệnh nghề nghiệp.
- ✓ Tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho toàn bộ CBCNV; thực hiện khám bệnh nghề nghiệp cho người lao động trực tiếp, và khám chuyên sâu đối với một số trường hợp có nghi ngờ về mắc bệnh nghề nghiệp.
- ✓ Tổng công ty cũng thực hiện chế độ bồi dưỡng bằng hiện vật cho người lao động làm việc tại Kho cảng/CHXD.
- ✓ Tổ chức và cung cấp các bữa ăn trưa đảm bảo dinh dưỡng và vệ sinh an toàn thực phẩm bằng cách kiểm soát chặt chẽ nguồn gốc thực phẩm sử dụng cho CBCNV.
- ✓ Ngoài ra, để giúp cho CBCNV có được sự đảm bảo về tài chính trong trường hợp phải khám chữa bệnh và nằm viện, PVOIL đã áp dụng chính sách mua bảo hiểm PVI Care cho CBCNV để phòng rủi ro cho người lao động yên tâm công tác.

3.4. Công tác bảo vệ môi trường và kiểm soát chất thải

- ✓ PVOIL thường xuyên theo dõi, cập nhật triển khai các văn bản pháp luật mới ban hành.
- ✓ Định kỳ giám sát chất lượng môi trường, diễn tập ứng phó sự cố tràn dầu, quản lý chất thải nguy hại, vận hành hiệu quả hệ thống xử lý nước thải. Kết quả giám sát môi trường tại các Đơn vị trong năm 2020 đều đạt tiêu chuẩn theo quy định hiện hành.
- ✓ Hệ thống xử lý nước thải tại các kho của PVOIL được đầu tư, và nâng cấp và thường xuyên bảo trì, bảo dưỡng.
- ✓ Thực hiện nghiêm túc việc phân loại chất thải, trang bị các thùng chứa/nhà chứa chất thải nguy hại để thu gom, lưu giữ một cách an toàn.

Việc xử lý chất thải nguy hại được giao cho các đơn vị có chức năng thực hiện theo đúng quy định. Năm 2020, các đơn vị trong hệ thống PVOIL đã thu gom và chuyển giao cho Đơn vị có chức năng xử lý khoảng 255 tấn khối lượng chất thải nguy hại.

3.5. Xây dựng văn hóa an toàn sức khỏe, môi trường

Cùng với việc sử dụng công nghệ, PVOIL còn quan tâm đến việc tuyên truyền nâng cao ý thức bảo vệ môi trường cho CBCNV thông qua việc tổ chức các hoạt động thiết thực như:

- ✓ Duy trì việc tuyên truyền định kỳ tháng hành động vì an toàn vệ sinh lao động, ngày môi trường thế giới, giờ trái đất, ngày toàn dân phòng cháy chữa cháy... Giúp nâng cao nhận thức của cán bộ công nhân viên về tuân thủ yêu cầu Pháp luật về an toàn – phòng cháy chữa cháy, bảo vệ môi trường và sức khỏe người lao động.
- ✓ Trong năm 2020 do dịch bệnh Covid-19 nên các hội thi tay nghề và an toàn trong Tổng công ty và Tập đoàn Dầu khí đã không thể tổ chức định kỳ hàng năm theo kế hoạch.

3.6. Các chỉ số an toàn sức khỏe và nghề nghiệp

Tỷ lệ chấn thương, bệnh nghề nghiệp, ngày nghỉ ốm, sự vắng mặt và số trường hợp tử vong có liên quan đến làm việc theo từng khu vực của Tổng công ty trong năm 2019 được thống kê như sau:

STT	Các chỉ tiêu	ĐVT	Số liệu
1	Tai nạn lao động		0
	- Tổng số vụ tai nạn lao động	Vụ	0
	- Tổng số người bị tai nạn lao động	Người	0
	- Tổng chi phí cho tai nạn lao động (cấp cứu, điều trị, trả lương trong ngày nghỉ, bồi thường, trợ cấp ...)	Triệu đồng	0
	- Thiệt hại về tài sản (tính bằng tiền)	Triệu đồng	0
	- Số ngày công nghỉ vì tai nạn lao động	Ngày	0
2	Bệnh nghề nghiệp		0
	- Tổng số người bị bệnh nghề nghiệp cộng dồn tại thời điểm báo cáo	Người	0
	- Số ngày công nghỉ vì bệnh nghề nghiệp	Ngày	0
	- Số người phải nghỉ trước tuổi hưu vì bệnh nghề nghiệp	Người	
	- Tổng chi phí cho người bị bệnh nghề nghiệp phát sinh trong năm (Các khoản chi không tính trong kế hoạch an toàn - vệ sinh lao động như: điều trị, trả tiền lương trong ngày nghỉ, bồi thường, trợ cấp,...)	Triệu đồng	0
3	Kết quả phân loại sức khỏe của người lao động		
	+ Loại I	Người	363
	+ Loại II	Người	1.372
	+ Loại III	Người	3.855
	+ Loại IV	Người	13
	+ Loại V	Người	4
4	Số ngày nghỉ ốm	Ngày	0

3.7. Nhiệm vụ chính công tác ATSKMT 2020

Những thành tích đạt được trong năm 2020 đã khẳng định những nỗ lực không ngừng của Ban lãnh đạo và tập thể cán bộ công nhân viên Tổng công ty trong công tác đảm bảo ATSKMT, củng cố thương hiệu và hình ảnh của PVOIL vì một tương lai an toàn và phát triển bền vững. Để tiếp tục phát huy thành tích đó PVOIL đã xây dựng một số nhiệm vụ chính trong năm 2020 như sau:

- ✓ Đảm bảo hiệu quả trong hoạt động sản xuất và kinh doanh của PVOIL an toàn, chất lượng và tuân thủ đầy đủ các quy định pháp luật về Chất lượng - ATSKMT.
- ✓ Duy trì cập nhật và đánh giá chứng nhận thành công Hệ thống quản lý theo phiên bản mới ISO 9001:2015 và ISO 14001:2015 và ISO 45001:2018.
- ✓ Tăng cường đào tạo và tập huấn để bổ sung kiến thức về an toàn ATVSLĐ nhằm đáp ứng yêu cầu Pháp luật và nâng cao trình độ tay nghề cho người lao động.
- ✓ Không để xảy ra tai nạn lao động nặng trở lên tại các Đơn vị trong toàn Hệ thống.
- ✓ Không để xảy ra sự cố môi trường bị cơ quan chức năng xử phạt và đảm bảo tuân thủ đầy đủ yêu cầu pháp luật về bảo vệ môi trường.
- ✓ Tiếp tục cải thiện điều kiện lao động, phòng ngừa tai nạn lao động và bệnh nghề nghiệp cho CBCNV trong toàn Tổng công ty.
- ✓ Củng cố lực lượng Ứng cứu khẩn cấp, nâng cao tính sẵn sàng ứng phó sự cố bão lũ nhằm ngăn ngừa, giảm thiểu thiệt hại về người và tài sản trong các cơn bão.

4. Báo cáo tình hình sử dụng năng lượng và nước

- Năng lượng: Tổng lượng điện PVOIL tiêu thụ trong năm 2020 là 10.880.791 kw, tăng 1,3 % so với năm 2019.
- Nước: Tổng lượng nước PVOIL sử dụng trong sản xuất và kinh doanh năm 2020 là 260.291 m3, giảm 1,6 % so với năm 2019.

5. Tuân thủ về môi trường

Ý thức được hoạt động kinh doanh xăng dầu tiềm ẩn nhiều rủi ro cho môi trường, Tổng công ty đã tuân thủ chặt chẽ các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường, đồng thời triển khai đồng bộ các giải pháp để phòng ngừa và hạn chế rủi ro như:

- ✓ Trang bị đầy đủ thiết bị, bố trí nhân lực đủ năng lực.
- ✓ Tổ chức lực lượng quản lý công tác an toàn, sức khỏe, môi trường và ứng cứu sự cố khẩn cấp tại tất cả các đơn vị trong hệ thống;
- ✓ Xây dựng phương án ứng cứu sự cố tràn dầu và thuê lực lượng ứng cứu chuyên nghiệp tại các kho cảng xăng dầu;
- ✓ Các kho xăng dầu và cửa hàng xăng dầu đều đảm bảo được cơ quan chuyên ngành cấp các giấy phép về an toàn, bảo vệ môi trường (Báo cáo Đánh giá tác động môi trường, cam kết bảo vệ môi trường, giấy phép xả nước thải vào nguồn nước...) trước khi đi vào hoạt động.
- ✓ Duy trì hiệu quả hệ thống quản lý tích hợp về ATSKMT theo tiêu chuẩn ISO 9001:2015, ISO 14001:2015 và ISO 45001:2018

Trong năm 2020, Tổng Công ty không bị phạt do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường.

6. Báo cáo các vấn đề về xã hội

6.1. Việc làm



Tổng số CBNV PVOIL tính đến ngày 31/12/2020

5.599 người



Tiền lương bình quân tháng của Người lao động

12,71 triệu đồng



Các khoản phúc lợi

- ✓ Thăm quan, nghỉ mát
- ✓ Tổ chức ăn ca, sinh nhật
- ✓ Văn hóa, văn nghệ, thể thao...

Đối với lao động thời vụ: Tổng công ty và các đơn vị thành viên thỏa thuận chi trả tiền lương và chế độ chính sách khác theo hợp đồng lao động; đảm bảo mức tiền lương trả cho người lao động không thấp hơn mức lương tối thiểu vùng nơi người lao động làm việc.



Không phân biệt đối xử

PVOIL cam kết không phân biệt đối xử trên cơ sở chủng tộc, màu da, giới tính, tôn giáo, quan điểm chính trị, nguồn gốc quốc gia hoặc xuất thân xã hội. Trong năm 2019 không có vụ việc phân biệt đối xử xảy ra tại PVOIL



Không sử dụng lao động trẻ em và lao động cưỡng bức

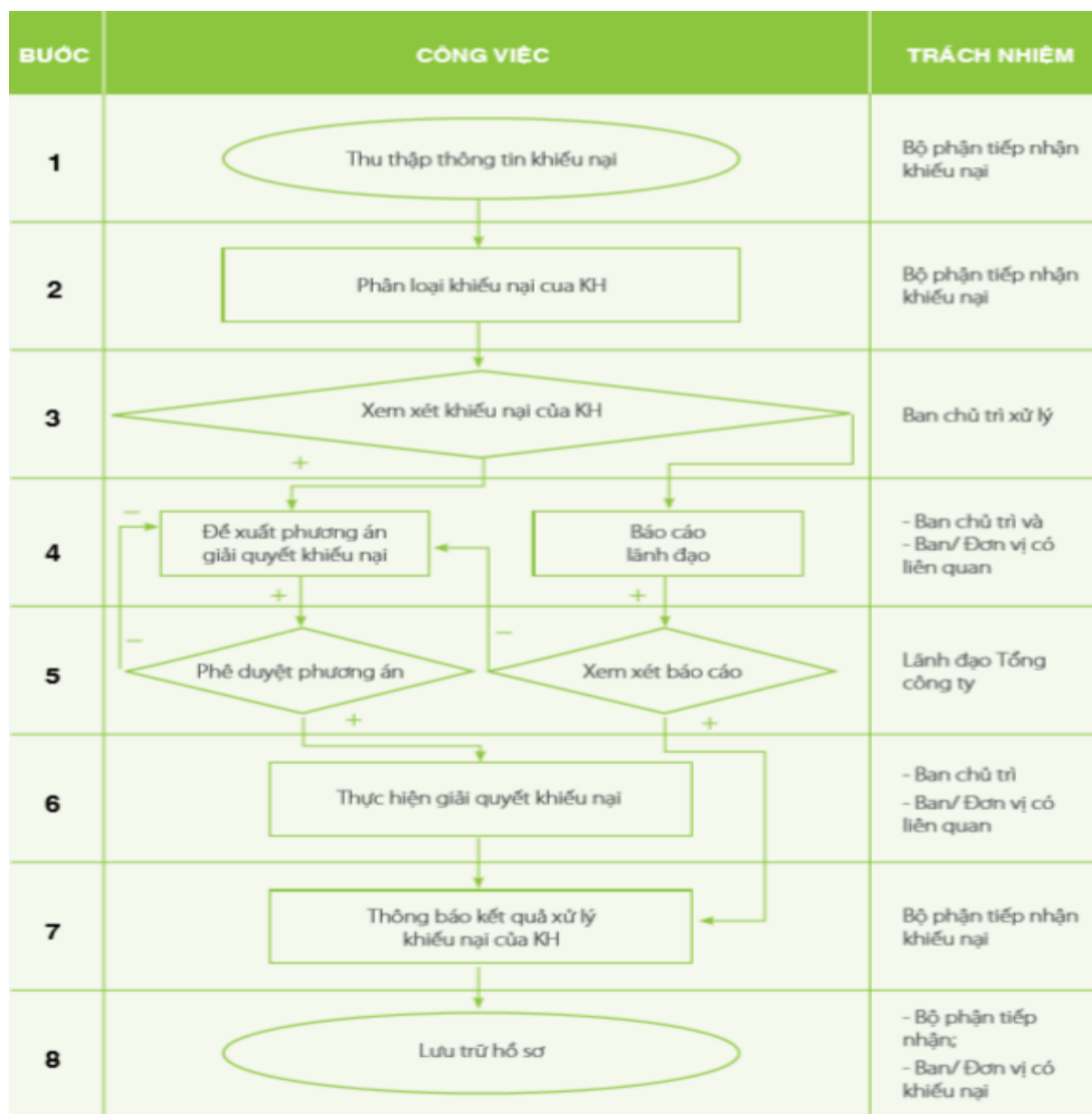
PVOIL cam kết không sử dụng lao động trẻ em và lao động cưỡng bức, sử dụng đúng theo độ tuổi pháp luật quy định

6.2. Trách nhiệm sản phẩm, dịch vụ

PVOIL cung cấp đầy đủ thông tin về sản phẩm, dịch vụ cho khách hàng, người tiêu dùng biết thông qua các kênh thông tin như: Website, Facebook, pano quảng cáo, PVOIL cũng thực hiện giới thiệu dịch vụ mới qua báo chí và các cuộc hội thảo.

Bên cạnh đó PVOIL cũng duy trì các đường dây nóng để tiếp nhận thông tin phản hồi của khách hàng tại tất cả các CHXD và Kho xăng dầu trong toàn hệ thống.

QUY TRÌNH XỬ LÝ KHIẾU NẠI



Khách hàng có thể góp ý, khiếu nại thông qua các hình thức sau:

 Gửi thư tới địa chỉ: **Tổng công ty Dầu Việt Nam - Tầng 14-18 Toà nhà PetroVietnam, số 1-5 Lê Duẩn, phường Bến Nghé, Quận 1, thành phố Hồ Chí Minh**

 Gửi email tới địa chỉ: **contact@pvoil.com.vn**

 Gọi điện tới số: **(84 - 28) 39119333**

 Phản ánh, khiếu nại của khách hàng tại các kho xăng dầu:

 **0988.43.17.17**: tiếp nhận thông tin phản ánh/ khiếu nại của khách hàng tại các kho xăng dầu từ khu vực Thừa Thiên Huế (kho Chân Mây) trở ra phía Bắc;

 **0988.21.17.17**: tiếp nhận thông tin phản ánh/ khiếu nại của khách hàng tại các kho xăng dầu từ khu vực Đà Nẵng (kho Liên Chiểu) trở vào phía Nam;

 **08.96618800** Hỗ trợ PVOIL Easy trên toàn quốc

6.3. Trách nhiệm đối với cộng đồng

PVOIL nhận thức đầy đủ trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp và mong muốn góp phần xây dựng một xã hội tốt đẹp hơn, nhân ái hơn. Trong năm 2020, mặc dù sản xuất kinh doanh vô cùng khó khăn, PVOIL vẫn nỗ lực để duy trì các chương trình xã hội từ thiện mang tính truyền thống từ nhiều năm qua. Bên cạnh đó, đẩy mạnh các hoạt động ý nghĩa thiết thực nhằm chung tay với cộng đồng chia sẻ khó khăn khi đại dịch Covid – 19 bùng phát và thiên tai bão lụt tàn phá Miền Trung. Tổng chi phí tài trợ từ thiện trong năm là 11 tỷ đồng với các hoạt động cụ thể như sau:

- ✚ Tài trợ quỹ học bổng “Thắp sáng niềm tin” dành cho học sinh nghèo vượt khó;
- ✚ Tài trợ xây dựng trường mầm non xã Hồng Phong, huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương và Trường Cương Gián, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh.
- ✚ Chu cấp và phụng dưỡng và thăm hỏi và tặng quà các dịp lễ tết cho 75 Mẹ Việt Nam anh hùng, Mẹ Liệt sỹ tại huyện Củ Chi;
- ✚ Tổ chức chương trình “Cùng PVOIL về quê đón Tết” xuân Canh Tý năm 2020, tặng hơn 1300 vé xe, ăn uống dọc hành trình cho các bạn sinh viên có hoàn cảnh khó khăn của 05 trường đại học tại Thành phố Hồ Chí Minh và Hà Nội về quê đón tết.
- ✚ Tặng quà Trung tâm nuôi dưỡng trẻ mồ côi Thiên Phước, Thăm và tặng quà cho Người dân và Trường học ở Huyện Hoàng Su Phì, Hà Giang.
- ✚ Chương trình “đổ xăng miễn phí” cho các xe chở hàng cứu trợ đồng bào Miền Trung; ủng hộ từ thiện cho đồng bào miền trung và các CBCNV của PVOIL ở khu vực Miền Trung bị thiên tai lũ lụt.
- ✚ Chương trình “khẩu trang miễn phí”, “cây ATM gạo”, hỗ trợ nông dân Ninh Thuận, Hải Dương tiêu thụ nông sản ... là các hoạt động thiết thực của PVOIL trong năm 2020 nhằm chia sẻ với cộng đồng ứng phó với đại dịch Covid – 19.

PHẦN VII - BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT NĂM 2020

TỔNG CÔNG TY DẦU VIỆT NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN

(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2020

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	49 - 50
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	51 - 53
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	54 - 57
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	58
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	59 - 60
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	61 - 109

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Dầu Việt Nam - Công ty Cổ phần (gọi tắt là “Tổng Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đã điều hành Tổng Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Cao Hoài Dương	Chủ tịch (bổ nhiệm ngày 23 tháng 9 năm 2020)
Ông Nguyễn Hoàng Tuấn	Chủ tịch (từ nhiệm ngày 16 tháng 7 năm 2020)
Ông Đoàn Văn Nhuộm	Thành viên (bổ nhiệm ngày 26 tháng 01 năm 2021)
Ông Nguyễn Mậu Dũng	Thành viên (bổ nhiệm ngày 26 tháng 01 năm 2021)
Ông Lê Văn Nghĩa	Thành viên
Ông Hạng Anh Minh	Thành viên
Ông Lê Ngọc Quang	Thành viên
Ông Trần Hoài Nam	Thành viên
Ông Nguyễn Việt Thắng	Thành viên (miễn nhiệm ngày 06 tháng 5 năm 2020)

Ban Tổng Giám đốc

Ông Đoàn Văn Nhuộm	Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 23 tháng 9 năm 2020)
Ông Cao Hoài Dương	Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 23 tháng 9 năm 2020)
Ông Lê Xuân Trình	Phó Tổng Giám đốc
Ông Võ Khánh Hưng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Vũ Hoài Lam	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Tuấn Tú	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Anh Toàn	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Đăng Trình	Phó Tổng Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng

12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tổng Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Tổng Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Tổng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Đoàn Văn Nhuộm
Tổng Giám đốc

Ngày 16 tháng 3 năm 2021

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Các cổ đông**
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Tổng Công ty Dầu Việt Nam - Công ty Cổ phần

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Tổng Công ty Dầu Việt Nam - Công ty Cổ phần (gọi tắt là "Tổng Công ty"), được lập ngày 16 tháng 3 năm 2021, từ trang 6 đến trang 62 bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Như trình bày tại Thuyết minh số 08 phần Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, Tổng Công ty đang ghi nhận phải thu khác từ Tập đoàn Dầu khí Việt Nam liên quan đến khoản lỗ lũy kế đến ngày 18 tháng 5 năm 2011 - là thời điểm Tổng Công ty Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư (“PETEC” - Công ty con của Tổng Công ty) chính thức chuyển sang loại hình công ty cổ phần với số tiền là 169.785.513.359 đồng. Khoản phải thu này phát sinh từ việc xác định phần vốn Nhà nước tại PETEC tại ngày 18 tháng 5 năm 2011 nhưng chưa được Tập đoàn Dầu khí Việt Nam và các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền phê duyệt quyết toán. Chúng tôi không thể thu thập đầy đủ thông tin về giá trị quyết toán và khoản chênh lệch (nếu có) so với giá trị ghi nhận trên khoản mục phải thu khác này tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, dẫn đến việc chúng tôi đã đưa ý kiến kiểm toán ngoại trừ về báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày. Chúng tôi cũng không thể thu thập đầy đủ các thông tin này tại ngày 31 tháng 12 năm 2020. Do đó, chúng tôi không thể xác định được liệu có cần thiết phải điều chỉnh số liệu này trên báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty hay không.

Như trình bày tại Thuyết minh số 15 phần Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, nguyên giá tài sản cố định vô hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 và ngày 31 tháng 12 năm 2019 bao gồm giá trị của các lô đất của Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Sài Gòn (PVOIL Sài Gòn - Công ty con của Tổng Công ty) chưa được cấp hoặc sang tên và chưa gia hạn chứng nhận quyền sử dụng đất cho PVOIL Sài Gòn với tổng số tiền là 29.702.935.030 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2019: 32.415.453.930 đồng). Chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp về quyền sử dụng và thời gian sử dụng các lô đất này tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, dẫn đến việc chúng tôi đã đưa ý kiến kiểm toán ngoại trừ về báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày. Chúng tôi cũng không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp về quyền sử dụng và thời gian sử dụng các lô đất này tại ngày 31 tháng 12 năm 2020. Do đó, chúng tôi không thể xác định được liệu có cần thiết phải điều chỉnh số liệu này trên báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty hay không.

Như trình bày tại Thuyết minh số 18 phần Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, giá trị khoản đầu tư của Tổng Công ty vào Công ty Cổ phần Hóa dầu và Nhiên liệu Sinh học Dầu khí (công ty liên kết của Tổng Công ty) được phản ánh theo phương pháp vốn chủ sở hữu trên báo cáo tài chính hợp nhất với giá trị là 273.373.642.647 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2019: 279.094.330.000 đồng). Chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán về những thay đổi trong phần vốn góp của Tổng Công ty vào tài sản thuần của Công ty Cổ phần Hóa dầu và Nhiên liệu Sinh học Dầu khí sau ngày mua khoản đầu tư đến ngày 31 tháng 12 năm 2019, dẫn đến việc chúng tôi đã đưa ra ý kiến kiểm toán ngoại trừ về báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày. Chúng tôi cũng không thể thu thập đầy đủ các thông tin về những thay đổi trong phần vốn góp của Tổng Công ty vào tài sản thuần của Công ty Cổ phần Hóa dầu và Nhiên liệu Sinh học Dầu khí sau ngày mua khoản đầu tư đến ngày 31 tháng 12 năm 2020. Do đó, chúng tôi không thể xác định được liệu có cần thiết phải điều chỉnh số liệu này trên báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty hay không.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ

hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Các vấn đề cần nhấn mạnh

- Như trình bày tại Thuyết minh số 01 phần Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Tổng Công ty ghi nhận và phản ánh trên báo cáo tài chính riêng khoản góp vốn cổ phần vào PETEC lớn hơn giá trị PETEC đang theo dõi và hạch toán với số tiền 111.225.298.544 đồng. Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty tin tưởng rằng khoản chênh lệch này sẽ được xử lý khi PETEC thực hiện xong công tác quyết toán cổ phần hóa. Theo đó, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đã quyết định điều chỉnh tăng vốn điều lệ tại công ty con để loại trừ khoản chênh lệch này trước khi thực hiện hợp nhất báo cáo tài chính của Tổng Công ty.
- Như trình bày tại Thuyết minh số 02 phần Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo chưa bao gồm các điều chỉnh (nếu có) liên quan đến việc quyết toán công tác cổ phần hóa Công ty mẹ do Tổng Công ty chưa có biên bản phê duyệt quyết toán cổ phần hóa tại ngày Công ty mẹ chính thức chuyển thành công ty cổ phần.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi không liên quan đến các vấn đề này.



Đặng Chí Dũng

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0030-2018-001-1

CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 16 tháng 3 năm 2021

Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Lê Anh Sơn

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 1961-2018-001-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

MẪU SỐ B 01-DN/HN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm (Trình bày lại)
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		16.345.161.515.226	20.105.969.215.403
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	3.533.617.033.987	2.966.080.861.563
1. Tiền	111		2.506.279.063.350	2.100.070.628.763
2. Các khoản tương đương tiền	112		1.027.337.970.637	866.010.232.800
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	6	5.922.370.447.571	5.377.299.557.586
1. Chứng khoán kinh doanh	121		797.639.327	2.557.828.520
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		(5.924.643)	(1.293.840.332)
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		5.921.578.732.887	5.376.035.569.398
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		4.905.841.222.375	9.151.675.065.060
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	3.158.877.153.148	5.436.207.448.462
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		72.463.593.521	148.745.828.930
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	8	2.518.238.608.319	4.412.379.856.779
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(848.829.267.132)	(847.526.964.938)
5. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		5.091.134.519	1.868.895.827
IV. Hàng tồn kho	140	10	1.827.498.080.478	2.445.158.339.762
1. Hàng tồn kho	141		1.829.246.905.712	2.445.182.775.532
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(1.748.825.234)	(24.435.770)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		155.834.730.815	165.755.391.432
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	11	30.318.851.456	56.414.797.106
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152	12	65.983.568.556	50.058.694.608
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	13	59.532.310.803	59.281.899.718

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm (Trình bày lại)
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		5.729.802.091.425	6.375.049.413.737
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		28.876.237.293	39.254.778.240
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211	7	24.336.321.374	27.332.619.754
2. Phải thu dài hạn khác	216	8	28.876.237.293	39.254.778.240
3. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		(24.336.321.374)	(27.332.619.754)
II. Tài sản cố định	220		3.737.198.323.785	4.158.796.472.530
1. Tài sản cố định hữu hình	221	14	2.208.851.860.179	2.561.271.984.824
- Nguyên giá	222		6.273.653.973.208	6.353.355.842.390
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(4.064.802.113.029)	(3.792.083.857.566)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	105.403.712
- Nguyên giá	225		-	685.759.091
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	(580.355.379)
3. Tài sản cố định vô hình	227	15	1.528.346.463.606	1.597.419.083.994
- Nguyên giá	228		1.767.219.662.077	1.809.664.226.541
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(238.873.198.471)	(212.245.142.547)
III. Bất động sản đầu tư	230	16	112.566.434.533	116.533.607.749
- Nguyên giá	231		139.372.662.434	139.372.662.434
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(26.806.227.901)	(22.839.054.685)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		250.367.643.699	309.608.883.392
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		585.993.545	585.993.545
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	17	249.781.650.154	309.022.889.847
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		753.953.944.811	786.208.112.186
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	18	707.597.992.068	725.389.579.546
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	19	71.463.046.290	86.639.403.530
3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	19	(25.107.093.547)	(25.820.870.890)
VI. Tài sản dài hạn khác	260		846.839.507.304	964.647.559.640
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	11	837.732.576.309	934.374.529.865
2. Lợi thế thương mại	269	20	9.106.930.995	30.273.029.775
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		22.074.963.606.651	26.481.018.629.140

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm (Trình bày lại)
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		11.509.108.571.735	15.635.793.087.308
I. Nợ ngắn hạn	310		11.228.091.311.624	15.302.858.793.483
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	21	2.396.352.602.232	4.893.809.849.316
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		40.307.498.393	43.303.099.887
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	13	734.545.326.327	761.390.391.471
4. Phải trả người lao động	314		101.081.963.984	107.005.424.584
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	22	134.865.125.023	32.530.979.757
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		1.623.783.506	1.235.851.051
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	23	3.316.051.837.211	4.876.612.995.336
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	24	4.001.002.454.973	4.710.435.278.871
9. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	25	27.302.545.880	25.372.448.284
10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		35.995.874.659	49.740.894.061
11. Quỹ bình ổn giá	323	26	438.962.299.436	(198.578.419.135)
II. Nợ dài hạn	330		281.017.260.111	332.934.293.825
1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		13.683.370.297	6.708.456.993
2. Phải trả dài hạn khác	337		29.730.436.676	19.227.342.652
3. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	27	93.667.086.745	193.635.717.712
4. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	28	140.206.299.008	108.362.776.468
5. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		3.730.067.385	5.000.000.000

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm (Trình bày lại)
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		10.565.855.034.916	10.845.225.541.832
I. Vốn chủ sở hữu	410	29	10.565.855.034.916	10.845.225.541.832
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		10.342.295.000.000	10.342.295.000.000
2. Vốn khác của chủ sở hữu	414		(1.782.841.473)	(1.782.841.473)
3. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		(167.017.350.614)	(167.017.350.614)
4. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		10.658.454.084	8.604.488.811
5. Quỹ đầu tư phát triển	418		206.532.733.644	199.418.329.107
6. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		(10.231.885.928)	(10.231.793.325)
7. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(898.817.340.742)	(750.642.854.533)
- (Lỗ) lũy kế đến cuối năm trước	421a		(786.624.745.793)	(966.201.631.851)
- (Lỗ)/Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		(112.192.594.949)	215.558.777.318
8. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		5.959.092.576	5.959.092.576
9. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	429	30	1.078.259.173.369	1.218.623.471.283
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		22.074.963.606.651	26.481.018.629.140

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này



Phùng Tố Vân
Người lập biểu



Nguyễn Ngọc Ninh
Kế toán trưởng



Đoàn Văn Nhuận
Tổng Giám đốc

Ngày 16 tháng 3 năm 2021

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Mẫu số B 01-DN/HN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số Thuyết minh		Năm nay	Năm trước (Trình bày lại)
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	33	50.033.857.003.272	79.873.518.116.149
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	33	5.569.496.714	11.064.081.083
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	33	50.028.287.506.558	79.862.454.035.066
4. Giá vốn hàng bán	11	34	48.070.683.274.369	77.088.387.917.689
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		1.957.604.232.189	2.774.066.117.377
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	36	451.700.305.452	373.013.735.159
7. Chi phí tài chính	22	37	210.772.353.351	285.052.779.532
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		146.206.620.298	195.607.788.484
8. Phần lỗ trong công ty liên kết, liên doanh	24	18	(7.775.961.338)	(14.177.320.810)
9. Chi phí bán hàng	25	38	1.606.741.748.359	1.689.008.524.759
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	38	721.381.472.971	810.423.323.924
11. (Lỗ)/Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(25-24+26))	30		(137.366.998.378)	348.417.903.511
12. Thu nhập khác	31	39	60.899.648.340	66.486.320.235
13. Chi phí khác	32	39	34.417.619.860	18.797.904.800
14. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40	39	26.482.028.480	47.688.415.435
15. Tổng (lỗ)/lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		(110.884.969.898)	396.106.318.946
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	40	23.390.818.229	66.325.835.437
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	28	31.843.522.540	4.559.862.557
18. (Lỗ)/Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		(166.119.310.667)	325.220.620.952
Trong đó:				
18.1 (Lỗ)/Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ	61		(112.192.594.949)	214.598.704.682
18.2. (Lỗ)/Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		(53.926.715.718)	110.621.916.270
19. (Lỗ)/Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	41	(108)	184


Phùng Tố Vân
Người lập biểu


Nguyễn Ngọc Ninh
Kế toán trưởng


Đoàn Văn Nhuộm
Tổng Giám đốc

Ngày 16 tháng 3 năm 2021

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

MẪU SỐ B 03-DN/HN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại)
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. (Lỗ)/Lợi nhuận trước thuế	01	(110.884.969.898)	396.106.318.946
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	377.936.450.533	381.455.715.596
Các khoản dự phòng	03	(41.202.158)	(63.595.137.593)
(Lãi)/Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	(10.334.623.807)	13.376.408.438
(Lãi) từ hoạt động đầu tư	05	(455.386.429.780)	(299.689.369.366)
Chi phí lãi vay	06	146.206.620.298	195.607.788.484
Các khoản điều chỉnh khác (i)	07	637.105.029.742	(230.716.331.182)
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	584.600.874.930	392.545.393.323
Giảm/(tăng) các khoản phải thu	09	3.770.923.540.909	(441.982.339.108)
Giảm/(tăng) hàng tồn kho	10	615.935.869.820	(743.784.109.179)
(Giảm)/tăng các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(3.647.987.605.805)	592.124.646.156
Giảm chi phí trả trước	12	136.108.875.497	61.364.075.250
Giảm chứng khoán kinh doanh	13	1.760.189.193	-
Tiền lãi vay đã trả	14	(149.991.171.118)	(198.693.077.119)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(28.755.688.136)	(68.050.188.228)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	435.688.829	38.005.834
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(36.933.479.904)	(983.505.674.213)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	1.246.097.094.215	(1.389.943.267.284)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(81.978.035.355)	(213.396.140.413)
2. Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	8.490.287.396	22.392.822.894
3. Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	(10.362.042.897.584)	(8.934.379.329.394)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	9.825.549.734.095	7.782.379.329.394
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	(2.344.742.915)
6. Tiền thu hồi đầu tư vốn vào đơn vị khác	26	76.730.000.000	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	378.066.074.963	346.403.387.977
8. Tiền giảm do chuyển PVOil Ninh Bình thành công ty liên kết (ii)		(9.091.196.603)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(164.276.033.088)	(998.944.672.457)

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ đi vay	33	16.944.813.720.161	21.811.091.921.321
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(17.468.222.693.286)	(19.657.394.222.714)
3. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35	-	(116.801.601)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(523.408.973.125)	2.153.580.897.006
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	558.412.088.002	(235.307.042.735)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	2.966.080.861.563	3.215.523.791.104
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	9.124.084.422	(14.135.886.806)
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60+61)	70	3.533.617.033.987	2.966.080.861.563

- (i) Bao gồm chênh lệch giữa số trích lập với số sử dụng Quỹ Bình ổn giá và lãi tính trên số dư âm Quỹ Bình ổn giá với số tiền lần lượt là 1.136.409.785.318 đồng và 499.304.755.576 đồng.
- (ii) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Tổng Công ty đã ghi nhận khoản đầu tư vào PVOil Ninh Bình là khoản đầu tư vào công ty liên kết như trình bày tại Thuyết minh số 01 phần Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất. Theo đó, một khoản tiền tương ứng tại PVOil Ninh Bình đã được ghi giảm trên Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty.

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này


Phùng Tố Vân
Người lập biểu


Nguyễn Ngọc Ninh
Kế toán trưởng


Đoàn Văn Nhuộm
Tổng Giám đốc

Ngày 16 tháng 3 năm 2021

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty Dầu Việt Nam - Công ty Cổ phần (gọi tắt là “Tổng Công ty” hoặc “PVOIL”), trước đây là Tổng Công ty Dầu Việt Nam - Công ty TNHH Một thành viên, là đơn vị thành viên hạch toán độc lập thuộc Tập đoàn Dầu khí Việt Nam. Theo Quyết định số 1250/QĐ-DKVN ngày 06 tháng 6 năm 2008 của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam, Tổng Công ty Dầu Việt Nam – Công ty TNHH Một thành viên được thành lập trên cơ sở hợp nhất Tổng Công ty TNHH Một thành viên Thương mại Dầu khí và Công ty TNHH Một thành viên Chế biến và Kinh doanh Sản phẩm Dầu mỏ.

Tổng Công ty Dầu Việt Nam – Công ty TNHH Một thành viên được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4104005189 ngày 26 tháng 6 năm 2008 và thay đổi lần thứ 16 ngày 16 tháng 01 năm 2016. Tổng Công ty Dầu Việt Nam – Công ty TNHH Một thành viên chính thức đi vào hoạt động từ ngày 01 tháng 7 năm 2008 với vốn điều lệ là 7.220.000.000.000 đồng. Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 16 ngày 16 tháng 01 năm 2016, vốn điều lệ điều chỉnh của Tổng Công ty Dầu Việt Nam – Công ty TNHH Một thành viên là 10.884.251.000.000 đồng.

Từ ngày 01 tháng 8 năm 2018, Tổng Công ty Dầu Việt Nam – Công ty TNHH Một thành viên chính thức chuyển đổi mô hình hoạt động sang công ty cổ phần với tên gọi là Tổng Công ty Dầu Việt Nam – Công ty Cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 17 ngày 01 tháng 8 năm 2018. Vốn điều lệ của Tổng Công ty sau khi chuyển thành công ty cổ phần là 10.342.295.000.000 đồng.

Cổ phiếu của Tổng Công ty được chấp thuận giao dịch trên Thị trường công ty đại chúng chưa niêm yết (“UPCoM”) vào ngày 07 tháng 3 năm 2018 với mã chứng khoán là OIL.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, tổng số nhân viên tại Tổng Công ty (không bao gồm các công ty con) là 685 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2019: 700 người).

Hoạt động chính

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty mẹ Tổng Công ty là xuất nhập khẩu và kinh doanh dầu thô trong và ngoài nước; Xuất nhập khẩu và kinh doanh sản phẩm dầu trong và ngoài nước; Xuất nhập khẩu thiết bị, vật tư máy móc và dịch vụ thương mại; Sản xuất sản phẩm dầu; Xây dựng các hệ thống bồn chứa, phân phối và kinh doanh sản phẩm dầu; Xuất nhập khẩu sản phẩm dầu và các sản phẩm có nguồn gốc từ dầu, hóa chất, vật tư, thiết bị và phương tiện phục vụ công tác chế biến và kinh doanh sản phẩm dầu; Kinh doanh vật tư thiết bị hóa chất trong lĩnh vực chế biến sản phẩm dầu; Môi giới và cung ứng tàu biển; Kinh doanh khách sạn, du lịch (không kinh doanh khách sạn tại trụ sở); Dịch vụ cho thuê xe bồn, bể chứa xăng dầu và kho bãi; Mua bán phân bón, các sản phẩm hóa dầu. Dịch vụ lấy mẫu, phân tích và thử nghiệm mẫu xăng dầu.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Tổng Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Cấu trúc doanh nghiệp

Tổng Công ty gồm Công ty mẹ và 29 công ty con. Danh sách các công ty con như sau:

Tên công ty con	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ (%)	Hoạt động chính
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Nam Định	Nam Định	56,75%	56,75%	Mua bán, kinh doanh các sản phẩm dầu mỏ. Đại lý bán buôn, bán lẻ xăng dầu. Kinh doanh nhiên liệu sinh học.
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Tây Ninh	Tây Ninh	78,62%	78,62%	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan. Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. Vận tải hàng hoá đường thuỷ nội địa.
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Cái Lân	Quảng Ninh	80,19%	80,19%	Kho bãi và lưu giữ hàng hoá. Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan. Vận tải hàng hoá và đường bộ và thuỷ.
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Phú Yên	Phú Yên	67,13%	67,13%	Mua bán xăng dầu và các sản phẩm liên quan; mua bán khí đốt; vận tải hàng hoá.
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Phú Thọ	Phú Thọ	71,68%	71,68%	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan. Vận chuyển các sản phẩm dầu khí.
Công ty TNHH MTV Kinh doanh dầu Quốc tế Singapore	Singapore	51,00%	51,00%	Mua bán, kinh doanh các loại dầu thô và các sản phẩm dầu trên thị trường quốc tế. Tham gia mua bán và cung cấp dầu thô tại Việt Nam.
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí PV Oil Miền Trung	Quảng Ngãi	71,43%	71,43%	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan. Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. Vận tải hàng hoá đường thuỷ nội địa.
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí PV Oil Hải Phòng	Hải Phòng	72,00%	72,00%	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan. Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. Vận tải hàng hoá đường thuỷ nội địa.
Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Dầu khí Việt Nam	Tp. Hồ Chí Minh	71,00%	71,00%	Vận tải hàng hoá đường bộ. Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí. Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh.
Công ty Cổ phần Thương mại Du lịch Xăng dầu Dầu khí Hà Giang	Hà Giang	80,37%	80,37%	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan. Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. Vận tải hàng hoá đường thuỷ nội địa.
Công ty Cổ phần Thương mại Xuất nhập khẩu Thủ Đức	Tp. Hồ Chí Minh	51,01%	51,01%	Kinh doanh xăng, dầu, mỡ, nhớt. Kinh doanh vận tải xăng dầu. Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác. Kinh doanh sắt thép, vật liệu xây dựng.
Tổng Công ty Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư (PETEC) - CTCP (i)	Tp. Hồ Chí Minh	94,78%	95,09%	Xuất nhập khẩu, tổ chức kênh bán buôn xăng dầu; chi tiết xuất nhập khẩu thiết bị toàn bộ, máy móc và thiết bị lẻ; xuất nhập khẩu phân bón; cung cấp dịch vụ hàng hải.
Công ty cổ phần Xăng dầu Dầu khí Campuchia	Campuchia	51,00%	51,00%	Đang trong quá trình thành lập
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Thừa Thiên Huế	Thừa Thiên Huế	74,67%	74,67%	Bán buôn xăng dầu và các sản phẩm có liên quan.

- (i) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Tổng Công ty ghi nhận và phản ánh trên báo cáo tài chính riêng của Công ty mẹ - Tổng Công ty khoản góp vốn cổ phần vào PETEC lớn hơn giá trị PETEC đang theo dõi và hạch toán với số tiền 111.225.298.544 đồng. Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty tin tưởng rằng khoản chênh lệch này sẽ được xử lý khi PETEC thực hiện xong công tác quyết toán cổ phần hóa. Theo đó, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đã quyết định điều chỉnh tăng vốn điều lệ tại công ty con để loại trừ khoản chênh lệch này trước khi thực hiện hợp nhất báo cáo tài chính của Tổng Công ty

Danh sách các công ty liên doanh sở hữu trực tiếp:

Tên công ty liên doanh	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ sở hữu %	Hoạt động chính
Công ty TNHH Kho ngầm Xăng dầu Dầu khí Việt Nam	Bà Rịa - Vũng Tàu	19.00%	Đầu tư xây dựng kho ngầm chứa xăng dầu
Công ty Liên doanh Hóa chất LG-Vina	Đồng Nai	15.00%	Sản xuất và kinh doanh dầu hoá dẻo DOP
Công ty Cổ phần Nhiên liệu Sinh học Phương Đông	Bình Phước	30.20%	Sản xuất kinh doanh nhiên liệu sinh học

Danh sách các công ty liên kết sở hữu trực tiếp:

Tên công ty liên kết	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)	Hoạt động chính
Công ty Cổ phần Hóa dầu và Nhiên liệu Sinh học Dầu khí	Hà Nội	39,76%	39,76%	Sản xuất, kinh doanh nhiên liệu sinh học
Công ty Cổ phần Thương mại Dầu khí (Petechim)	Tp. Hồ Chí Minh	29,00%	29,00%	Mua bán thiết bị, phụ tùng, vật tư, hóa chất ngành dầu khí
Công ty Cổ phần Vật tư Xăng dầu Comeco	Tp. Hồ Chí Minh	44,87%	44,94%	Xuất nhập khẩu xăng dầu, vận chuyển hàng hóa
Công ty Cổ phần Thương mại Thạch Hãn	Quảng Trị	45,00%	45,00%	Kinh doanh xăng dầu, công nghệ phẩm, nông sản, thực phẩm,...
Công ty Cổ phần Hóa dầu và Nhiên liệu Sinh học Dầu khí Miền Trung	Quảng Ngãi	34,28%	34,28%	Sản xuất, kinh doanh nhiên liệu sinh học
Công ty Cổ phần Điều Phú Yên	Phú Yên	47,79%	47,79%	Sản xuất, chế biến hàng nông sản xuất khẩu,...
Công ty Cổ phần Thương nghiệp Cà Mau	Cà Mau	24,48%	24,70%	Kinh doanh xăng dầu, công nghệ phẩm, nông sản, thực phẩm,...
Công ty Cổ phần Dầu khí Dương Đông Kiên Giang	Kiên Giang	33,96%	33,96%	Kinh doanh xăng dầu, xi măng
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Ninh Bình (*)	Ninh Bình	20,26%	33.33.%	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan. Chuẩn bị mặt bằng. Kho bãi và lưu giữ hàng hoá. Vận tải hàng hoá ven biển và viễn dương.

Tỷ lệ sở hữu của Tổng Công ty tại Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Ninh Bình (“PVOil Ninh Bình”) là 20,26%. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, PVOil Ninh Bình là công ty con do Tổng Công ty có đa số thành viên trong Hội đồng Quản trị (2 trên 3 thành viên Hội đồng Quản trị là nhân sự của Tổng Công ty, tương ứng tỷ lệ biểu quyết là 66,67%) theo Nghị quyết Đại Hội đồng cổ đông số 193/NQ-ĐHCD ngày 24 tháng 4 năm 2018 của PVOil Ninh Bình. Theo Nghị quyết Đại Hội đồng cổ đông số 309/NQ-ĐHCD ngày 14 tháng 5 năm 2020, Tổng Công ty có 1 trên 3 thành viên Hội đồng Quản trị tương ứng tỷ lệ biểu quyết là 33,33%. Theo đó, tại ngày

31 tháng 12 năm 2020, Tổng Công ty ghi nhận khoản đầu tư vào PVOil Ninh Bình là khoản đầu tư vào công ty liên kết.

Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính hợp nhất

Số liệu so sánh là số liệu báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019. Một số số liệu năm trước đã được điều chỉnh hồi tố như trình bày tại Thuyết minh số 4.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Quyết toán cổ phần hóa

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 chưa bao gồm các điều chỉnh (nếu có) liên quan đến việc quyết toán cổ phần hóa Công ty mẹ - Tổng Công ty do Tổng Công ty chưa có biên bản phê duyệt quyết toán cổ phần hóa tại ngày Công ty mẹ - Tổng Công ty chính thức chuyển thành công ty cổ phần.

Năm tài chính

Năm tài chính của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Tổng Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính riêng của Công ty mẹ - Tổng Công ty và báo cáo tài chính của các công ty do Công ty mẹ kiểm soát (các công ty con) được lập cho đến ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty mẹ có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty mẹ và các công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư chủ yếu giữa Công ty mẹ với các công ty con và giữa các công ty con với nhau được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Hợp nhất kinh doanh

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông không kiểm soát trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Tổng Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của các công ty liên kết được hợp nhất trong báo cáo tài chính theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Tổng Công ty vào phần tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Tổng Công ty tại công ty liên kết đó (bao gồm bất kể các khoản góp vốn dài hạn mà về thực chất tạo thành đầu tư thuần của Tổng Công ty tại công ty liên kết đó) không được ghi nhận.

Trong trường hợp một công ty thành viên của Tổng Công ty thực hiện giao dịch với một công ty liên kết với Tổng Công ty, lãi/lỗ chưa thực hiện tương ứng với phần góp vốn của Tổng Công ty vào công ty liên kết được loại trừ khỏi báo cáo tài chính hợp nhất.

Góp vốn liên doanh

Các khoản góp vốn liên doanh là thỏa thuận trên cơ sở ký kết hợp đồng mà theo đó Tổng Công ty và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Cơ sở đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của đơn vị liên doanh phải có sự đồng thuận của các

bên đồng kiểm soát.

Trong trường hợp một công ty thành viên trực tiếp thực hiện hoạt động kinh doanh theo các thỏa thuận liên doanh, phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát và bất kỳ khoản nợ phải trả phát sinh chung phải gánh chịu cùng với các bên góp vốn liên doanh khác từ hoạt động của liên doanh được hạch toán vào báo cáo tài chính của công ty tương ứng và được phân loại theo bản chất của nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Các khoản công nợ và chi phí phát sinh có liên quan trực tiếp đến phần vốn góp trong phần tài sản đồng kiểm soát được hạch toán trên cơ sở dồn tích. Các khoản thu nhập từ việc bán hàng hoặc sử dụng phần sản phẩm được chia từ hoạt động của liên doanh và phần chi phí phát sinh phải gánh chịu được ghi nhận khi chắc chắn khoản lợi ích kinh tế có được từ các giao dịch này được chuyển tới hoặc chuyển ra khỏi Tổng Công ty và các khoản lợi ích kinh tế này có thể được xác định một cách đáng tin cậy.

Các thỏa thuận góp vốn liên doanh liên quan đến việc thành lập một cơ sở kinh doanh độc lập trong đó có các bên tham gia góp vốn liên doanh được gọi là cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát. Tổng Công ty lập báo cáo về các khoản lợi ích trong các cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

Bất kỳ lợi thế kinh doanh nào có được từ việc mua lại phần góp vốn của Tổng Công ty tại đơn vị góp vốn liên doanh đồng kiểm soát được kế toán phù hợp với chính sách kế toán của Tổng Công ty liên quan đến lợi thế thương mại có được từ việc mua công ty con.

Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại trên báo cáo tài chính hợp nhất là phần phụ trội giữa mức giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần lợi ích của Tổng Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con, công ty liên kết, hoặc đơn vị góp vốn liên doanh tại ngày thực hiện nghiệp vụ đầu tư. Lợi thế thương mại được coi là một loại tài sản vô hình, được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của lợi thế kinh doanh trong vòng 10 năm.

Lợi thế kinh doanh có được từ việc mua công ty liên kết được tính vào giá trị ghi sổ của công ty liên kết. Lợi thế kinh doanh từ việc mua các công ty con được trình bày riêng như một loại tài sản có khác trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Khi bán công ty con, công ty liên kết hoặc đơn vị góp vốn liên doanh, giá trị còn lại của khoản lợi thế thương mại chưa khấu hao hết được hạch toán vào khoản lãi/lỗ do nghiệp vụ nhượng bán công ty tương ứng.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh là các khoản chứng khoán được Tổng Công ty nắm giữ với mục đích kinh doanh. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận bắt đầu từ ngày Tổng Công ty có quyền sở hữu và được xác định giá trị ban đầu theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán

tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo giá gốc trừ các khoản giảm giá chứng khoán kinh doanh.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Tổng Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Tổng Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư góp vốn nhưng Tổng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư. Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác là cổ phiếu niêm yết được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên. Giá gốc của

hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Tổng Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Tổng Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc năm tài chính.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hình thành do mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Đối với tài sản cố định hình thành do đầu tư xây dựng cơ bản theo phương thức giao thầu hoặc tự xây dựng và sản xuất, nguyên giá là giá quyết toán công trình xây dựng theo quy chế quản lý đầu tư và xây dựng hiện hành, các chi phí khác có liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ (nếu có). Trường hợp dự án đã hoàn thành và đưa vào sử dụng nhưng quyết toán chưa được phê duyệt, nguyên giá tài sản cố định được ghi nhận theo giá tạm tính trên cơ sở chi phí thực tế đã bỏ ra để có được tài sản cố định. Nguyên giá tạm tính sẽ được điều chỉnh theo giá quyết toán được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính cụ thể như sau:

	Số năm
Nhà xưởng và vật kiến trúc	5 - 50
Máy móc và thiết bị	3 - 20
Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	6 - 20
Thiết bị quản lý	3 - 10
Tài sản cố định hữu hình khác	4 - 25

Các tài sản cố định hữu hình của Công ty mẹ - Tổng Công ty được đánh giá lại khi thực hiện cổ phần hóa. Nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được điều chỉnh theo kết quả đánh giá lại đã được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt theo quy định.

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Thuê tài sản

Một khoản thuê được xem là thuê tài chính khi phần lớn các quyền lợi và rủi ro về quyền sở hữu tài sản được chuyển sang cho người đi thuê. Tất cả các khoản thuê khác được xem là thuê hoạt động.

Tổng Công ty ghi nhận tài sản thuê tài chính là tài sản của Tổng Công ty theo giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản hoặc theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu, nếu giá trị này thấp hơn. Nợ phải trả bên cho thuê tương ứng được ghi nhận trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất như một khoản nợ phải trả về thuê tài chính. Các khoản thanh toán tiền thuê được chia thành chi phí tài chính và khoản phải trả nợ gốc nhằm đảm bảo tỷ lệ lãi suất định kỳ cố định trên số dư nợ còn lại. Chi phí thuê tài chính được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh, trừ khi các chi phí này trực tiếp hình thành nên tài sản đi thuê, trong trường hợp đó sẽ được vốn hóa theo chính sách kế toán của Tổng Công ty về chi phí đi vay (xem trình bày dưới đây).

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê. Các khoản tiền nhận được hoặc phải thu nhằm tạo điều kiện ký kết hợp đồng thuê hoạt động cũng được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

Các tài sản đi thuê tài chính được khấu hao trên thời gian hữu dụng ước tính tương tự như áp dụng với tài sản thuộc sở hữu của Tổng Công ty. Tuy nhiên, nếu không chắc chắn là bên thuê sẽ có quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê thì tài sản thuê sẽ được khấu hao theo thời gian ngắn hơn giữa thời hạn thuê hoặc thời gian sử dụng hữu ích của tài sản đó, cụ thể như sau:

	Số năm
Phương tiện vận tải	5 - 7

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình thể hiện quyền sử dụng đất, các phần mềm máy tính và các tài sản cố định vô hình khác được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Quyền sử dụng đất không có thời hạn không trích khấu hao. Quyền sử dụng đất có thời hạn được phân bổ theo thời hạn quy định trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 3 đến 5 năm.

Các tài sản cố định vô hình của Công ty mẹ - Tổng Công ty đã được đánh giá lại khi thực hiện cổ phần hóa. Nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được điều chỉnh theo kết quả đánh giá lại đã được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt theo quy định.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản lý hoặc cho các mục đích khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản bao gồm chi phí xây lắp, thiết bị, chi phí khác có liên quan phù hợp với

chính sách kế toán của Tổng Công ty. Các chi phí này sẽ được chuyển sang nguyên giá tài sản cố định theo giá tạm tính (nếu chưa có quyết toán được phê duyệt) khi các tài sản được bàn giao đưa vào sử dụng.

Theo quy định về quản lý đầu tư và xây dựng của Nhà nước, tùy theo phân cấp quản lý, giá trị quyết toán các công trình xây dựng cơ bản hoàn thành cần được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Do đó, giá trị cuối cùng của các công trình xây dựng cơ bản có thể thay đổi và phụ thuộc vào quyết toán được phê duyệt bởi các cơ quan có thẩm quyền.

Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư bao gồm quyền sử dụng đất và nhà xưởng, vật kiến trúc do Tổng Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư được mua bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp như phí dịch vụ tư vấn về luật pháp liên quan, thuế trước bạ và chi phí giao dịch liên quan khác. Bất động sản đầu tư được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính.

Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm giá trị tiền thuê đất, thuê văn phòng, giá trị lợi thế vị trí địa lý của một số cửa hàng xăng dầu, giá trị lợi thế kinh doanh phát sinh do xác định giá trị doanh nghiệp cho mục đích cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước theo biên bản xác định giá trị doanh nghiệp tại ngày 30 tháng 6 năm 2010 (bao gồm giá trị lợi thế vị trí địa lý của các lô đất đang thuê và giá trị thương hiệu) phát sinh tại PETEC - một công ty con của Tổng Công ty và các chi phí trả trước dài hạn khác. Ngoài ra, Tổng Công ty cũng theo dõi giá trị thương hiệu được ghi nhận theo biên bản xác định giá trị doanh nghiệp ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Tổng Công ty Dầu Việt Nam - Công ty TNHH Một Thành viên (đơn vị cổ phần hóa) đã được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

Tiền thuê đất, thuê văn phòng thể hiện số tiền thuê đã được trả trước. Tiền thuê trả trước được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

Chi phí trả trước khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ xuất dùng, các chi phí quảng cáo, sửa chữa được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, sử dụng phương pháp đường thẳng theo thời gian sử dụng hữu ích ước tính.

Giá trị lợi thế vị trí địa lý thể hiện khoản chênh lệch giá mua của một số cửa hàng xăng dầu và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian thuê đất còn lại của các cửa hàng từ 13 năm đến 50 năm.

Giá trị thương hiệu được phân bổ vào chi phí sản xuất kinh doanh theo quy định hiện hành kể từ thời điểm Tổng Công ty chính thức chuyển thành công ty cổ phần.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Tổng Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Tổng Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;

- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Tổng Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán hợp nhất của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán hợp nhất; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng. Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Tổng Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Theo hướng dẫn tại Công văn số 4360/DKVN-TCKT ngày 30 tháng 6 năm 2015 và Công văn số 3124/DKVN-TCKT ngày 13 tháng 5 năm 2015 của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam, Tổng Công ty áp dụng tỷ giá mua vào do Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam công bố để chuyển đổi các khoản mục tiền tệ gốc ngoại tệ tại ngày 31 tháng 12 năm 2020. Tỷ giá này có sự khác biệt so với tỷ giá quy định của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính về hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp. Theo đánh giá của Ban Tổng Giám đốc, sự khác biệt này không gây ảnh hưởng trọng yếu đến Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

Để phục vụ mục đích hợp nhất báo cáo tài chính, tài sản và công nợ liên quan đến hoạt động của Tổng Công ty tại nước ngoài (bao gồm cả số liệu so sánh) được chuyển đổi sang đơn vị tiền tệ của báo cáo theo tỷ giá tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Các khoản thu nhập và chi phí (bao gồm cả số liệu so sánh) được chuyển đổi theo tỷ giá bình quân của năm báo cáo trừ khi tỷ giá này có biến động lớn trong năm, trong trường hợp đó sẽ áp dụng tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá hối đoái, nếu có, sẽ được phân loại vào nguồn vốn chủ sở hữu và được ghi nhận vào khoản mục “Chênh lệch tỷ giá hối đoái”. Chênh lệch tỷ giá được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của năm chấm dứt hoạt động tại nước ngoài của Tổng Công ty.

Lợi thế thương mại và các điều chỉnh giá trị hợp lý phát sinh khi Tổng Công ty thực hiện hoạt động tại nước ngoài được kế toán như tài sản và nợ phải trả liên quan đến hoạt động tại nước ngoài và được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày kết thúc hoạt động này.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi Tổng Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Tổng Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Quỹ bình ổn giá xăng dầu

Quỹ Bình ổn giá xăng dầu được trích lập và sử dụng theo quy định tại Thông tư liên tịch số 39/2014/TTLT-BCT-BTC của liên Bộ Tài chính và Bộ Công thương ngày 29 tháng 10 năm 2014 (có hiệu lực từ ngày 01 tháng 11 năm 2014) về việc “Quy định về phương pháp tính giá cơ sở; cơ chế hình thành, quản lý, sử dụng Quỹ Bình ổn giá và điều hành giá xăng dầu theo quy định tại Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu” và Thông tư liên tịch số 90/2016/TTLT-BCT-BTC của liên Bộ Tài chính và Bộ Công thương ngày 24 tháng 6 năm 2016 (có hiệu lực thi hành từ ngày 15 tháng 8 năm 2016) sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư liên tịch số 39/2014/TTLT-BCT-BTC ngày 29 tháng 10 năm 2014 nói trên.

Quỹ bình ổn giá xăng dầu được trích lập bằng một khoản tiền cụ thể, cố định trong giá cơ sở của lượng xăng dầu thực tế tiêu thụ và được xác định là một khoản mục chi phí trong cơ cấu giá cơ sở (mức trích căn cứ theo quy định từng thời kỳ của Bộ Tài chính).

Quỹ bình ổn giá xăng dầu được sử dụng theo công văn chỉ đạo của Bộ Công thương từng thời kỳ. Việc sử dụng quỹ bình ổn giá xăng dầu dựa trên sản lượng thực tế tiêu thụ nhân mức sử dụng trên một lít xăng dầu theo quy định của Bộ Công thương.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính hợp nhất và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải

được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Tổng Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Tổng Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Việc xác định thuế thu nhập của Tổng Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

4. ĐIỀU CHỈNH HỒI TỔ

Trong năm 2020, Tổng Công ty đã quyết định điều chỉnh hồi tố số liệu Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 căn cứ theo Kết luận của Kiểm toán Nhà nước, dẫn đến thay đổi số liệu so sánh của báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020. Do ảnh hưởng việc điều chỉnh hồi tố này, số liệu của các chỉ tiêu trên báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 thay đổi như sau:

Thay đổi trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Chỉ tiêu	Mã số	Số đã báo cáo	Điều chỉnh lại	Số đầu năm (Sau điều chỉnh)
		VND	VND	VND
TÀI SẢN				
1. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122	(1.195.897.032)	(97.943.300)	(1.293.840.332)
2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.436.180.475.462	26.973.000	5.436.207.448.462
3. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	148.341.788.930	404.040.000	148.745.828.930
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	4.409.696.641.734	2.683.215.045	4.412.379.856.779
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	(845.962.615.005)	(1.564.349.933)	(847.526.964.938)
6. Tài sản thiếu chờ xử lý	139	2.398.772.324	(529.876.497)	1.868.895.827
7. Hàng tồn kho	141	2.447.870.689.620	(2.687.914.088)	2.445.182.775.532
8. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149	(243.629.557)	219.193.787	(24.435.770)
9. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	55.093.936.667	1.320.860.439	56.414.797.106
10. Phải thu dài hạn của khách hàng	211	26.622.656.044	709.963.710	27.332.619.754
11. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219	(26.622.656.044)	(709.963.710)	(27.332.619.754)
12. Tài sản cố định hữu hình	221	2.664.810.510.289	(103.538.525.465)	2.561.271.984.824
- Nguyên giá (i)	222	6.454.289.147.559	(100.933.305.169)	6.353.355.842.390
- Giá trị hao mòn lũy kế	223	(3.789.478.637.270)	(2.605.220.296)	(3.792.083.857.566)
13. Tài sản cố định thuê tài chính	224	-	105.403.712	105.403.712
- Giá trị hao mòn lũy kế	226	(685.759.091)	105.403.712	(580.355.379)
14. Tài sản cố định vô hình (ii)	227	1.639.957.515.917	(42.538.431.923)	1.597.419.083.994
- Nguyên giá	228	1.858.285.559.361	(48.621.332.820)	1.809.664.226.541
- Giá trị hao mòn lũy kế	229	(218.328.043.444)	6.082.900.897	(212.245.142.547)
15. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang (i)	242	197.666.624.036	111.356.265.811	309.022.889.847
16. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	(25.788.677.550)	(32.193.340)	(25.820.870.890)
17. Chi phí trả trước dài hạn (ii)	261	899.373.076.011	35.001.453.854	934.374.529.865
NGUỒN VỐN				
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	4.896.183.185.320	(2.373.336.004)	4.893.809.849.316
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	43.365.855.566	(62.755.679)	43.303.099.887
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	751.758.616.273	9.631.775.198	761.390.391.471
4. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	60.340.481.242	(27.809.501.485)	32.530.979.757
5. Phải trả ngắn hạn khác (iii)	319	4.832.140.524.509	44.472.470.827	4.876.612.995.336
6. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	24.828.661.802	543.786.482	25.372.448.284
7. Phải trả người bán dài hạn	331	951.181.334	(951.181.334)	-
8. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	104.577.609.103	3.785.167.365	108.362.776.468
9. Quỹ đầu tư phát triển	418	203.087.035.642	(3.668.706.535)	199.418.329.107
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	(733.084.059.159)	(17.558.795.374)	(750.642.854.533)
- (Lỗ) lũy kế đến cuối năm trước	421a	(963.603.547.581)	(2.598.084.270)	(966.201.631.851)
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b	230.519.488.422	(14.960.711.104)	215.558.777.318
11. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	429	1.224.504.223.642	(5.880.752.359)	1.218.623.471.283

Thay đổi trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Chỉ tiêu	Mã số	Số đã báo cáo	Điều chỉnh lại	Năm trước (Sau điều chỉnh)
		VND	VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	79.872.051.407.886	1.466.708.263	79.873.518.116.149
2. Giá vốn hàng bán	11	77.089.285.390.168	(897.472.479)	77.088.387.917.689
3. Doanh thu hoạt động tài chính	21	372.017.269.974	996.465.185	373.013.735.159
4. Chi phí tài chính (iii)	22	266.513.067.208	18.539.712.324	285.052.779.532
5. Chi phí bán hàng	25	1.690.369.592.224	(1.361.067.465)	1.689.008.524.759
6. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	808.179.239.425	2.244.084.499	810.423.323.924
7. Thu nhập khác	31	61.056.282.875	5.430.037.360	66.486.320.235
8. Chi phí khác	32	13.244.159.559	5.553.745.241	18.797.904.800
9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	64.495.258.015	1.830.577.422	66.325.835.437
10. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	774.695.192	3.785.167.365	4.559.862.557
11. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	347.022.157.051	(21.801.536.099)	325.220.620.952
12. Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ	61	230.519.488.422	(15.920.783.740)	214.598.704.682
13. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62	116.502.668.629	(5.880.752.359)	110.621.916.270
i. Bao gồm khoản điều chỉnh phân loại lại các tài sản thuộc Dự án “Xây dựng kho xăng dầu Nghi Sơn” từ khoản mục “Tài sản cố định hữu hình” sang khoản mục “Chi phí xây dựng cơ bản dở dang” với số tiền 110.829.151.581 đồng theo quy định hiện hành. ii. Bao gồm khoản điều chỉnh phân loại lại một số tài sản là tiền thuê đất và phí sử dụng hạ tầng khu công nghiệp hàng năm từ khoản mục “Tài sản cố định vô hình” sang khoản mục “Chi phí trả trước dài hạn” với số tiền là 40.517.777.376 đồng theo quy định hiện hành. iii. Bao gồm khoản điều chỉnh tăng chi phí lãi chậm trả đối với khoản phải trả về cổ phần hóa phải nộp về Quỹ Hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp với số tiền là 18.409.575.684 VND do thay đổi sau khi tính toán lại số liệu tạm tính. Số tiền này có thể được điều chỉnh khi Tổng Công ty được phê duyệt quyết toán cổ phần hóa.				

Thay đổi trên Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Chỉ tiêu	Mã số	Số đã báo cáo	Điều chỉnh lại	Năm trước (Sau điều chỉnh)
		VND	VND	VND
1. Lợi nhuận trước thuế	01	412.292.110.258	(16.185.791.312)	396.106.318.946
2. Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	385.038.799.909	(3.583.084.313)	381.455.715.596
3. Các khoản dự phòng	03	(66.291.987.231)	2.696.849.638	(63.595.137.593)
4. Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(438.688.023.850)	(3.294.315.258)	(441.982.339.108)
5. Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(746.472.023.267)	2.687.914.088	(743.784.109.179)
6. Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	538.123.904.706	54.000.741.450	592.124.646.156
7. Tăng, giảm chi phí trả trước	12	97.686.389.543	(36.322.314.293)	61.364.075.250

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Tiền mặt	25.772.599.412	32.378.139.695
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn (i)	2.478.648.768.039	2.064.804.640.772
Trong đó:		
Số dư tài khoản Quỹ Bình ổn giá xăng dầu (ii)	524.881.731.236	-
Tiền đang chuyển	1.857.695.899	2.887.848.296
Các khoản tương đương tiền (i), (iii)	1.027.337.970.637	866.010.232.800
	3.533.617.033.987	2.966.080.861.563

- Tiền gửi ngân hàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 bao gồm số tiền 7.733.019.292 đồng, 3.776.074 Đô la Mỹ là tiền gửi không kỳ hạn và 1.014.000.000 đồng là các khoản tiền gửi có kỳ hạn gốc 3 tháng tại Ngân hàng TMCP Đại Dương (nay là Ngân hàng Thương mại TNHH Một thành viên Đại Dương - "Oceanbank") bị hạn chế chi trả theo Chỉ thị số 600/2015/CT-TGD ngày 13 tháng 02 năm 2015 của Ngân hàng TMCP Đại Dương về việc tạm dừng cung cấp dịch vụ thanh toán cho các tổ chức kinh tế thuộc Tập đoàn Dầu khí Việt Nam để tiến hành rà soát, thẩm định hồ sơ thanh toán của khách hàng. Hiện nay, Oceanbank đã chuyển thành ngân hàng Nhà nước sở hữu 100% vốn, theo đó Ban Tổng Giám đốc đánh giá và tin tưởng rằng các khoản tiền gửi này sẽ được giao dịch trở lại trong thời gian tới khi có quyết định từ phía Ngân hàng Nhà nước.
- Tổng Công ty mở tài khoản ngân hàng và theo dõi riêng số kết chuyển từ Quỹ Bình ổn giá theo hướng dẫn của Thông tư liên tịch số 39/2014/TTLT-BCT-BTC ngày 29 tháng 10 năm 2014 của liên Bộ Tài chính và Bộ Công thương.
- Các khoản tương đương tiền tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 thể hiện các khoản tiền gửi tại ngân hàng thương mại có kỳ hạn gốc dưới 3 tháng và hưởng lãi suất từ 3% đến 6,3%/năm (tại ngày 31 tháng 12 năm 2019: từ 4,5% đến 6,6%/năm).

6. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
a. Chứng khoán kinh doanh	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng (Trình bày lại)
Tổng giá trị cổ phiếu	797.639.327	1.130.359.200	(5.924.643)	2.557.828.520	1.530.450.004	(1.293.840.332)
Công ty Cổ phần Thép Pomina (i)	18.839.843	12.915.200	(5.924.643)	479.473.051	133.980.004	(345.493.047)
Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú (i)	648.318.000	818.444.000	-	662.700.000	662.700.000	-
Tổng Công ty Việt Thắng - Công ty Cổ phần	130.481.484	299.000.000	-	130.481.484	299.000.000	-
Công ty Cổ phần Thép Nhà Bè	-	-	-	678.026.087	365.190.000	(410.779.387)
Công ty Cổ phần Lương thực Thực phẩm Vĩnh Long	-	-	-	607.147.898	69.580.000	(537.567.898)
	Số cuối năm			Số đầu năm		
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	
b. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn						
Tiền gửi có kỳ hạn (ii)	5.921.578.732.887	5.921.578.732.887	5.376.035.569.398	5.376.035.569.398		

- Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư chứng khoán kinh doanh này được xác định dựa trên giá trị niêm yết của cổ phiếu trên sàn giao dịch chứng khoán tại ngày kết thúc năm kế toán.
- Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn thể hiện các khoản tiền gửi tại các ngân hàng bằng Đồng Việt Nam có kỳ hạn gốc trên 3 tháng và kỳ hạn còn lại không quá 12 tháng từ thời điểm báo cáo và hưởng lãi suất từ 4,85% đến 7,1%/năm (tại ngày 31 tháng 12 năm 2019: 5,1% đến 7,4%/năm). Khoản tiền gửi có kỳ hạn với số tiền 270.568.036.997 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2019: 257.865.164.697 đồng) tại Oceanbank bị hạn chế chi trả theo Chỉ thị số 600/2015/CT-TGD ngày 13 tháng 02 năm 2015 của Oceanbank về việc tạm dừng cung cấp dịch vụ thanh toán cho các tổ chức kinh tế thuộc Tập đoàn Dầu khí Việt Nam để tiến hành rà soát, thẩm định hồ sơ thanh toán của khách hàng. Hiện nay, Oceanbank đã chuyển thành Ngân hàng Nhà nước sở hữu 100% vốn, theo đó Ban Tổng Giám đốc đánh giá và tin tưởng rằng khoản tiền gửi này sẽ được giao dịch trở lại trong thời gian tới khi có quyết định từ phía Ngân hàng Nhà nước.

7. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

	Số cuối năm	Số đầu năm (Trình bày lại)
	VND	VND
a. Phải thu ngắn hạn của khách hàng		
SK Energy International Pte Ltd	614.481.798.440	-
Công ty Cổ phần Dầu khí và Chất đốt Miền Bắc	124.164.578.894	124.164.578.894
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Xăng dầu Tiền Phong	118.524.357.430	118.524.357.430
Công ty Cổ phần Thương mại Vận tải Quảng Đông	87.946.610.123	87.946.610.123
Công ty Cổ phần Đầu tư Phú Lâm	77.865.356.829	77.865.356.829
Công ty Cổ phần Xăng dầu Quốc tế Việt Nam	69.638.325.811	69.638.325.811
Chi nhánh Công ty Cổ phần Vật tư -TKV -XN Vật tư Hòn Gai	69.009.786.531	82.927.231.796
Công ty Cổ phần Xe khách Sài Gòn	47.509.243.392	53.704.933.902
Công ty Cổ phần Thương mại Dầu Khí Vũ Anh	43.257.741.001	43.257.741.001
Công ty Cổ phần Dầu khí Dương Đông Kiên Giang	41.434.776.646	42.634.776.646
Công ty Cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn (i)	14.563.295.218	1.210.761.651.103
Xí nghiệp liên doanh Vietsovpetro	14.036.116.892	25.233.350.570
Tổng Công ty Thăm dò Khai thác Dầu khí	31.340.755.698	42.853.380.032
Công ty Cổ phần Dương Đông - Sài Gòn	440.288.497	57.462.163.937
Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam (PVPower)	215.556.260	39.167.619.412
Glencore Singapore Pte Ltd	-	1.010.153.541.409
Petro-Diamond Singapore Pte Ltd	-	511.121.173.294
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa	-	81.124.848.541
Các khách hàng khác	1.804.448.565.486	1.757.665.807.732
	3.158.877.153.148	5.436.207.448.462
b. Phải thu dài hạn của khách hàng		
Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Xuất nhập khẩu Tân Đỉnh Phong	12.839.699.605	12.839.699.605
Công ty TNHH Hương Giang	6.315.000.000	6.315.000.000
Công ty Cổ phần Itasco Lâm Đồng	4.616.066.901	3.906.103.191
Công ty Cổ phần Xăng dầu Quốc tế Việt Nam	-	2.607.355.480
Các khách hàng khác	565.554.868	1.664.461.478
	24.336.321.374	27.332.619.754
<i>Trong đó: Phải thu khách hàng là các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 42)</i>	122.369.980.254	1.401.360.096.973

- (i) Phản ánh khoản phí ủy thác và tiền dầu thô phải thu từ Công ty Cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn liên quan đến việc thực hiện các hoạt động mua, nhập khẩu ủy thác và bán hàng cho Công ty Cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn.

8. PHẢI THU KHÁC

	Số cuối năm	Số đầu năm (Trình bày lại)
	VND	VND
a. Phải thu ngắn hạn khác		
Thu hộ, trả hộ tiền dầu thô xuất khẩu ủy thác	1.973.221.045.540	3.569.842.235.157
Thu hộ, trả hộ tiền dầu thô nhập khẩu ủy thác	15.571.147.640	192.086.100.768
Phải thu khác Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	172.131.795.269	217.299.697.501
- Phải thu khác Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (i)	169.785.513.359	170.283.513.359
- Lợi nhuận tạm phân phối Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	2.346.281.910	47.016.184.142
Thuế tiêu thụ đặc biệt chờ khấu trừ, thuế bảo vệ môi trường và thuế nhập khẩu ưu đãi chờ hoàn (ii)	29.993.409.429	124.851.061.249
Phải thu về cổ phần hóa (iii)	5.755.479.545	5.755.479.545
Thuế xuất khẩu dầu thô thu hộ, trả hộ	1.652.137.894	1.652.137.894
Phải thu khác	319.913.593.002	300.893.144.665
	2.518.238.608.319	4.412.379.856.779
b. Phải thu dài hạn khác		
Phải thu về chuyển nhượng dự án Petroland	21.254.847.900	29.169.360.416
Ký quỹ, ký cược dài hạn	2.502.750.000	4.919.550.000
Chi phí phân bổ tài sản dùng để hợp tác kinh doanh	497.673.425	534.998.945
Cảng cá Ba Tri - Bến Tre	4.323.977.958	4.378.850.879
Phải thu khác dài hạn	296.988.010	252.018.000
	28.876.237.293	39.254.778.240
<i>Trong đó: Phải thu khác từ các bên liên quan</i>		
<i>(Chi tiết tại Thuyết minh số 42)</i>	1.865.413.157.493	3.992.352.047.374

- (i) Phải thu khác Tập đoàn Dầu khí Việt Nam bao gồm khoản lỗ lũy kế đến ngày 18 tháng 5 năm 2011 - là thời điểm Tổng Công ty Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư ("PETEC" - Công ty con của Tổng Công ty) chính thức chuyển sang loại hình công ty cổ phần với số tiền là 169.785.513.359 VND. Khoản phải thu này phát sinh từ việc xác định phần vốn nhà nước tại PETEC tại ngày 18 tháng 5 năm 2011 nhưng chưa được Tập đoàn Dầu khí Việt Nam và các cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt quyết toán.
- (ii) Phản ánh số thuế tiêu thụ đặc biệt của nguyên vật liệu Condensate và hàng pha chế chờ được khấu trừ, thuế bảo vệ môi trường và thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt chờ hoàn từ Ngân sách Nhà nước.
- (iii) Phản ánh các khoản chi phí phát sinh liên quan đến quá trình cổ phần hóa. Giá trị này có thể được điều chỉnh lại khi có phê duyệt cuối cùng của cơ quan có thẩm quyền.

9. NỢ XẤU

	Số cuối năm		Số đầu năm (Trình bày lại)	
	Giá gốc	VND Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	VND Giá trị có thể thu hồi
Các khoản phải thu khó đòi theo đối tượng				
Công ty Cổ phần Dầu khí và Chất đốt Miền Bắc	124.164.578.894	-	124.164.578.894	-
Công ty Cổ phần ĐT và PT Xăng dầu Tiên Phong	118.524.357.430	-	118.524.357.430	-
Công ty Cổ phần Thương mại Vận tải Quảng Đông	87.946.610.123	-	87.946.610.123	-
Công ty Cổ phần Dầu tư Phú Lâm	77.865.356.829	-	77.865.356.829	-
Công ty Cổ phần Xăng dầu Quốc tế Việt Nam	69.538.325.811	-	72.245.681.291	-
Công ty Cổ phần Thương mại Dầu khí Vũ Anh	43.257.741.001	-	43.257.741.001	-
Công ty Cổ phần Dầu khí Dương Đông Kiên Giang	41.434.776.646	-	42.634.776.646	4.277.125.161
Công ty Cổ phần Song Phát	26.371.285.621	-	26.371.285.621	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Cẩm Giàng	20.010.740.366	-	20.010.740.366	-
Công ty TNHH MTV Công nghiệp tàu thủy Cái Lân	19.576.761.700	-	19.576.761.700	-
Công ty Cổ phần Điều Phú Yên	17.604.952.041	-	18.604.952.041	-
Công ty TNHH SX & TM XNK Tân Đỉnh Phong	12.839.699.605	-	12.839.699.605	-
Tổng công ty thăm dò khai thác dầu khí PVEP	3.681.404.379	3.681.404.379	12.271.347.929	-
Công ty TNHH TMDV Dầu khí Anh Thúy	12.047.043.901	-	12.047.043.901	-
Công ty TNHH Nhiên Liệu Sinh Học Phương Đông	10.206.785.688	-	10.206.785.688	-
Công ty TNHH Thương mại & Dịch vụ Dầu khí Ninh Bình	8.906.024.795	-	8.906.024.795	-
Khách hàng nợ Chi nhánh Công ty cổ phần dầu khí Mê Kông tại Kiên Giang chờ xử lý	7.839.154.020	-	7.839.154.020	-
Công ty Cổ phần TMHD Nam Sông Hậu	7.799.179.244	-	7.799.179.244	-
Công ty TNHH xây dựng thương mại và dịch vụ 1932	6.875.172.043	-	6.875.172.043	-
Công ty TNHH Hương Giang	6.315.000.000	6.315.000.000	6.315.000.000	6.315.000.000
Công ty Cổ phần Vận tải Thành Phát	4.270.513.122	-	4.270.513.122	-
Công ty Cổ phần Itasco Lâm Đồng	4.616.066.901	-	3.906.103.191	-
Công ty cổ phần dầu khí Kiên Giang	4.412.890.390	-	-	-
Công ty Cổ phần Thương mại Phương Hoàng	3.287.903.374	-	3.287.903.374	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Dầu khí Hồng Việt	3.145.082.500	-	3.145.082.500	-
Công ty TNHH Công nghiệp Ngôi sao xanh	2.700.000.000	2.700.000.000	2.700.000.000	2.700.000.000
Công ty Cổ phần Trung Nam	2.516.000.000	-	2.516.000.000	-
Công ty TNHH TM&DV Hưng Nghiệp	2.255.318.300	836.000.000	2.255.318.300	836.000.000
Đỗ Văn Trực	2.066.082.640	-	2.066.082.640	-
Tổng Công ty ĐTXD và Thương mại Anh Phát- Công ty Cổ phần	1.662.728	1.662.728	305.204.346	305.204.346
Khách hàng khác	149.115.475.605	25.296.584.012	148.260.033.027	19.586.710.056
	901.191.945.697	38.830.651.119	909.014.489.667	34.020.039.563

10. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối năm		Số đầu năm (Trình bày lại)	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Hàng mua đang đi đường	151.953.156.293	-	194.516.369.453	-
Nguyên liệu, vật liệu	302.951.209.865	(1.014.618.341)	441.473.788.860	-
Công cụ, dụng cụ	12.759.009.450	-	14.997.721.922	-
Thành phẩm tồn kho	189.211.923.671	-	67.877.019.026	-
Hàng hóa	1.172.349.096.664	(734.206.893)	1.726.295.366.502	(24.435.770)
Hàng gửi đi bán	22.509.769	-	22.509.769	-
	1.829.246.905.712	(1.748.825.234)	2.445.182.775.532	(24.435.770)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đã đánh giá giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho và đã trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho với số tiền là 1.748.825.234 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2019: 24.435.770 đồng) đối với các mặt hàng có giá trị thuần thấp hơn giá gốc tại thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Trong năm, Tổng Công ty đã hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho với số tiền là 24.435.770 đồng (năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019: hoàn nhập 94.380.331.390 đồng).

11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Số cuối năm	Số đầu năm (Trình bày lại)
	VND	VND
a. Ngắn hạn		
Chi phí trả trước về thuê hoạt động tài sản cố định	4.406.139.259	4.152.107.555
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	1.197.240.195	3.937.248.364
Các khoản trả trước ngắn hạn khác	24.715.472.002	48.325.441.187
	30.318.851.456	56.414.797.106
b. Dài hạn		
Chi phí trả trước về thuê hoạt động	394.292.946.638	378.764.360.573
Giá trị thương hiệu và lợi thế vị trí địa lý (i)	242.876.845.531	273.481.625.251
Lợi thế kinh doanh (ii)	36.653.911.311	99.490.188.599
Công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	21.916.397.157	27.724.059.459
Chi phí sửa chữa, bảo dưỡng chờ phân bổ	13.657.634.132	21.332.217.278
Chi phí trả trước dài hạn khác	128.334.841.540	133.582.078.705
	837.732.576.309	934.374.529.865

- i. Bao gồm phần giá trị thương hiệu và lợi thế vị trí địa lý đối với đất thuê trả tiền hàng năm ghi nhận vào giá trị Tổng Công ty Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư - CTCP ("PETEC" - một công ty con của Tổng Công ty) khi cổ phần hóa ngày 18 tháng 5 năm 2011 với số tiền tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 201.191.937.846 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2019: 204.269.738.147 đồng).
- ii. Giá trị lợi thế kinh doanh phản ánh giá trị thương hiệu và tiềm năng phát triển của Tổng Công ty tính vào giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa theo kết quả xác định giá trị doanh nghiệp cho mục đích cổ phần hóa doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước.

12. THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG ĐƯỢC KHẤU TRỪ

Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 là phần thuế giá trị gia tăng đầu vào mà Tổng Công ty chưa thực hiện khấu trừ. Việc khấu trừ khoản thuế này trong năm tiếp theo sẽ phụ thuộc vào việc kê khai của Tổng Công ty và sự kiểm tra, phê duyệt của cơ quan thuế địa phương.

13. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/PHẢI NỘ NHÀ NƯỚC

	Số đầu năm (Trình bày lại) VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã thực nộp trong năm VND	Số cuối năm VND
Các khoản thuế phải thu				
Thuế GTGT hàng bán nội địa	800.000	-	656.750.192	657.550.192
Thuế tiêu thụ đặc biệt	36.273.733.575	(388.779.338)	267.500.810	36.930.013.723
Thuế thu nhập doanh nghiệp	22.810.034.245	1.508.561.985	434.424.904	21.735.897.164
Thuế thu nhập cá nhân	160.863.552	645.755.886	653.911.833	169.019.499
Thuế nhà đất	36.468.346	1.998.566.417	2.001.928.296	39.830.225
	59.281.899.718	3.764.104.950	4.014.516.035	59.532.310.803
Các khoản thuế phải trả, phải nộp	760.979.845.604	10.270.771.418.456	10.297.616.375.600	734.134.888.460
Thuế GTGT hàng bán nội địa	78.975.684.028	1.072.495.719.486	1.074.533.789.647	76.937.613.867
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	187.465.254.476	187.465.254.476	-
Thuế xuất, nhập khẩu	914.612.667	1.926.834.745.999	1.926.877.177.627	872.181.039
Thuế thu nhập doanh nghiệp	25.633.993.391	22.567.997.935	28.321.263.232	19.880.728.094
Thuế thu nhập cá nhân	4.441.755.610	12.601.583.378	13.681.195.549	3.362.143.439
Thuế tài nguyên	41.250.000	608.410.000	612.370.000	37.290.000
Thuế nhà đất	556.083.105	19.607.078.588	20.163.161.693	-
Thuế môn bài	-	394.000.000	394.000.000	-
Các loại thuế khác	650.416.466.803	7.028.196.628.594	7.045.568.163.376	633.044.932.021
Các khoản phải nộp khác	410.545.867	81.600.470.229	81.600.578.229	410.437.867
Các khoản phí, lệ phí (*)	410.545.867	81.600.470.229	81.600.578.229	410.437.867
	761.390.391.471	10.352.371.888.685	10.379.216.953.829	734.545.326.327

Trong đó: chi tiết các khoản Phải thu/Phải trả
với cơ quan thuế tại nước ngoài như sau:

Các khoản thuế phải thu	-	-	656.750.192	656.750.192
Các khoản thuế phải trả	15.623.227.039	2.012.510.230.531	2.005.819.497.747	22.313.959.823

- i. Trong năm, Công ty mẹ - Tổng Công ty ghi nhận 76.351.023.848 đồng tiền phạt chậm nộp thuế Tiêu thụ đặc biệt theo Thông báo số 291/TB07-CT của Cục thuế Thành phố Hồ Chí Minh ngày 29 tháng 6 năm 2020, liên quan đến các khoản thuế tiêu thụ đặc biệt phát sinh trong giai đoạn trước khi thực hiện Cổ phần hóa và đã được điều chỉnh giảm vào lợi nhuận phải trả về Công ty mẹ - Tập đoàn Dầu khí Việt Nam.

14. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà xưởng và vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	Thiết bị quản lý	Tài sản cố định hữu hình khác	Tổng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ						
Số dư đầu năm (trình bày lại)	4.461.226.705.582	1.284.202.698.925	471.191.487.229	94.856.029.778	41.878.920.876	6.353.355.842.390
Tăng trong năm	9.414.889.894	21.940.770.851	12.014.437.793	4.766.810.762	567.732.364	48.704.641.664
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	38.898.551.779	28.856.620.269	4.406.904.920	4.790.693.953	419.202.573	77.371.973.494
Giảm do chuyển PVOil Ninh Bình thành công ty liên kết (*)	(119.324.837.067)	(6.437.661.879)	(35.654.955.901)	(2.636.986.708)	-	(164.054.441.555)
Thanh lý, nhượng bán	(9.634.763.160)	(6.750.591.806)	(8.030.578.966)	(1.215.604.876)	-	(25.631.538.808)
Tăng, giảm khác	(11.925.144.584)	(4.581.291.029)	(473.914.459)	(367.620.660)	1.255.466.755	(16.092.503.977)
Số dư cuối năm	4.368.655.402.444	1.317.230.545.331	443.453.380.616	100.193.322.249	44.121.322.568	6.273.653.973.208
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Số dư đầu năm (trình bày lại)	2.432.148.021.695	916.136.592.501	335.215.382.466	75.609.703.446	32.974.157.458	3.792.083.857.566
Khấu hao trong năm	224.293.960.203	79.645.962.640	31.114.003.259	6.270.615.146	1.895.678.657	343.220.219.905
Giảm do chuyển PVOil Ninh Bình thành công ty liên kết (*)	(20.975.924.874)	(3.276.330.065)	(18.043.455.169)	(467.779.141)	-	(42.763.489.249)
Thanh lý, nhượng bán	(1.956.464.437)	(6.244.883.794)	(7.727.119.690)	(716.399.382)	-	(16.644.867.303)
Tăng, giảm khác	(8.289.864.634)	(4.661.894.569)	(815.691.123)	(404.769.430)	3.078.611.866	(11.093.607.890)
Số dư cuối năm	2.625.219.727.953	981.599.446.713	339.743.119.743	80.291.370.639	37.948.447.981	4.064.802.113.029
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Số dư tại ngày đầu năm (Trình bày lại)	2.029.078.683.887	368.066.106.424	135.976.104.763	19.246.326.332	8.904.763.418	2.561.271.984.824
Số dư tại ngày cuối năm	1.743.435.674.491	335.631.098.618	103.710.260.873	19.901.951.610	6.172.874.587	2.208.851.860.179

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình bao gồm các tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 648.652.550.050 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2019: 477.626.358.023 đồng).

Như trình bày tại Thuyết minh số 24 và Thuyết minh số 27, các tài sản cố định hữu hình được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 324.759.560.615 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2019: 416.469.514.659 đồng).

(*) Phản ánh khoản ghi giảm giá trị Tài sản cố định hữu hình của PVOil Ninh Bình do trong năm đã chuyển thành công ty liên kết như trình bày tại Thuyết minh số 01.

15. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Tài sản cố định vô hình khác	Tổng
	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ				
Số dư đầu năm (trình bày lại)	1.731.275.346.734	77.015.144.056	1.373.735.751	1.809.664.226.541
Tăng trong năm	8.400.110.739	5.901.701.212	-	14.301.811.951
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	13.992.227.273	5.280.090.331	-	19.272.317.604
Giảm do chuyển PVOil Ninh Bình thành công ty liên kết (i)	(70.368.624.858)	(136.000.000)	-	(70.504.624.858)
Thanh lý, nhượng bán	(3.012.659.160)	-	-	(3.012.659.160)
Tăng, giảm khác	(1.797.251.460)	(704.158.541)	-	(2.501.410.001)
Số dư cuối năm	1.678.489.149.268	87.356.777.058	1.373.735.751	1.767.219.662.077
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Số dư đầu năm (trình bày lại)	156.630.295.029	54.686.339.346	928.508.172	212.245.142.547
Khấu hao trong năm	26.525.047.767	4.157.533.379	66.476.266	30.749.057.412
Giảm do chuyển PVOil Ninh Bình thành công ty liên kết (i)	(1.975.280.991)	(105.825.106)	-	(2.081.106.097)
Tăng, giảm khác	(3.434.101.706)	1.394.206.315	-	(2.039.895.391)
Số dư cuối năm	177.745.960.099	60.132.253.934	994.984.438	238.873.198.471
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Số dư tại ngày đầu năm (Trình bày lại)	1.574.645.051.705	22.328.804.710	445.227.579	1.597.419.083.994
Số dư tại ngày cuối năm	1.500.743.189.169	27.224.523.124	378.751.313	1.528.346.463.606

Như trình bày tại Thuyết minh số 24 và số 27, giá trị quyền sử dụng đất của Tổng Công ty và các công ty con với tổng giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 117.253.295.966 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2019: 155.992.491.492 đồng) được dùng để đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng.

- i. Phản ánh khoản ghi giảm giá trị Tài sản cố định vô hình của PVOil Ninh Bình do trong năm đã chuyển thành công ty liên kết như trình bày tại Thuyết minh số 01.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, chi tiết các lô đất chưa được cấp/sang tên và chưa được gia hạn quyền sử dụng đất cho Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Sài Gòn (PVOIL Sài Gòn - Công ty con của Tổng Công ty) như sau:

STT	Lô đất	Địa chỉ	Chủ sở hữu	Nguyên giá tại ngày 31/12/2020	Ghi chú
				VND	
1	CHXD số 5	Ấp Tân Bình 1, xã Long Phú, huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang	Chưa được cấp quyền sử dụng đất	334.915.334	Tổng diện tích lô đất là 1.154,5m ² . PV Oil Sài Gòn đã thực hiện xong việc xin cấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất đối với phần diện tích 854,5m ² , còn lại 300m ² nằm trong phạm vi hành lang an toàn đường thủy nên không được cấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất.
2	CHXD số 40	Ấp Nàng Rền, thị trấn Phú Lộc, huyện Thạch Trị, tỉnh Sóc Trăng	Xí nghiệp Xăng dầu Dầu khí Sài Gòn	1.918.019.831	Hiện nay, lô đất này đang đứng tên Xí nghiệp Xăng dầu Dầu khí Sài Gòn (đơn vị tiền thân của PVOIL Sài Gòn).
3	CHXD số 63	5/4, ấp 1B, Bến Lức, Long An	Ông Nguyễn Văn Chúng	384.695.116	Tổng diện tích lô đất là 1.632m ² , trong đó chỉ còn 300m ² đất ở, 200m ² đất trồng lúa chưa sang tên cho PV Oil Sài Gòn. CHXD hoạt động trên 1.132m ² đất sản xuất kinh doanh đã sang tên.
4	Lô đất Cần Giờ	TP. HCM	Xí nghiệp Xăng dầu Dầu khí Sài Gòn	14.950.957.950	Hiện nay, Lô đất này đang đứng tên Xí nghiệp XDDK Sài Gòn (đơn vị tiền thân của PVOIL Sài Gòn). PVOIL Sài Gòn đã nộp hồ sơ xin cấp lại giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất.
5	Lô đất Ba Láng	Cần Thơ	Bà Hoàng Hải Hà	10.592.491.299	PV Oil Sài Gòn chưa hoàn thiện việc chuyển mục đích sử dụng đất. Tổng diện tích lô đất là 1.967,8m ² . Trong đó mới chỉ đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được 618,3m ² , bao gồm 300m ² đất ở và 318,3m ² đất sản xuất kinh doanh.
6	CHXD số 31	Tỉnh lộ 38, ấp Thào Lạng, xã Vĩnh Thạnh, thị xã Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu		1.521.855.500	Quyền sử dụng đất hết hạn tháng 12/2016, chưa gia hạn quyền sử dụng đất.
				29.702.935.030	

16. TĂNG, GIẢM BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ CHO THUÊ

	Nhà xưởng và vật kiến trúc	Khác	Tổng
	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ			
Số dư đầu năm	138.601.406.545	771.255.889	139.372.662.434
Số dư cuối năm	138.601.406.545	771.255.889	139.372.662.434
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Số dư đầu năm	22.067.798.796	771.255.889	22.839.054.685
Khấu hao trong năm	3.967.173.216	-	3.967.173.216
Số dư cuối năm	26.034.972.012	771.255.889	26.806.227.901
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Số dư tại ngày đầu năm	116.533.607.749	-	116.533.607.749
Số dư tại ngày cuối năm	112.566.434.533	-	112.566.434.533

Trong năm, Tổng Công ty thu được từ việc cho thuê bất động sản đầu tư (toàn bộ bất động sản đầu tư được cho thuê theo hình thức thuê hoạt động) là 20.985.226.514 đồng (năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019: 24.757.427.291 đồng). Chi phí trực tiếp cho hoạt động kinh doanh phát sinh từ bất động sản đầu tư trong năm là 9.400.331.448 đồng (năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019: 11.321.515.243 đồng).

Nguyên giá của bất động sản đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 bao gồm các bất động sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn cho thuê với giá trị là 886.142.245 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2019: 823.093.389 đồng).

Theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 05 - *Bất động sản đầu tư*, giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 cần được trình bày. Tuy nhiên, Tổng Công ty hiện chưa xác định được giá trị hợp lý này nên giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 chưa được trình bày trên Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất. Để xác định được giá trị hợp lý này, Tổng Công ty sẽ phải thuê một công ty tư vấn độc lập đánh giá giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư. Hiện tại, Tổng Công ty chưa tìm được công ty tư vấn phù hợp để thực hiện công việc này. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒ DANG

17. CHI PHÍ ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	Số cuối năm	Số đầu năm (Trình bày lại)
	VND	VND
Kho cảng Xăng dầu Cái Mép - Tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu (i)	56.164.171.321	56.164.171.321
Đầu tư xây dựng các cửa hàng xăng dầu	25.857.515.858	62.999.853.475
Mở rộng kho chứa nhà máy chế biến Condensate	7.258.066.196	7.258.066.196
Kho Trung chuyển xăng dầu Hợp Thịnh - Kỳ Sơn, Hòa Bình (ii)	11.683.769.124	12.599.556.079
Dự án cải tạo sửa chữa và mua sắm thiết bị phòng thí nghiệm xây dựng tại Tổng kho Đình Vũ	-	10.405.615.454
Mở rộng kho xăng dầu Nghi Sơn (Giai đoạn 1)	111.508.151.581	110.829.151.581
Bãi đỗ, quay xe bồn phục vụ Nhập xuất kho Nghi Sơn	20.262.054.022	7.582.217.714
Công trình khác	17.047.922.052	41.184.258.027
	249.781.650.154	309.022.889.847

- Thể hiện giá trị san lấp mặt bằng giai đoạn 02 của Kho cảng Xăng dầu Cái Mép - Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Tổng Công ty Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư - CTCP ("PETEC"- một công ty con của Tổng Công ty) đã tạm dừng việc tiếp tục triển khai dự án này và đang chờ quyết định của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam về việc tiếp tục triển khai dự án này trong thời gian tới.
- Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Phú Thọ ("PV Oil Phú Thọ" - một công ty con của Tổng Công ty) đã tạm dừng việc tiếp tục triển khai dự án này theo Công văn số 7150/DVN-ĐTTM ngày 24 tháng 12 năm 2012.

18. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN DOANH, LIÊN KẾT

a. Đầu tư vào công ty liên kết

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Đầu tư vào các công ty liên kết	693.143.806.812	735.410.847.535
Phần lỗ phát sinh trong năm	(13.894.781.608)	(11.787.331.319)
Cổ tức được chia trong năm	(14.377.832.000)	(24.492.797.460)
Các khoản trích quỹ và điều chỉnh khác trong năm	4.087.541.217	(5.986.911.944)
Đầu tư vào các công ty liên kết (*)	668.958.734.421	693.143.806.812

(*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, giá trị khoản đầu tư của Tổng Công ty vào Công ty Cổ phần Hóa dầu và Nhiên liệu Sinh học Dầu khí (công ty liên kết của Tổng Công ty) được phản ánh theo phương pháp vốn chủ sở hữu trên báo cáo tài chính hợp nhất với giá trị là 273.373.642.647 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2019: 279.094.330.000 đồng). Theo Thông báo số 385/TB-VPCP ngày 02 tháng 10 năm 2018 của Văn phòng Chính phủ, Công ty Cổ phần Hóa dầu và Nhiên liệu Sinh học Dầu khí được đề nghị xem xét phương án giải thể, phá sản theo quy định pháp luật. Ngày 24 tháng 10 năm 2018, Hội đồng Quản trị Tổng Công ty đã gửi văn bản trình Tập đoàn Dầu khí Việt Nam về việc triển khai phương án phá sản Công ty Cổ phần Hóa dầu và

Nhiên liệu Sinh học Dầu khí. Ngày 10 tháng 12 năm 2018, Tổng Công ty đã gửi Công văn số 211/DVN-TCKT cho Tập đoàn Dầu khí Việt Nam để đề xuất được xác định lại khoản đầu tư này về mức không đồng (0 đồng) khi thực hiện quyết toán cổ phần hóa và trong quá trình thực hiện thủ tục phá sản dự án, nếu có phát sinh thu hồi từ thanh lý tài sản tại Nhà máy nhiên liệu sinh học Phú Thọ, Tổng Công ty sẽ nộp toàn bộ về Quỹ Hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp. Vấn đề này đã được Tập đoàn Dầu khí Việt Nam xin ý kiến xử lý của Ủy Ban Quản lý vốn Nhà nước tại doanh nghiệp trong Công văn số 3540/DKVN-HĐTV ngày 01 tháng 7 năm 2019 về sắp xếp lại, xử lý nhà đất và khó khăn vướng mắc trong quyết toán cổ phần hóa PVOIL. Tại ngày phát hành báo cáo tài chính hợp nhất này, Tổng Công ty vẫn chưa nhận được phản hồi từ Tập đoàn Dầu khí Việt Nam, Ủy Ban Quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp và các cơ quan có thẩm quyền về việc triển khai phương án phá sản Công ty Cổ phần Hóa dầu và Nhiên liệu Sinh học Dầu khí.

Thông tin tài chính tóm tắt về các công ty liên kết của Tổng Công ty được trình bày như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Tổng tài sản	5.972.523.952.248	5.628.670.349.205
Tổng công nợ	4.501.101.095.779	4.061.210.086.112
Tài sản thuần	1.471.422.856.469	1.567.460.263.093
Phần tài sản thuần của Tổng Công ty trong công ty liên kết	668.958.734.421	693.143.806.812
	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Doanh thu	10.443.245.189.720	10.088.110.367.481
Lỗ thuần	(101.630.485.987)	(98.938.796.983)
Phần lỗ thuần của Tổng Công ty trong công ty liên kết	(13.894.781.608)	(11.787.331.319)

b. Góp vốn liên doanh

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Đầu tư vào các công ty liên doanh	32.245.772.734	34.105.583.474
Phần lãi/(lỗ) phát sinh trong năm	6.118.820.270	(2.389.989.491)
Các khoản trích quỹ và điều chỉnh khác trong năm	274.664.643	530.178.751
Đầu tư vào các công ty liên doanh	38.639.257.647	32.245.772.734

Thông tin tài chính tóm tắt về các công ty liên doanh của Tổng Công ty được trình bày như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Tổng tài sản	1.909.533.238.827	2.028.145.207.055
Tổng công nợ	2.618.329.961.483	2.616.784.506.477
Tài sản thuần	(708.796.722.655)	(588.639.299.422)
Phần tài sản thuần của Tổng Công ty trong công ty liên doanh	38.639.257.647	32.245.772.734
	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Doanh thu	609.271.569.965	1.092.824.061.459
Lỗ thuần	(121.718.779.140)	(183.951.945.708)
Phần (lỗ)/lãi thuần của Tổng Công ty trong công ty liên doanh	6.118.820.270	(2.389.989.491)

19. ĐẦU TƯ GÓP VỐN VÀO ĐƠN VỊ KHÁC

	Số cuối năm	Số đầu năm (Trình bày lại)
	VND	VND
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng và Đô thị Dầu khí	-	15.126.357.240
Công ty Cổ phần Phát triển Đông Dương Xanh	7.263.016.037	7.263.016.037
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Đông Dương (*)	9.753.141.763	9.753.141.763
Công ty Cổ phần Khách sạn Lam Kinh	10.549.395.047	10.549.395.047
Công ty Cổ phần Âu Lạc	26.482.144.914	26.482.144.914
Công ty Cổ phần Nhiên liệu Sài Gòn	4.736.610.000	4.736.610.000
Công ty Cổ phần Vận tải Việt Tín	7.000.000.000	7.000.000.000
Đầu tư dài hạn khác	5.678.738.529	5.728.738.529
	71.463.046.290	86.639.403.530
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	(25.107.093.547)	(25.820.870.890)
	46.355.952.743	60.818.532.640

(*) Trong năm 2020, Tổng Công ty đã thực hiện chào bán ra công chứng toàn bộ 1.000.000 cổ phần tại Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Đông Dương theo Giấy chứng nhận đăng ký chào bán số 40/GCN-UBCK của Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ngày 18 tháng 3 năm 2020. Theo Thông báo số 913/SGDHCM-NY của Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE), việc chào bán không thành công do không có nhà đầu tư đăng ký tham gia đấu giá.

Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chưa thu thập được thông tin để xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác nên giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 chưa được trình bày trên Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

20. LỢI THẾ THƯƠNG MẠI

	VND
NGUYÊN GIÁ	
Số dư đầu năm	223.644.147.290
Số dư cuối năm	223.644.147.290
HAO MÒN	
Số dư đầu năm	193.371.117.515
Khấu hao trong năm	21.166.098.780
Số dư cuối năm	214.537.216.295
GIÁ TRỊ CÒN LẠI	
Số dư đầu năm	30.273.029.775
Số dư cuối năm	9.106.930.995

21. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối năm		Số đầu năm (Trình bày lại)	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Công ty Cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn	944.265.324.925	944.265.324.925	1.588.023.774.134	1.588.023.774.134
Chi nhánh Phân Phối Sản phẩm Lọc dầu Nghi Sơn - Tập đoàn DKVN	786.001.646.472	786.001.646.472	264.422.777.967	264.422.777.967
Tổng Công ty Thăm dò Khai thác Dầu khí (PVETP)	153.671.700.393	153.671.700.393	557.007.220.283	557.007.220.283
Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí (PVTrans)	70.767.827.739	70.767.827.739	86.152.976.362	86.152.976.362
Công ty TNHH Dầu khí Việt Nhật	53.348.861.167	53.348.861.167	-	-
Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần (PVGas)	2.224.215.174	2.224.215.174	42.924.953.352	42.924.953.352
Lukoil Asia Pacific Pte Ltd	-	-	1.185.368.282.812	1.185.368.282.812
Conocophillips (UK) Cuu Long Limited	-	-	212.487.776.936	212.487.776.936
Horizon Petroleum Limited	-	-	150.788.068.145	150.788.068.145
Korea National Oil Corporation	-	-	130.234.444.011	130.234.444.011
BP Singapore Pte Ltd	-	-	109.747.671.226	109.747.671.226
SK Innovation Co., Ltd	-	-	82.253.332.925	82.253.332.925
Elico Oil PTE Ltd.,	-	-	79.228.404.715	79.228.404.715
Các đối tượng khác	386.073.026.362	386.073.026.362	405.170.166.448	405.170.166.448
	2.396.352.602.232	2.396.352.602.232	4.893.809.849.316	4.893.809.849.316
<i>Trong đó: Phải trả người bán là các bên liên quan (chi tiết tại Thuyết minh số 42)</i>	1.967.726.238.441	1.967.726.238.441	2.555.635.610.787	2.555.635.610.787

22. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	Số cuối năm	Số đầu năm (Trình bày lại)
	VND	VND
Chi phí mua hàng trích trước	106.608.957.369	3.068.935.018
Chi phí trích trước tạm tính giá vốn hàng hóa, chi phí kinh doanh	363.480.253	351.086.503
Chi phí lãi vay	4.020.258.765	7.805.906.373
Các khoản chi phí phải trả khác	23.872.428.636	21.305.051.863
	134.865.125.023	32.530.979.757
<i>Trong đó: Chi phí phải trả cho các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 42)</i>	<i>72.433.530.915</i>	<i>4.983.191.388</i>

23. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	Số cuối năm	Số đầu năm (Trình bày lại)
	VND	VND
Thu hộ, trả hộ tiền dầu thô xuất khẩu ủy thác	3.084.096.897.922	4.581.479.558.410
Thu hộ, trả hộ tiền dầu nhập khẩu ủy thác	14.604.280.132	27.625.828.245
Thuế xuất khẩu dầu thô thu hộ, trả hộ	4.149.656.832	877.311.893
Phải trả về cổ phần hóa (i)	124.763.746.767	115.280.907.565
Lợi nhuận sau thuế còn lại phải nộp về Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	-	67.659.527.054
Phải trả tiền thu từ bán cổ phần (ii)	6.508.956.732	6.508.956.732
Phải trả, phải nộp khác	81.928.298.826	77.180.905.437
	3.316.051.837.211	4.876.612.995.336
<i>Trong đó: Phải trả khác là các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 42)</i>	<i>1.731.578.882.702</i>	<i>2.699.082.966.782</i>

- i. Phản ánh khoản phải trả về cổ phần hóa sau khi ghi nhận đủ số vốn điều lệ của Công ty mẹ - Tổng Công ty sau cổ phần hóa là 10.342.295.000.000 đồng theo Quyết định số 1979/QĐ-TTg ngày 08 tháng 12 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ. Giá trị này có thể được điều chỉnh lại khi có phê duyệt cuối cùng của Cơ quan có thẩm quyền.
- ii. Phản ánh số tiền Công ty mẹ - Tổng Công ty thu được khi thực hiện chào bán cổ phần ra công chúng và phải trả cho chủ sở hữu số tiền thu từ việc chào bán cổ phần này. Khoản tiền thu về cổ phần hóa này sẽ được quyết toán và có thể được điều chỉnh khi có phê duyệt cuối cùng của Cơ quan có thẩm quyền.

24. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	Số đầu năm		Trong năm			Số cuối năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giảm do chuyển PVOil Ninh Bình thành công ty liên kết (*)	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Vay ngắn hạn	4.651.977.112.108	4.651.977.112.108	16.930.554.420.161	17.404.987.408.881	203.821.031.740	3.973.723.091.648	3.973.723.091.648
Vay dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh số 27)	58.458.166.763	58.458.166.763	38.802.330.967	63.111.284.405	6.869.850.000	27.279.363.325	27.279.363.325
	4.710.435.278.871	4.710.435.278.871	16.969.356.751.128	17.468.098.693.286	210.690.881.740	4.001.002.454.973	4.001.002.454.973

Vay ngắn hạn thể hiện các khoản vay từ các ngân hàng và các cá nhân để bổ sung vốn lưu động của Tổng Công ty và Công ty con. Các khoản vay từ các ngân hàng có thể rút bằng Đồng Việt Nam, KIP Lào hoặc Đô la Mỹ theo từng hạn mức tín dụng ký kết với các ngân hàng. Các khoản vay từ các ngân hàng chịu lãi suất quy định theo từng lần nhận nợ, dao động từ 1,15% đến 1,2%/năm (tại ngày 31 tháng 12 năm 2019: từ 2,2% đến 4%/năm) đối với Đô la Mỹ, dao động từ 1,25% đến 9,2%/năm (tại ngày 31 tháng 12 năm 2019: từ 4,9% đến 8%/năm) đối với Đồng Việt Nam và dao động từ 7,2% đến 8%/năm (tại ngày 31 tháng 12 năm 2019: 8%) đối với đồng KIP Lào. Một số khoản vay có số dư tổng cộng tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 402.593.811.068 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2019: 668.774.479.504 đồng) được đảm bảo bằng tài sản cố định, các khoản vay còn lại được bảo đảm bằng tín chấp.

(*) Tổng Công ty thực hiện ghi giảm giá trị các khoản vay ngắn hạn của PVOil Ninh Bình do trong năm đã chuyển thành công ty liên kết như trình bày tại Thuyết minh số 01.

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn của Tổng Công ty theo đồng tiền giải ngân như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Vay bằng VND	3.649.415.121.271	3.307.913.618.350
Vay bằng LAK	217.118.869.293	213.846.415.538
Vay bằng USD	107.189.101.084	1.130.217.078.220
	3.973.723.091.648	4.651.977.112.108

Các khoản vay ngắn hạn của Tổng Công ty phân loại theo loại hình đảm bảo như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Vay tín chấp	3.571.129.280.580	3.983.202.632.604
Vay có tài sản đảm bảo của Tổng Công ty	402.593.811.068	668.774.479.504
	3.973.723.091.648	4.651.977.112.108

Các khoản vay ngắn hạn của Tổng Công ty được ký hợp đồng theo lãi suất thả nổi. Các khoản vay ngắn hạn được phân loại theo lãi suất vay như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Vay theo lãi suất thả nổi	-	4.409.126.435.570
Vay theo lãi suất cố định	3.973.723.091.648	242.850.676.538
	3.973.723.091.648	4.651.977.112.108

25. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	Số cuối năm	Số đầu năm (Trình bày lại)
	VND	VND
Quỹ dự phòng rủi ro và bồi thường thiệt hại môi trường	27.302.545.880	25.372.448.284
	27.302.545.880	25.372.448.284

- (i) Ngày 20 tháng 6 năm 2016, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 86/2016/TT-BTC (“Thông tư 86”) hướng dẫn một số nội dung về quỹ dự phòng rủi ro, bồi thường thiệt hại về môi trường theo quy định tại Nghị định số 19/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành luật bảo vệ môi trường. Tổng Công ty đã áp dụng

Thông tư này và trích lập quỹ dự phòng rủi ro, bồi thường thiệt hại về môi trường với số dư lũy kế đến ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 27.302.545.880 đồng.

26. QUỸ BÌNH ỔN GIÁ

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Số dư đầu năm	(198.578.419.135)	37.639.803.610
Trích quỹ trong năm	1.136.409.785.318	825.165.811.700
Lãi phát sinh	435.688.829	38.005.834
Sử dụng quỹ trong năm	(497.043.946.838)	(1.061.358.514.025)
Lãi tính trên số dư Quỹ bình ổn giá âm	(2.260.808.738)	(63.526.254)
Số dư cuối năm	438.962.299.436	(198.578.419.135)
<i>Trong đó:</i>		
Số dư đã chuyển tiền gửi ngân hàng	524.881.731.236	-
Số dư tài khoản Quỹ Bình ổn chưa được kết chuyển	(85.919.431.800)	(198.578.419.135)

Việc trích lập và sử dụng Quỹ bình ổn giá xăng dầu được thực hiện theo các quy định của Bộ Tài chính tại các thời điểm khác nhau (như trình bày chi tiết tại Thuyết minh số 3 - Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu, mục “Quỹ bình ổn giá xăng dầu”). Trong năm, Tổng Công ty thực hiện trích lập và sử dụng quỹ bình ổn giá xăng dầu theo các quy định hiện hành. Phần chênh lệch trích và sử dụng quỹ bình ổn giá xăng dầu phát sinh sẽ được thực hiện theo các hướng dẫn của Bộ Tài chính trong thời gian tiếp theo.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, số dư Quỹ Bình ổn đã được kết chuyển sang tài khoản tiền gửi ngân hàng theo đúng hướng dẫn của Thông tư liên tịch số 39/2014/TTLT-BCT-BTC ngày 29 tháng 10 năm 2014 của liên Bộ Tài chính và Bộ Công thương (Thuyết minh số 5).

27. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	Số đầu năm		Trong năm			Số cuối năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giảm do chuyển PVOil Ninh Bình thành công ty liên kết (ii)	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Các khoản vay dài hạn (i)	252.093.884.475	252.093.884.475	53.061.630.967	102.037.615.372	82.171.450.000	120.946.450.070	120.946.450.070
Trong đó:							
Số phải trả trong vòng 12 tháng (Thuyết minh số 24)	58.458.166.763	58.458.166.763	38.802.330.967	63.111.284.405	6.869.850.000	27.279.363.325	27.279.363.325
Số phải trả sau 12 tháng	193.635.717.712	193.635.717.712	14.259.300.000	38.926.330.967	75.301.600.000	93.667.086.745	93.667.086.745
	252.093.884.475	252.093.884.475	53.061.630.967	102.037.615.372	82.171.450.000	120.946.450.070	120.946.450.070

Chi tiết các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn như sau:

- Các khoản vay dài hạn cho mục đích tài trợ các dự án đầu tư mở rộng kho xăng dầu tại Tổng Công ty và các Công ty con. Các khoản vay dài hạn thể hiện tổng số tiền vay tại các Ngân hàng thương mại với tổng hạn mức tín dụng là 123.000.000.000 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2019: 259.621.000.000 đồng). Các khoản vay này được bảo đảm bằng công trình Khu bồn chứa xăng dầu Phú Thọ, một xe ô tô và một phần tài sản thuộc Dự án “Kho xăng dầu Nghi Sơn” và chịu lãi suất bằng lãi suất tiết kiệm bình quân 12 tháng cộng lãi suất biên từ 1,5%/năm đến 2,4%/năm. Các khoản vay này dùng để tài trợ cho các Dự án “Mở rộng Kho Nhà Bè - Giai đoạn 3”, Dự án xây dựng Kho Phú Thọ và Dự án Kho xăng dầu Nghi Sơn. Các khoản vay dài hạn cho mục đích tài trợ các dự án đầu tư mở rộng kho xăng dầu tại Tổng Công ty và các công ty con. Các khoản vay chịu lãi suất từ 7% đến 10,65%/năm (năm 2019 từ 7,5% đến 11,5%) đối với các khoản vay bằng Đồng Việt Nam. Các khoản vay này được bảo đảm bằng: (i) tài sản hình thành từ dự án tổng kho Vũng Áng và các tài sản cố định khác; (ii) tài sản hình thành từ dự án Kho trung chuyển tại Nam Định; (iii) tài sản của cửa hàng xăng dầu Thanh Quang; (iv) quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất Bình Thuận, (v) quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất và (vi) các tài sản cố định khác.
- Tổng Công ty đã thực hiện ghi giảm giá trị các khoản Vay dài hạn của PVOil Ninh Bình do trong năm đã chuyển thành công ty liên kết như trình bày tại Thuyết minh số 01.

Chi tiết các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn của Tổng Công ty theo đồng tiền giải ngân như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Vay và nợ thuê tài chính bằng VND	120.946.450.070	252.093.884.475
	120.946.450.070	252.093.884.475

Các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn của Tổng Công ty phân loại theo loại hình đảm bảo như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Vay tín chấp	2.192.000.000	34.822.000.000
Vay có tài sản đảm bảo	118.754.450.070	217.271.884.475
	120.946.450.070	252.093.884.475

Các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn của Tổng Công ty được ký hợp đồng theo lãi suất thả nổi. Các khoản vay và nợ thuê tài chính được phân loại theo lãi suất vay như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Vay và nợ thuê tài chính theo lãi suất thả nổi	72.265.255.570	169.485.628.205
Vay và nợ thuê tài chính theo lãi suất cố định	48.681.194.500	82.608.256.270
	120.946.450.070	252.093.884.475

Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Trong vòng một năm	27.279.363.325	58.458.166.763
Trong năm thứ hai	23.702.943.502	69.205.119.327
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	54.074.755.101	95.261.241.505
Sau năm năm	15.889.388.142	29.169.356.880
	120.946.450.070	252.093.884.475
Trừ: Số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần Vay dài hạn đến hạn trả - Thuyết minh số 24)	27.279.363.325	58.458.166.763
Số phải trả sau 12 tháng	93.667.086.745	193.635.717.712

28. THUẾ THU NHẬP HOÃN LẠI PHẢI TRẢ

Dưới đây là thuế thu nhập hoãn lại phải trả ghi nhận trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày kết thúc niên độ kế toán và thu nhập/chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

	Số cuối năm	Số đầu năm (Trình bày lại)
	VND	VND
Thuế suất thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị thuế thu nhập hoãn lại phải trả	20%	20%
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế	140.206.299.008	108.362.776.468
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	140.206.299.008	108.362.776.468
Kết chuyển vào kết quả kinh doanh trong năm	31.843.522.540	4.559.862.557

29. VỐN CHỦ SỞ HỮU:

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu:

	Vốn góp của chủ sở hữu	Chênh lệch đánh giá lại tài sản (i)	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Lỗi lũy kế	Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	Vốn khác của chủ sở hữu	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<i>Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019</i>										
Số dư đầu năm	10.342.295.000.000	(167.017.350.614)	190.699.297.399	(4.622.433.701)	9.986.499.655	(881.667.848.758)	5.959.092.576	7.587.978.678	1.152.729.900.270	10.655.950.135.505
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	347.022.157.051	-	-	-	347.022.157.051
Trích các quỹ trong năm	-	-	20.274.025.376	-	-	(85.173.682.759)	-	-	(18.559.339.829)	(83.458.997.212)
Phân loại lại giữa các quỹ	-	-	-	(5.609.238.340)	-	9.370.820.151	-	(9.370.820.151)	5.609.238.340	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông không kiểm soát	-	-	-	-	-	(116.502.668.629)	-	-	116.502.668.629	-
Điều chỉnh cho cổ đông không kiểm soát	-	-	(7.873.646.352)	-	8.730.919.418	26.432.986.181	-	-	-	27.290.259.247
Chênh lệch do chuyển đổi báo cáo tài chính	-	-	-	-	(10.112.930.262)	-	-	-	(8.730.919.418)	(18.843.849.680)
Tăng vốn bằng cổ tức	-	-	-	-	-	(17.983.718.799)	-	-	-	(17.983.718.799)
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	-	-	-	(26.062.115.668)	(26.062.115.668)
Điều chỉnh theo Kiểm toán Nhà nước	-	-	(3.668.706.535)	-	-	(17.558.795.374)	-	-	(5.880.752.359)	(27.108.254.268)
Khác	-	-	(12.640.781)	(121.284)	-	(14.582.103.597)	-	-	3.014.791.318	(11.580.074.345)
Số dư cuối năm (Trình bày lại)	10.342.295.000.000	(167.017.350.614)	199.418.329.107	(10.231.793.325)	8.604.488.811	(750.642.854.533)	5.959.092.576	(1.782.841.473)	1.218.623.471.283	10.845.225.541.832
<i>Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020</i>										
Số dư đầu năm (Trình bày lại)	10.342.295.000.000	(167.017.350.614)	199.418.329.107	(10.231.793.325)	8.604.488.811	(750.642.854.533)	5.959.092.576	(1.782.841.473)	1.218.623.471.283	10.845.225.541.832
Lỗi trong năm	-	-	-	-	-	(166.119.310.667)	-	-	-	(166.119.310.667)
Trích các quỹ trong năm	-	-	9.572.483.935	-	-	(33.749.800.081)	-	-	(9.158.757.908)	(33.336.074.054)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông không kiểm soát	-	-	-	-	-	53.926.715.718	-	-	(53.926.715.718)	-
Điều chỉnh cho cổ đông không kiểm soát	-	-	(3.608.889.961)	-	(4.494.827.259)	12.767.647.869	-	-	-	4.663.930.649
Chênh lệch do chuyển đổi báo cáo tài chính	-	-	-	-	6.548.792.532	-	-	-	4.494.827.259	11.043.619.791
Thay đổi do chuyển PVOIL Ninh Bình thành công ty liên kết (ii)	-	-	(136.738.101)	(92.603)	-	2.897.557.710	-	-	(44.952.124.567)	(42.191.397.561)
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	-	-	-	(37.203.649.214)	(37.203.649.214)
Khác	-	-	1.287.548.664	-	-	(17.897.296.758)	-	-	382.122.234	(16.227.625.860)
Số dư cuối năm	10.342.295.000.000	(167.017.350.614)	206.532.733.644	(10.231.885.928)	10.658.454.084	(898.817.340.742)	5.959.092.576	(1.782.841.473)	1.078.259.173.369	10.565.855.034.916

- (i) Chênh lệch đánh giá lại tài sản thể hiện khoản điều chỉnh hợp nhất cho khoản chênh lệch giữa giá trị của các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết phát sinh từ việc điều chỉnh giá trị doanh nghiệp theo kết quả của Kiểm toán Nhà nước và đã được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt cho mục đích xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa với giá trị vốn chủ sở hữu tại các công ty nhận đầu tư.
- (ii) Điều chỉnh giảm do trong năm PVOil Ninh Bình đã chuyển thành công ty liên kết như trình bày tại Thuyết minh số 01.

Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	200.445.036	200.445.036
Cổ phiếu phổ thông	200.445.036	200.445.036
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	1.034.229.500	1.034.229.500
Cổ phiếu phổ thông	1.034.229.500	1.034.229.500
Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá 10.000 đồng/cổ phiếu.

Ngày 24 tháng 12 năm 2018, Tổng Công ty đã nộp Đơn đăng ký số 3788/DVN-KH đến Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội về việc đăng ký giao dịch bổ sung 980.900 cổ phiếu bán cho người lao động trong doanh nghiệp cổ phần hóa, ngày giao dịch chính thức là ngày 02 tháng 01 năm 2019. Số lượng cổ phiếu được đăng ký giao dịch bổ sung này bị hạn chế chuyển nhượng trong thời gian từ 03 đến 10 năm kể từ ngày 01 tháng 8 năm 2018.

Vốn điều lệ

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 17 ngày 01 tháng 8 năm 2018, vốn điều lệ của Tổng Công ty sau khi chuyển thành công ty cổ phần là 10.342.295.000.000 VND. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, vốn điều lệ đã được cổ đông góp đủ như sau:

	Số lượng	Tỷ lệ %	Số vốn góp VND
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	832.803.564	80,52%	8.328.035.640.000
Các cổ đông khác	201.425.936	19,48%	2.014.259.360.000
	1.034.229.500	100%	10.342.295.000.000

30. LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG KHÔNG KIỂM SOÁT

	Số cuối năm	Số đầu năm (Trình bày lại)
	VND	VND
Vốn góp của chủ sở hữu	1.083.485.480.080	1.139.303.480.080
Thặng dư vốn cổ phần	14.241.337.135	14.241.701.532
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	1.005.591.753	(3.489.235.506)
Quỹ đầu tư phát triển	125.239.989.629	123.456.691.695
Lỗi lũy kế	(147.168.705.971)	(56.344.647.261)
Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	1.455.480.743	1.455.480.743
	1.078.259.173.369	1.218.623.471.283

31. CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	Đơn vị tính	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công			
- Xăng Ron 95	Lít	10.351.178	7.346.694
- Xăng Ron 92	Lít	36.808.647	18.597.556
- Xăng E5	Lít	815.937	3.598.882
- Dầu DO 0,05%	Lít	127.542.734	80.673.010
- Dầu FO	Kg	5.224.178	561.861
- Jet A1	Kg	8.440.774	2.130.513
- Xăng E100	Lít	56.051	183.689
- Phụ gia CN 120	Lít	166.027	-
2. Ngoại tệ các loại			
- Đô la Mỹ (USD)	USD	19.676.423,71	13.869.622,49
- Đồng Euro (EUR)	EUR	294,75	302,94
- Đô la Singapore (SGD)	SGD	279.905,48	290.383,63
- KIP Lào (KIP)	KIP	17.372.635.361	18.747.698.995
- Bath Thái (THB)	THB	367.076	908.395

32. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Tổng Công ty không lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh do hoạt động của Tổng Công ty chủ yếu là hoạt động xuất nhập khẩu và kinh doanh dầu thô, xăng dầu.

Bộ phận theo khu vực địa lý

Tổng Công ty hoạt động tại khu vực nội địa và nước ngoài.

Dưới đây là phân tích doanh thu của Tổng Công ty theo khu vực địa lý, không tính đến xuất xứ của hàng hóa, dịch vụ.

	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại)
	VND	VND
Nội địa	26.285.191.780.234	42.212.055.808.414
Quốc tế	23.743.095.726.324	37.650.398.226.652
	50.028.287.506.558	79.862.454.035.066

Dưới đây là phân tích về giá trị còn lại, tăng tài sản cố định hữu hình và vô hình theo khu vực địa lý, nơi đặt các tài sản đó.

	Giá trị còn lại của tài sản bộ phận		Tăng tài sản cố định	
	Số cuối năm	Số đầu năm (Trình bày lại)	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại)
	VND	VND	VND	VND
Nội địa	3.643.264.819.301	4.055.028.583.546	150.789.004.262	225.786.664.112
Quốc tế	93.933.504.484	103.662.485.272	8.861.740.451	1.888.723.087
	3.737.198.323.785	4.158.691.068.818	159.650.744.713	227.675.387.199

33. DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại)
	VND	VND
Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	50.033.857.003.272	79.873.518.116.149
- Doanh thu bán hàng	49.627.662.226.967	79.506.376.223.482
- Doanh thu cung cấp dịch vụ và hoạt động khác	270.177.309.776	241.564.058.836
- Doanh thu từ ủy thác xuất khẩu dầu thô	136.017.466.529	125.577.833.831
Các khoản giảm trừ doanh thu	(5.569.496.714)	(11.064.081.083)
- Chiết khấu thương mại	(5.569.496.714)	(11.064.081.083)
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	50.028.287.506.558	79.862.454.035.066

Trong đó: Doanh thu với các bên liên quan 6.656.960.671.072 12.185.009.648.872
(Chi tiết tại Thuyết minh số 42)

34. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại)
	VND	VND
Giá vốn hàng bán	47.941.770.460.819	76.924.755.506.330
Giá vốn dịch vụ cung cấp	128.912.813.550	163.632.411.359
	48.070.683.274.369	77.088.387.917.689

35. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại)
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	4.263.767.013.615	6.770.627.836.647
Chi phí nhân công	870.076.302.805	893.134.700.464
Chi phí khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	377.936.450.533	381.455.715.596
Chi phí dịch vụ mua ngoài	656.233.030.827	724.106.778.985
Chi phí khác bằng tiền	460.905.512.865	545.513.927.186
	6.628.918.310.645	9.314.838.958.878

36. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại)
	VND	VND
Lãi tiền gửi ngân hàng	361.033.236.880	343.244.532.677
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	16.727.186.052	18.918.857.217
Cổ tức được chia	1.569.314.581	3.158.855.300
Lãi bán hàng trả chậm	5.320.075.889	2.800.340.174
Lãi thanh lý các khoản đầu tư tài chính	59.123.642.760	-
Doanh thu hoạt động tài chính khác	7.926.849.290	4.891.149.791
	451.700.305.452	373.013.735.159

37. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại)
	VND	VND
Chi phí lãi vay	146.206.620.298	195.607.788.484
Lỗ chênh lệch tỷ giá (Hoàn nhập)/Trích lập dự phòng giảm giá đầu tư tài chính	39.714.963.236 (1.980.124.682)	31.693.633.600 6.355.020.902
Chi phí tài chính khác	26.830.894.499	51.396.336.546
	210.772.353.351	285.052.779.532

38. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại)
	VND	VND
Chi phí bán hàng phát sinh trong năm	1.606.741.748.359	1.689.008.524.759
Chi phí nhân viên bán hàng	551.069.086.842	610.870.433.618
Chi phí dụng cụ, đồ dùng và vật liệu văn phòng	57.991.377.870	76.868.024.796
Chi phí vận chuyển	136.333.497.204	136.805.735.951
Chi phí dịch vụ mua ngoài	293.476.788.833	278.792.037.413
Chi phí khấu hao tài sản cố định	259.159.991.290	277.657.100.152
Các khoản dự phòng	3.098.623.633	3.633.511.984
Các khoản chi phí bán hàng khác	305.612.382.687	304.381.680.845
Chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm	721.381.472.971	810.423.323.924
Chi phí nhân viên quản lý	287.122.534.695	312.349.456.349
Chi phí dụng cụ, đồ dùng và vật liệu văn phòng	46.694.972.495	48.543.287.839
Chi phí khấu hao tài sản cố định	45.684.391.598	45.769.852.688
(Hoàn nhập)/Trích lập các khoản dự phòng	4.281.071.180	25.902.192.953
Chi phí dịch vụ mua ngoài	96.421.609.938	122.529.543.722
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp khác	241.176.893.065	255.328.990.373
	2.328.123.221.330	2.499.431.848.683

39. LỢI NHUẬN KHÁC

	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại)
	VND	VND
Thu nhập khác	60.899.648.340	66.486.320.235
Thu từ thanh lý tài sản cố định	41.436.196.897	7.557.374.202
Tiền bồi thường nhận được	3.752.797.007	3.376.418.952
Vận chuyển nhân sự các lô dầu	-	25.168.170.047
Các khoản thu nhập khác	15.710.654.436	30.384.357.034
Chi phí khác	34.417.619.860	18.797.904.800
Phí lưu tàu	20.314.444.461	2.256.055.019
Các khoản tiền phạt	776.102.403	723.148.083
Các khoản chi phí khác	13.327.072.996	15.818.701.698
Lợi nhuận khác	26.482.028.480	47.688.415.435

40. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại)
	VND	VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập tính thuế kỳ hiện hành	23.390.818.229	66.325.835.437
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	23.390.818.229	66.325.835.437

41. LỖ/LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại)
(Lỗ)/Lợi nhuận sau thuế phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty mẹ (VND)	(112.192.594.949)	214.598.704.682
- Trích các quỹ từ nguồn lợi nhuận công ty mẹ và các công ty con (VND)	-	(24.591.042.173)
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)	(112.192.594.949)	190.007.662.509
Số cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong năm (cổ phiếu)	1.034.229.500	1.034.229.500
(Lỗ)/Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)	(108)	184

Lãi cơ bản trên cổ phiếu năm trước được trình bày lại do trong năm 2020, Công ty đã trích các quỹ từ nguồn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2019 theo các Nghị Quyết Đại hội đồng cổ đông của các công ty con trong năm 2020 với tổng số tiền là 24.591.042.173 đồng.

42. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan có giao dịch và số dư trọng yếu trong năm:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	Chủ sở hữu
Các công ty trong cùng Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	Công ty cùng Tập đoàn
Các công ty liên kết	Công ty cùng Tập đoàn

Trong năm, Tổng Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Bán hàng	6.656.960.671.072	12.185.009.648.872
Công ty Cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn (BSR)	5.319.280.381.697	9.854.163.178.661
Công ty Cổ phần Vật tư - Xăng dầu (Comeco)	704.197.134.593	1.050.827.825.417
Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam (PVPower)	276.972.463.033	502.013.278.143
Tổng Công ty Thăm dò Khai thác Dầu khí (PVEP)	112.353.447.671	71.088.230.942
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Thái Bình Dương (PVTrans_Pacific)	110.677.739.928	214.703.176.200
Liên doanh Việt - Nga Vietsovetpetro	64.611.241.832	70.405.163.592
Công ty Cổ phần Dịch vụ Dầu khí Quảng Ngãi PTSC	20.714.240.905	34.235.606.871
Công ty Cổ phần Kinh doanh khí hóa lỏng Miền Nam (PVGas_S)	17.989.442.544	66.271.312.095
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam (PTSC)	9.981.883.061	37.676.244.983
Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần (PVGas)	3.813.825.571	3.767.994.695
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Khảo sát và Công trình ngầm PTSC	3.424.975.812	11.700.508.944
Công ty Cổ phần Kết cấu kim loại và Lắp máy Dầu khí (PVC_MS)	3.298.900.188	2.372.969.819
Tổng Công ty Phân bón và hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần (PVFCCo)	2.453.845.733	3.929.798.468
Công ty Cổ phần Kinh doanh khí hóa lỏng Miền Bắc (PVGas_N)	1.393.652.675	2.410.185.249
Tổng Công ty Cổ phần Khoan và Dịch vụ khoan Dầu khí (PVD)	610.255.454	1.765.838.708
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Hà Nội	7.140.000	5.960.000
Công ty điều hành dầu khí Biển Đông	-	126.109.915.812
Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2 (PVPowerNT2)	-	121.567.055.825
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Phương Đông Việt (PVTrans_Oil)	-	2.410.470.925
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Vũng Tàu	-	83.368.076
Các đối tượng khác	5.180.100.375	7.501.565.447

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Mua hàng	21.596.549.894.376	24.553.383.768.168
Công ty Cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn (BSR)	8.295.798.853.241	14.110.510.235.241
Chi nhánh Phân phối Sản phẩm Lọc dầu Nghi Sơn	8.148.471.206.652	9.433.534.291.108
Tổng Công ty Thăm dò Khai thác Dầu khí (PVEP)	4.453.834.170.250	7.870.470.910
Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí (PVTrans)	393.152.211.949	373.850.092.904
Chi nhánh Tập đoàn Dầu khí Việt Nam- Công ty Điều hành Dầu khí Biển Đông	130.863.380.478	-
Tổng Công ty Khí Việt Nam - CTCP (PVGas)	95.711.491.453	546.912.128.655
Tập đoàn dầu khí Việt Nam (PVN)	52.957.945.355	52.966.345.065
Công ty Cổ phần Giám định năng lượng Việt Nam	13.625.382.494	14.584.959.971
Liên doanh Việt - Nga Vietsovpetro	7.348.373.466	6.929.089.554
Các đối tượng khác	4.786.879.038	6.226.154.760

Tiền lương, phụ cấp và thù lao của các thành viên Hội đồng Quản trị bao gồm Tổng Giám đốc; tiền lương của Ban Kiểm soát, của các Phó Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng được hưởng trong năm tại Công ty Mẹ như sau:

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Tiền lương, phụ cấp và thù lao của Hội đồng Quản trị/Hội đồng Thành viên (bao gồm Tổng Giám đốc)	4.649.461.759	5.918.493.818
Tiền lương của Ban Kiểm soát	2.184.732.138	2.419.861.165
Tiền lương của các Phó Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng	5.617.306.103	6.070.645.017

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	122.369.980.254	1.401.360.096.973
Công ty Cổ phần Dầu khí Dương Đông Kiên Giang	41.434.776.646	42.634.776.646
Tổng Công ty Thăm dò Khai thác Dầu khí (PVEP)	31.340.755.698	42.853.380.032
Công ty Cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn (BSR)	14.563.295.218	1.210.761.651.103
Liên doanh Việt - Nga Vietsovpetro	14.036.116.892	25.233.350.570
Công ty Điều hành Dầu khí Biển Đông	6.562.131.813	14.323.881.986
Công ty Cổ phần Dịch vụ Dầu khí Quảng Ngãi PTSC	2.836.847.245	2.457.430.815
Công ty TNHH Nhiên liệu Sinh học Phương Đông	2.160.324.960	2.160.324.960
Công ty CP Kết cấu kim loại và Lắp máy Dầu khí (PVC_MS)	1.975.811.850	2.921.118.500
Công ty CP Vận tải sản phẩm khí quốc tế (Gas_Shipping)	1.621.004.840	7.556.567.980
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam (PTSC)	1.379.454.399	3.016.694.230
Ban quản lý dự án Nhà máy lọc dầu Dung Quất (DQR)	1.362.230.984	1.362.230.984
Công ty Cổ phần Cảng Dịch vụ Dầu khí Đình Vũ	1.019.624.710	2.380.576.830
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Khảo sát và Công trình ngầm PTSC	664.147.958	2.355.370.518
Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam (PVPower)	215.556.260	39.167.619.412
Các đơn vị khác	1.197.900.781	2.175.122.407
Phải thu khác	1.865.413.157.493	3.992.352.047.374
Công ty Cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn	1.626.201.945.080	3.685.336.844.366
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	172.131.795.269	217.299.697.501
Công ty Cổ phần Thương mại Dầu khí Petechim	27.768.049.087	36.813.665.551
Liên doanh Việt - Nga Vietsovpetro	36.021.807.639	49.153.708.948
Các đối tượng khác	3.289.560.418	3.748.131.008

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Phải trả nhà cung cấp ngắn hạn	1.967.726.238.441	2.555.635.610.787
Công ty Cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn	944.265.324.925	1.588.023.774.134
Chi nhánh Phân phối sản phẩm Lọc dầu Nghi Sơn - Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	786.001.646.472	264.422.777.967
Tổng Công ty Thăm dò Khai thác Dầu khí	153.671.700.393	557.007.220.283
Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí (PVTrans)	70.767.827.739	86.152.976.362
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng và Đô thị Dầu khí	4.991.026.528	5.414.895.656
Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần (PVGas)	2.224.215.174	42.924.953.352
Ban Quản lý Nhà máy Lọc dầu Dung Quất	1.954.237.323	1.954.237.323
Công ty CP Kết cấu kim loại và Lắp máy Dầu khí (PVC_MS)	220.714.963	5.955.483.985
Các đối tượng khác	3.629.544.924	3.779.291.725
Phải trả khác	1.731.578.882.702	2.699.082.966.782
Liên doanh Việt - Nga Vietsovpetro	1.481.102.436.233	2.185.604.357.570
Tổng Công ty Thăm dò Khai thác Dầu khí (PVEP)	208.058.350.803	321.001.802.862
Tổng Công ty Khí Việt Nam - CTCP (PVGas)	42.193.707.864	116.062.074.448
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	224.387.802	76.414.731.902
Vay dài hạn	14.195.160.422	16.561.020.492
Vay Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam	14.195.160.422	16.561.020.492
Chi phí phải trả ngắn hạn	72.433.530.915	4.983.191.388
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	30.356.467.439	608.245.559
Công ty Điều hành dầu khí Biển Đông	26.870.304.027	-
Tổng Công ty Thăm dò Khai thác Dầu khí (PVEP)	10.110.254.916	-
Tổng Công ty Cổ phần vận tải Dầu khí	2.929.452.934	-
Chi nhánh Phân phối sản phẩm Lọc dầu Nghi Sơn - Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	2.103.834.577	3.068.935.018
Trường Cao đẳng nghề Dầu khí (PVMTC)®	63.217.022	587.379.790
Các đối tượng khác	-	718.631.021

43. SỰ KIỆN QUAN TRỌNG TRONG NĂM

Sự lây lan của dịch bệnh do chủng virus Corona mới gây ra ("Covid-19") đã và đang tác động đến nền kinh tế thế giới và trong nước. Hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty cũng chịu ảnh hưởng gián tiếp từ diễn biến của đại dịch Covid-19 ở Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc đã đánh giá ảnh hưởng của Covid-19 đối với tình hình tài chính và hoạt động sản xuất kinh doanh, đồng thời, theo dõi các chính sách hỗ trợ của Chính phủ để thực hiện tất cả các biện pháp thích hợp nhằm hạn chế tác động tiêu cực của dịch bệnh tới hoạt động của Tổng Công ty trong năm. Ban Tổng Giám đốc cũng tin tưởng rằng Covid-19 không ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của Tổng Công ty.



Phùng Tố Vân
Người lập biểu



Nguyễn Ngọc Ninh
Kế toán trưởng



Đoàn Văn Nhuộm
Tổng Giám đốc

Ngày 16 tháng 3 năm 2021